



# SỔ TAY VĂN BẢN PHÁP LUẬT

## SỐ 19

Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC

Năm 2011 – Tập II

### Nội dung

	Trang
<b>Phần I. Một số lưu ý về công tác thuế, kế toán, lao động tiền lương trong năm 2012</b>	03 – 07
<b>Phần II. Tóm lược các văn bản pháp quy đã ban hành trong 6 tháng cuối năm 2011</b>	
1. Thuế GTGT	08 – 16
2. Thuế TNDN	16 – 20
3. Thuế TNCN	21 – 23
4. Thuế Nhà thầu	23 – 24
5. Các loại thuế khác, phí và lệ phí	24 – 27
6. Xuất nhập khẩu	27 – 32
7. Kế toán - tài chính	32 – 33
8. Lao động, tiền lương	33 – 37
9. Ngân hàng	37 – 42
10. Các quy định khác	42 – 50
<b>Phần II. Tỷ giá tham khảo trong hạch toán kế toán</b>	
1. Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD từ tháng 06/2011 đến tháng 12/2011	43
2. Tỷ giá tính chéo giữa Đồng VN với một số ngoại tệ tại ngày 31/12/2011	44

*Sổ tay này chỉ có giá trị thông tin và tổng hợp. Trong trường hợp áp dụng cụ thể bạn đọc phải căn cứ vào nội dung toàn văn của các văn bản pháp luật tương ứng hoặc sự hướng dẫn của các chuyên gia tư vấn của AAC*

**Viết tắt**

CP

*Chính phủ*

TTCP

*Thủ tướng Chính phủ*

BTC

*Bộ Tài chính*

BCT

*Bộ Công thương*

BLĐTBXH

*Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội*

NHNN

*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*

TCT

*Tổng Cục thuế*

TCHQ

*Tổng Cục Hải quan*

Thuế GTGT

*Thuế Giá trị gia tăng*

Thuế TNDN

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế TNCN

*Thuế thu nhập cá nhân*

NĐ

*Nghị định*

TT

*Thông Tư*

QĐ

*Quyết định*

CV

*Công văn*

## PHẦN I. MỘT SỐ LƯU Ý VỀ CÔNG TÁC THUẾ, KẾ TOÁN, LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG TRONG NĂM 2012

### THUẾ

#### 1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thuế giá trị gia tăng

Kể từ ngày 01/03/2012, các quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã ban hành tại Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 121/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ.

Theo đó, tại Điều 2 của Nghị định 123/2008/NĐ-CP, quy định về người nộp thuế, được bổ sung các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng, bao gồm: a) Hàng hóa, dịch vụ do đối tượng nộp thuế tại Việt Nam cung cấp ở ngoài Việt Nam, trừ hoạt động vận tải quốc tế mà chặng vận chuyển quốc tế có điểm đi và đến ở nước ngoài; b) Các khoản thu về bồi thường, tiền thưởng, tiền hỗ trợ nhận được, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác; c) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam mua dịch vụ của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam như: sửa chữa phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị (bao gồm cả vật tư, phụ tùng thay thế); quảng cáo, tiếp thị; xúc tiến đầu tư và thương mại; môi giới bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đào tạo; chia cước dịch vụ bưu chính, viễn thông quốc tế giữa Việt Nam với nước ngoài mà các dịch vụ này được thực hiện ở ngoài Việt Nam. d) Tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng thì không phải kê khai, tính thuế giá trị gia tăng khi bán tài sản, kể cả trường hợp bán tài sản đang sử dụng để đảm bảo tiền vay tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng.

Trường hợp cung cấp dịch vụ mà hoạt động cung cấp vừa diễn ra tại Việt Nam, vừa diễn ra ở nước ngoài nhưng hợp đồng dịch vụ được ký kết giữa 02 (hai) doanh nghiệp là đối tượng nộp thuế tại Việt Nam hoặc có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì dịch vụ này phải chịu thuế giá trị gia tăng đối với phần giá trị hợp đồng thực hiện tại Việt Nam, trừ trường hợp cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho hàng hóa nhập khẩu.

Tại Khoản 3 Điều 3, quy định về đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, Nghị định này quy định rõ hơn về đối tượng không chịu thuế là bảo hiểm nhân thọ bao gồm: bảo hiểm nhân thọ; bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm người học và các dịch vụ bảo hiểm liên quan đến con người; bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm cây trồng và các dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp khác; tái bảo hiểm.

Về giá tính thuế, đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, Nghị định này quy định rất rõ về giá đất được trừ từ giá chuyển nhượng bất động sản khi tính thuế giá trị gia tăng, cụ thể cho từng trường hợp: Đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nhà để bán, giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng bao gồm tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước (không kể tiền sử dụng đất được miễn, giảm) và chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật; Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất trúng đấu giá; Trường hợp thuê đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước (không bao gồm tiền thuê đất được miễn, giảm) và chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật; Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất bao gồm cả giá trị cơ sở hạ tầng (nếu có); cơ sở kinh doanh không được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của cơ sở hạ tầng đã tính trong giá trị quyền sử dụng đất được trừ không chịu thuế giá trị gia tăng. Trường hợp không xác định được giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại thời điểm ký hợp đồng nhận chuyển nhượng; Trường hợp cơ sở kinh doanh bất động sản thực hiện theo hình thức xây dựng - chuyển giao (BT) đối công trình lấy đất thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá tại thời điểm ký hợp đồng BT theo quy định của pháp luật.

Nghị định này bổ sung thêm quy định về giá tính thuế đối với hoạt động cung ứng dịch vụ vừa thực hiện tại Việt Nam vừa thực hiện ở nước ngoài là phần giá trị dịch vụ thực hiện tại Việt Nam quy định trong hợp đồng cung cấp dịch vụ. Trường hợp, hợp đồng không xác định riêng phần giá trị dịch vụ thực hiện tại Việt Nam thì giá tính thuế được xác định theo tỷ lệ (%) chi phí phát sinh tại Việt Nam trên tổng chi phí.

#### 2. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp

Cũng trong ngày 27/12/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 122/2011/NĐ-CP, quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Nghị định này quy định rõ hơn về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm khác tại Việt Nam, cụ thể từ 32% đến 50%. Đối với các mỏ dầu khí mức thuế suất được thực hiện theo quy định của Luật Dầu khí; đối với các mỏ tài nguyên quý hiếm (trừ dầu khí) áp dụng thuế suất là 50%, trường hợp các mỏ có từ 70% diện tích được giao trở lên ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thuộc danh mục địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ban hành kèm theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 40%. Tài nguyên quý hiếm khác được quy định bao gồm: bạch kim, vàng, bạc, thiếc, wonfram, antimoan, đá quý, đất hiếm.

Nghị định này cũng quy định rõ hơn về thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản, theo đó, bao gồm thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền thuê đất; thu nhập từ cho thuê lại đất của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật về đất đai không phân biệt có hay không có kết cấu hạ tầng, công trình kiến trúc gắn liền với đất; thu nhập từ chuyển nhượng nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất đai, kể cả các tài sản gắn liền với nhà, công trình xây dựng đó không phân biệt có hay không có chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền thuê đất; thu nhập từ chuyển nhượng các tài sản khác gắn liền với đất đai....

Một số nội dung được sửa đổi, bổ sung khác như quy định về thu nhập chịu thuế khác ngoài thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; quy định cụ thể hơn về việc xác định thu nhập chịu thuế đối với một số hoạt động sản xuất, kinh doanh cụ thể...

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2012 và áp dụng cho kỳ tính thuế từ năm 2012 trở đi.

3. [Gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 của doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động](#)

Ngày 19/01/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 04/2012/QĐ-TTg, quy định việc gia hạn nộp thuế thêm 03 tháng đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý I, quý II năm 2011 của doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, đã được gia hạn nộp thuế theo các Quyết định số 21/2011/QĐ-TTg ngày 06/04/2011 và số 54/2011/QĐ-TTg ngày 11/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp tính tạm nộp của quý I năm 2011 chậm nhất đến ngày 30/07/2012. Thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp tính tạm nộp của quý II năm 2011 chậm nhất đến ngày 30/10/2012. Trường hợp ngày nộp thuế là các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật thì thời gian gia hạn nộp thuế được tính vào ngày làm việc tiếp theo.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/03/2012.

4. [Hướng dẫn thi hành Luật thuế bảo vệ môi trường](#)

Kể từ ngày 01/01/2012, Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08/08/2011 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành. Các quy định về thu phí xăng, dầu tại Nghị định số 78/2000/NĐ-CP ngày 26/12/2000 và Quyết định 03/2009/QĐ-TTg ngày 09/01/2009 về điều chỉnh mức thu phí xăng dầu sẽ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định có hiệu lực.

Theo đó, có 04 nhóm đối tượng phải chịu thuế bảo vệ môi trường, bao gồm: các loại xăng, dầu, mỡ nhờn gốc hoá thạch; dung dịch hydro-chloro-fluoro-carbon (ký hiệu là HCFC) dùng làm môi chất sử dụng trong thiết bị lạnh và trong công nghiệp bán dẫn; túi ni lông nhựa mỏng làm từ màng nhựa đơn HDPE, LDPE hoặc LLDPE; thuốc diệt cỏ thuộc loại hạn chế sử dụng, thuốc trừ mối thuộc loại hạn chế sử dụng, thuốc bảo quản lâm sản thuộc loại hạn chế sử dụng, thuốc khử trùng kho thuộc loại hạn chế sử dụng.

Hàng hóa sản xuất hoặc nhập khẩu chỉ phải nộp thuế bảo vệ môi trường 1 lần. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu đã nộp thuế bảo vệ môi trường nhưng phải nhập khẩu trở lại Việt Nam thì không phải nộp thuế bảo vệ môi trường. Đối với hàng hóa sản xuất bán ra, trao đổi, tiêu dùng nội bộ, tặng cho thực hiện khai thuế, tính thuế và nộp thuế theo tháng. Đối với hàng hóa nhập khẩu, hàng hóa nhập ủy thác thực hiện khai thuế, tính thuế và nộp thuế theo từng lần phát sinh.

Các công ty kinh doanh xăng dầu đầu mỗi thực hiện khai, nộp thuế vào ngân sách nhà nước đối với lượng xăng dầu xuất, bán tại địa phương nơi kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng. Đối với than thực hiện theo nguyên tắc: than tiêu thụ nội địa phải khai, nộp thuế bảo vệ môi trường; than xuất khẩu không thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường.

5. [Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thuế tiêu thụ đặc biệt](#)

Kể từ ngày 01/01/2012, một số sửa đổi, bổ sung liên quan đến các quy định về thuế tiêu thụ đặc biệt ban hành tại Nghị định số 113/2011/NĐ-CP ngày 08/12/2011 của Chính phủ có hiệu lực thi hành.

Theo đó, Nghị định bổ sung quy định về đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là xe ô tô, cụ thể, ngoài các đối tượng xe ô tô không chịu thuế được quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định 26/2009/NĐ-CP, bổ sung thêm các loại xe chuyên dụng, xe không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông do Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan quy định cụ thể.

Nghị định này cũng sửa đổi quy định về cách tính giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa sản xuất trong nước. Theo đó, khi tính giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt, phải loại trừ thuế bảo vệ môi trường của hàng hóa (nếu có) trong phần giá bán hàng hóa chưa VAT. Trong quy định về giá làm căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt không được thấp hơn 10% so với giá bán bình quân của cơ sở kinh doanh thương mại bán ra, trong trường hợp bán hàng qua cơ sở kinh doanh thương mại, bổ sung thêm quy định áp dụng riêng đối với mặt hàng xe ô tô, theo đó, giá bán bình quân của cơ sở kinh doanh thương mại để so sánh là giá bán xe ô tô chưa bao gồm các lựa chọn về trang thiết bị, phụ tùng mà cơ sở kinh doanh thương mại lắp đặt thêm theo yêu cầu của khách hàng.

Nghị định này quy định rõ hơn về việc khấu trừ thuế, cụ thể, người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bằng các nguyên liệu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt

đã nộp đối với nguyên liệu nhập khẩu hoặc đã trả đối với nguyên liệu mua trực tiếp từ cơ sở sản xuất trong nước khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp. Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ tương ứng với số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên liệu đã sử dụng để sản xuất hàng hóa bán ra. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với nguyên liệu mua trực tiếp từ cơ sở sản xuất trong nước quy định tại khoản này.

**6. Hướng dẫn về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**

Ngày 11/11/2011, Chính phủ đã ban hành Thông tư số 153/2011/TT-BTC, hướng dẫn về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

Theo đó, người nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất thuộc đối tượng nộp thuế. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất thì người đang sử dụng đất là người nộp thuế. Trường hợp được nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư thì người được nhà nước giao đất, cho thuê đất là người nộp thuế. Trường hợp người có quyền sử dụng đất cho thuê đất theo hợp đồng thì người nộp thuế được xác định theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp người có quyền sử dụng đất góp vốn kinh doanh bằng quyền sử dụng đất mà hình thành pháp nhân mới có quyền sử dụng đất thuộc đối tượng chịu thuế thì pháp nhân mới là người nộp thuế...

Căn cứ tính thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là diện tích đất tính thuế thực tế sử dụng. Đối với đất ở, bao gồm cả trường hợp đất ở sử dụng vào mục đích kinh doanh, trường hợp đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu thì diện tích đất tính thuế là diện tích ghi trên Giấy chứng nhận, trường hợp diện tích đất ở ghi trên Giấy chứng nhận nhỏ hơn diện tích đất thực tế sử dụng thì diện tích đất tính thuế là diện tích đất thực tế sử dụng. Đối với đất ở nhà nhiều tầng có nhiều hộ gia đình ở, nhà chung cư, bao gồm cả trường hợp vừa để ở, vừa để kinh doanh thì diện tích đất tính thuế của từng người nộp thuế được xác định bằng hệ số phân bổ nhân với diện tích nhà (công trình) mà người nộp thuế đó sử dụng. Trong đó diện tích nhà (công trình) là diện tích sàn thực tế sử dụng theo hợp đồng mua bán hoặc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/ sở hữu nhà; hệ số phân bổ được tính bằng tỷ lệ giữa diện tích đất xây dựng nhà nhiều tầng, nhiều hộ ở, nhà chung cư và tổng diện tích nhà của người nộp thuế sử dụng.

Giá của 1m<sup>2</sup> đất tính thuế là giá đất theo mục đích sử dụng của thửa đất tính thuế do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định và được ổn định theo chu kỳ 5 năm, kể từ ngày 01/01/2012. Thuế suất thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là đất ở được quy định là 0,03% đối với diện tích đất trong hạn mức; 0,07% đối với phần diện tích không vượt quá 3 lần hạn mức và 0,15% đối với phần diện tích vượt quá 3 lần hạn mức. Đất ở nhà nhiều tầng, nhiều hộ ở, nhà chung cư, công trình xây dựng dưới mặt đất áp dụng mức thuế 0,03%. Mức thuế này cũng áp dụng đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp và đất của dự án đầu tư phân kỳ theo đăng ký của nhà đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; đất sử dụng không đúng mục đích, đất chưa sử dụng theo quy định áp dụng mức thuế suất 0,15%; đất lấn chiếm áp dụng mức thuế suất 0,2%.

Theo Thông tư này, nếu người nộp thuế gặp khó khăn do sự kiện bất khả kháng và giá trị thiệt hại về đất và nhà trên đất trên 50% giá tính thuế thì sẽ được miễn thuế và được giảm 50% nếu mức thiệt hại là từ 20% đến 50% giá tính thuế. Quy định giảm 50% số thuế phải nộp cũng áp dụng cho trường hợp đất của dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư, dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn; đất của doanh nghiệp sử dụng từ 20% đến 50% lao động là thương binh, bệnh binh...

Thông tư này có hiệu thi hành từ ngày 01/01/2012.

**7. Về việc sử dụng hóa đơn đã mua của cơ quan thuế:**

Kể từ ngày 01/01/2012, cơ quan thuế không bán hóa đơn cho doanh nghiệp. Đối với số hóa đơn đã mua của cơ quan thuế trước ngày 01/01/2012, nếu từ ngày 01/01/2012 doanh nghiệp không có nhu cầu sử dụng thì doanh nghiệp thực hiện hủy theo quy định tại Thông tư số 153/2010/TT-BTC. Trường hợp có nhu cầu sử dụng thì được tiếp tục sử dụng và phải báo cáo tình hình sử dụng tại Báo cáo sử dụng hóa đơn năm 2011 theo đúng quy định tại Thông tư số 153/2010/TT-BTC. Doanh nghiệp không được sử dụng đồng thời hóa đơn mua của cơ quan thuế và hóa đơn tự in, đặt in của doanh nghiệp

*(CV số 18036/BTC-TCT ngày 30/12/2011)*

**KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**1. Luật Kiểm toán độc lập:** Kể từ ngày 01/01/2012, Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 08/04/2011 chính thức có hiệu lực thi hành.

Theo đó, người được đăng ký kiểm toán viên hành nghề phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: là kiểm toán viên; có thời gian thực tế làm kiểm toán từ đủ 36 tháng trở lên; tham gia đầy đủ các chương trình cập nhật kiến thức.

Có 03 loại hình doanh nghiệp được kinh doanh dịch vụ kiểm toán: Công ty TNHH hai thành viên trở lên, Công ty hợp danh và Doanh nghiệp tư nhân với điều kiện phải có tối thiểu 05 kiểm toán viên hành nghề.

Ngoài ra, Luật nghiêm cấm các hành vi mua, nhận, biếu, tặng, nắm giữ cổ phiếu hoặc vốn góp của đơn vị được kiểm toán không phân biệt số lượng; tiết lộ thông tin về hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán, trừ trường hợp khách hàng, đơn vị kiểm toán chấp thuận; thực hiện việc thu nợ cho đơn vị được kiểm toán; hành nghề kiểm toán với tư cách cá nhân; làm việc cho hai doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam trở lên trong cùng một thời điểm...

Các đối tượng bắt buộc kiểm toán đối với báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, công ty đại chúng, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Đồng thời, bắt buộc kiểm toán đối với báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và các thông tin tài chính khác của doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp, tổ chức thực hiện dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng vốn nhà nước; doanh nghiệp, tổ chức có vốn góp của Nhà nước và các dự án khác do Chính phủ quy định...

Nhà nước cũng khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức thuê doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và các công việc kiểm toán khác trước khi nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc trước khi công khai tài chính.

## 2. Quy định về kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

Kể từ ngày 01/01/2012, quy định về kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ban hành tại Thông tư số 39/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực thi hành.

Theo đó, trước khi kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của Thông tư này để kiểm toán báo cáo tài chính, hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ năm tài chính tiếp theo.

Điều kiện đối với tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, bao gồm:

- Đã thành lập và có thời gian hoạt động kiểm toán tại Việt Nam tối thiểu 03 năm;
- Có vốn chủ sở hữu, vốn được cấp từ 10 tỷ đồng trở lên;
- Có số lượng kiểm toán viên hành nghề từ 10 người trở lên;
- Có ít nhất 05 kiểm toán viên hành nghề tham gia kiểm toán một ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trong đó, phải có ít nhất 03 kiểm toán viên hành nghề có từ 02 năm kinh nghiệm kiểm toán trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng trở lên.
- Các kiểm toán viên hành nghề và người đại diện tổ chức kiểm toán độc lập tham gia kiểm toán ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 13 Thông tư này;
- Không có quan hệ mua trái phiếu, mua tài sản, góp vốn, liên doanh, mua cổ phần với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kiểm toán;
- Không là khách hàng đang được cấp tín dụng và được cung cấp các dịch vụ khác với điều kiện ưu đãi của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kiểm toán;
- Không kiểm toán độc lập chính ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó trong thời gian 05 năm liên tiếp liền kề trước năm kiểm toán;
- Không thực hiện định giá tài sản, tư vấn quản lý, tư vấn tài chính, tư vấn quản lý rủi ro cho ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó trong năm trước liền kề và năm kiểm toán;
- Không bị xử lý vi phạm pháp luật về kiểm toán độc lập trong 02 năm liền kề trước năm kiểm toán;
- Không thuộc Danh sách không được kiểm toán do Ngân hàng Nhà nước công bố;
- Không thuộc những trường hợp không được kiểm toán theo quy định tại Điều 30 Luật Kiểm toán độc lập;
- Đáp ứng các quy định khác về kiểm toán độc lập quy định tại các văn bản hướng dẫn Luật Kiểm toán độc lập.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012. Quyết định số 121/2005/QĐ-NHNN ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quy chế về kiểm toán độc lập đối với các tổ chức tín dụng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực. Đối với những hợp đồng kiểm toán được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực pháp luật được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết.

## 3. Tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng

Ngày 30/12/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 199/2011/TT-BTC hướng dẫn thực hiện việc tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng.

Theo đó, tiêu chuẩn học viên tham dự khóa học bồi dưỡng kế toán trưởng như sau:

Đối với người Việt Nam:

a/ Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

b/ Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về tài chính, kế toán, kiểm toán từ bậc trung cấp trở lên và có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán như sau:

- Tối thiểu là 2 năm trở lên kể từ ngày ghi trên bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán;

- Tối thiểu là 3 năm trở lên kể từ ngày ghi trên bằng tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng chuyên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán;

c/ Có Đơn xin học, trong đó có xác nhận thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán của cơ quan đang công tác, kèm theo bản sao có chứng thực Bằng tốt nghiệp chuyên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán.

Đối với người nước ngoài có Chứng chỉ chuyên gia kế toán, Chứng chỉ hành nghề kế toán, Chứng chỉ kiểm toán viên hoặc bằng tốt nghiệp đại học của các tổ chức nước ngoài (Được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận) được tham dự khoá học bồi dưỡng kế toán trưởng do đơn vị đủ điều kiện tổ chức khoá học bồi dưỡng kế toán trưởng cho người nước ngoài.

Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng có giá trị sử dụng trong thời hạn 5 năm kể từ ngày cấp để bổ nhiệm kế toán trưởng lần đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Kế toán. Quá thời hạn 5 năm học viên có yêu cầu cấp lại chứng chỉ phải học lại khoá học bồi dưỡng kế toán trưởng.

Những người có Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng đã đủ điều kiện và được bổ nhiệm làm kế toán trưởng 1 lần thì Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng đó vẫn có giá trị để bổ nhiệm kế toán trưởng từ lần thứ hai trở đi, trừ khi khoảng thời gian không làm kế toán trưởng giữa 2 lần bổ nhiệm đã quá 5 năm.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2012 và thay thế Quyết định số 98/2007/QĐ-BTC ngày 3/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành "Quy chế về tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng".

## LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

### 1. Mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 1/1/2012, tỷ lệ đóng Bảo hiểm xã hội (BHXH) sẽ là 24% mức tiền lương, tiền công tháng đóng BHXH của người lao động, tăng 2% so với hiện nay. Trong đó, người sử dụng lao động đóng 17% và người lao động đóng 7% BHXH. Theo đó, năm 2012, tổng mức đóng là 30,5%, trong đó người lao động đóng 9,5% (tăng 1% so với năm 2011), người sử dụng lao động đóng 21% (tăng 1% so với năm 2011). Cụ thể như sau:

a. Bảo hiểm xã hội: Mức đóng là 24% tiền lương, tiền công của người lao động. Trong đó:

- Người lao động: 7% cho quỹ hưu trí và tử tuất. (Tăng 1% so với năm 2009)
- Người sử dụng lao động: 17%, trong đó: quỹ ốm đau thai sản (3%), quỹ tai nạn lao động (1%), quỹ hưu trí và tử tuất (13%). Tăng 1% so với năm 2011.

b. Bảo hiểm thất nghiệp: Mức đóng là 3% tiền lương, tiền công của người lao động. Trong đó

- Người lao động: 1%
- Người sử dụng lao động: 1%.
- Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1%

c. Bảo hiểm y tế: Mức đóng là 4,5%. Trong đó:

- Người lao động: 1,5%.
- Người sử dụng lao động: 3%.

### 2. Mức lương tối thiểu vùng áp dụng đến 31/12/2012

Mức lương tối thiểu vùng hiện nay được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 của Chính phủ. Trong đó, quy định mức lương tối thiểu vùng áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Mức 2.000.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng I.

Mức 1.780.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng II.

Mức 1.550.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng III.

Mức 1.400.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên các địa bàn thuộc vùng IV.



## PHẦN II. TÓM LƯỢC CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY ĐÃ BAN HÀNH TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2011

### THUẾ GTGT

#### 1. Giá tính thuế TTĐB và giá tính thuế GTGT đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường:

Đối với hàng hóa sản xuất trong nước thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường, giá tính thuế TTĐB được xác định như sau:

$$\text{Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế GTGT} - \text{Thuế bảo vệ môi trường}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$$

Trong đó, giá bán chưa có thuế GTGT được xác định theo quy định của pháp luật về thuế GTGT.

Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường, giá tính thuế TTĐB là giá tính thuế nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế TTĐB hiện hành, không bao gồm thuế bảo vệ môi trường.

Đối với hàng hóa do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường, giá tính thuế GTGT là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế bảo vệ môi trường, nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng.

Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường (trừ trường hợp xăng dầu nhập khẩu để bán), giá tính thuế GTGT là giá nhập tại cửa khẩu (được xác định theo quy định của giá tính thuế hàng nhập khẩu) cộng với thuế nhập khẩu (nếu có), cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng với thuế bảo vệ môi trường.

*(CV số 18080/BTC-CST ngày 30/12/2011)*

#### 2. Hướng dẫn một số nội dung trong quá trình thực hiện Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Thông tư số 153/2010/TT-BTC:

*Về điều kiện sử dụng hóa đơn tự in:* Đối với các doanh nghiệp có mức vốn điều lệ dưới một (01) tỷ đồng, để được sử dụng hóa đơn tự in thì ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 1 Thông tư số 13/2011/TT-BTC ngày 8/2/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 153/2010/TT-BTC, doanh nghiệp được sử dụng phần mềm tự in hóa đơn đảm bảo định kỳ hàng tháng dữ liệu từ phần mềm tự in hóa đơn phải được chuyển vào sổ kế toán để hạch toán doanh thu trước khi người nộp thuế nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng cho cơ quan thuế. Trường hợp doanh nghiệp có hành vi vi phạm không kết chuyển đủ dữ liệu bán hàng từ phần mềm tự in hóa đơn vào sổ kế toán để khai thuế (tức doanh nghiệp khai thiếu doanh thu để trốn thuế) thì doanh nghiệp sẽ bị xử phạt theo quy định của Luật Quản lý thuế.

*Về việc chậm nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn:* Trường hợp tổ chức, cá nhân bán hàng hoá, dịch vụ (trừ đối tượng được cơ quan thuế cấp hóa đơn) nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thì không bị xử phạt, trường hợp nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn sau 10 ngày kể từ ngày hết hạn thì tổ chức, cá nhân bị phạt ở mức phạt tối thiểu của khung tiền phạt quy định tại Khoản 3 Điều 33 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

*Về việc sử dụng hóa đơn trước khi Thông báo phát hành hóa đơn và sử dụng hóa đơn của Bộ Tài chính sau ngày 01/4/2011:*

Trường hợp trong năm 2011 người bán lập hóa đơn giao cho khách hàng trong thời hạn 10 ngày trước khi gửi Thông báo phát hành hóa đơn cho cơ quan thuế hoặc trường hợp người bán sử dụng hóa đơn của Bộ Tài chính giao cho người mua sau ngày 01/4/2011 thì đề nghị Cục thuế kiểm tra cụ thể từng trường hợp phát sinh để xử lý, nếu hóa đơn có gắn với nghiệp vụ kinh tế phát sinh (có việc mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ), có chứng từ thanh toán và người bán đã kê khai đầy đủ thuế GTGT đầu ra tại các Tờ khai thuế giá trị gia tăng thì:

- a. Đối với trường hợp người bán sử dụng hóa đơn của Bộ Tài chính giao cho người mua sau ngày 01/4/2011 thì người bán bị xử phạt ở mức phạt tối thiểu của khung tiền phạt theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP. Người bán không phải hủy hóa đơn đã lập giao cho khách hàng. Trường hợp trước ngày ban hành công văn này, người bán đã thu hồi hóa đơn mua của Bộ Tài chính giao cho khách hàng sau ngày 01/4/2011 và đã lập hóa đơn mới thay thế thì người bán lưu toàn bộ hóa đơn đã thu hồi, không thực hiện hủy.
- b. Đối với trường hợp trong năm 2011 người bán lập hóa đơn giao cho khách hàng trong thời hạn 10 ngày trước khi gửi Thông báo phát hành hóa đơn cho cơ quan thuế thì người bán bị xử phạt ở mức phạt tối thiểu của khung tiền phạt theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP. Ngoài việc bị xử phạt, người bán là cơ sở kinh doanh phải thực hiện Thông báo phát hành hóa đơn theo quy định, tại Thông báo phát hành hóa đơn phải liệt kê rõ số lượng hóa đơn đã sử dụng trước khi Thông báo phát hành.

Người mua là cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được căn cứ hóa đơn của người bán lập giao cho để kê khai khấu trừ thuế GTGT và hạch toán chi phí vì người bán đã kê khai nộp thuế.

*Về việc sử dụng hóa đơn GTGT cho hoạt động xuất khẩu hàng hóa:* Trường hợp từ ngày 01/9/2011 đến hết ngày 31/12/2011, các doanh nghiệp xuất khẩu đã dùng hóa đơn GTGT khi xuất khẩu thì được chấp thuận. *(CV số 18036/BTC-TCT ngày 30/12/2011)*



3. Hướng dẫn chính sách thuế GTGT trong ngân hàng: Trường hợp ngân hàng không hạch toán riêng được số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ thì thực hiện phân bổ theo tỷ lệ giữa doanh số chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh số của hàng hóa, dịch vụ bán ra. Trong đó:

- c. Doanh số hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT là toàn bộ doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT nộp theo phương pháp khấu trừ.
- d. Tổng doanh số của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ bao gồm: Doanh số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT; doanh số hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT và chênh lệch của hoạt động mua bán ngoại tệ, kinh doanh vàng bạc đá quý.

Trường hợp, ngân hàng phát sinh chênh lệch hoạt động mua bán ngoại tệ, kinh doanh vàng bạc đá quý là số âm thì phần chênh lệch này không tính vào tổng doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

*(CV số 17650/BTC-CS ngày 27/12/2011)*

4. Xử phạt hành vi mất hóa đơn: Kể từ ngày 01/01/2011 khi Nghị định số 51/2010/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì hành vi của người mua làm mất hóa đơn liên 2 thì bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. *(CV 4623/TCT-CS ngày 19/12/2011)*

5. Thuế GTGT và TNDN đối với hàng hóa bị tổn thất: Trường hợp Công ty tiến hành hủy một số lượng sản phẩm hoàn chỉnh do chất lượng kém và không thể tiêu thụ được thì Công ty không được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào đối với chi phí, nguyên vật liệu và phí gia công để tạo nên số lượng sản phẩm hủy nêu trên.

Trường hợp Công ty đã kê khai, khấu trừ thuế GTGT của lô sản phẩm kém chất lượng phải thanh hủy nêu trên tại các kỳ kê khai trước đó thì Công ty thực hiện điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ theo quy định.

Về thuế TNDN, trường hợp Công ty đã nhận được tiền bồi thường cho nguyên liệu kém phẩm chất để tạo ra lô sản phẩm nói trên thì các khoản chi phí đầu vào để tạo ra sản phẩm hỏng, phải hủy bỏ không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế TNDN.

*(CV số 4531/TCT-CS ngày 13/12/2011)*

6. Tỷ giá khi xuất hóa đơn GTGT: Nếu đơn vị được phép thu bằng ngoại tệ theo quy định của pháp luật thì khi nghiệm thu, bàn giao công trình, đơn vị xuất hóa đơn GTGT trong đó tổng số tiền thanh toán được ghi bằng ngoại tệ, phần chữ ghi bằng tiếng Việt; đồng thời ghi trên hóa đơn tỷ giá ngoại tệ với đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân của thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập hóa đơn.

Trường hợp ngoại tệ thu về là loại không có tỷ giá với đồng Việt Nam thì ghi tỷ giá chéo với một loại ngoại tệ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá.

Nếu đơn vị không được phép thu bằng ngoại tệ theo quy định của pháp luật thì đồng tiền ghi trên hóa đơn GTGT được ghi bằng đồng Việt Nam (VND).

*(CV số 4485/TCT-CS ngày 12/12/2011)*

7. Áp dụng phương pháp khấu trừ thuế: Trường hợp đơn vị thực hiện chế độ kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC tương đối đầy đủ và rõ ràng, nhưng có vi phạm tự ý thay đổi ký hiệu, tên tài khoản mà không đăng ký với Bộ Tài chính và bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, sau khi nộp đủ số tiền phạt vi phạm của cơ quan có thẩm quyền và khắc phục xong vi phạm đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Kế toán, chế độ kế toán, có đủ căn cứ xác định doanh thu, chi phí, thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT đầu vào thì đơn vị được áp dụng phương pháp khấu trừ thuế GTGT và áp dụng quy định về đối tượng và trường hợp hoàn thuế GTGT thực hiện theo quy định tại Phần C Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008. *(CV số 4388/TCT-CS ngày 06/12/2011)*

8. Kê khai thuế GTGT đối với đơn vị hạch toán phụ thuộc: Trường hợp Công ty ký hợp đồng xây dựng các công trình với chủ đầu tư, Công ty trực tiếp tổ chức thi công và giao cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc (chi nhánh, xí nghiệp) thực hiện từng phần việc xây dựng, Công ty cấp vật tư chính và thanh toán cho đơn vị tiền nhân công và tiền vật liệu nhỏ, lẻ tại địa phương, Công ty trực tiếp nghiệm thu, thanh quyết toán với chủ đầu tư thì Công ty thực hiện xuất hóa đơn cho chủ đầu tư và kê khai thuế GTGT tập trung tại trụ sở chính.

Trường hợp Công ty ký hợp đồng xây dựng công trình với chủ đầu tư, sau đó ủy quyền cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc ở các địa phương khác trực tiếp tổ chức thi công, thực hiện bàn giao nghiệm thu và thanh quyết toán với chủ đầu tư thì đối với các hợp đồng này, khi nghiệm thu từng hạng mục công trình, các chi nhánh, xí nghiệp xuất hóa đơn GTGT cho Công ty và kê khai thuế GTGT tại địa phương nơi đơn vị hạch toán phụ thuộc đóng trụ sở, Công ty xuất hóa đơn cho chủ đầu tư và thực hiện kê khai thuế tại địa phương nơi đóng trụ sở chính. *(CV số 4366/TCT-CS ngày 05/12/2011)*

9. Thay đổi tên, địa chỉ đã in trên hóa đơn đặt in: Trường hợp Công ty thay đổi tên, Chi nhánh của Công ty tại các tỉnh, thành phố cũng thay đổi tên, một số Chi nhánh thay đổi cả địa chỉ nhưng mã số thuế vẫn giữ nguyên thì Công ty và các Chi nhánh thực hiện việc đóng dấu tên và địa chỉ mới vào bên cạnh tiêu thức tên, địa chỉ đã in sẵn để tiếp tục sử dụng hết các số hóa đơn đã in đồng thời thực hiện thông báo phát hành theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 153/2010/TT-BTC. *(CV số 4362/TCT-CS ngày 05/12/2011)*

10. **Thuế GTGT đối với công trình xây dựng thực hiện ở nước ngoài:** Các hoạt động phục vụ cho công trình xây dựng tại nước ngoài như: Đo đạc địa hình; Đo vẽ địa chất, địa chất thủy văn, địa chất công trình; Khoan; Lập báo cáo tổng kết kết quả thực hiện và trình Báo cáo kết quả thăm dò..., nếu được thực hiện ở nước ngoài, ngoài lãnh thổ Việt Nam thì thuộc đối tượng không điều chỉnh của Luật thuế GTGT Việt Nam. Công ty thực hiện hoạt động này xuất hóa đơn gạch bỏ dòng tiền thuế, thuế suất thuế GTGT. **(CV số 4302/TCT-CS ngày 29/11/2011)**
11. **Hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu tại chỗ:**  
 Thương nhân Việt Nam (bao gồm cả thương nhân có vốn đầu tư nước ngoài) có hàng hóa xuất khẩu tại chỗ được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng các điều kiện sau:
  - Hợp đồng xuất khẩu, hợp đồng gia công ký với thương nhân nước ngoài có điều khoản ghi rõ hàng hóa được giao cho người nhận hàng tại Việt Nam;
  - Tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu - nhập khẩu tại chỗ có xác nhận của cơ quan hải quan về hàng hóa đã giao cho người nhập khẩu tại chỗ theo chỉ định của phía nước ngoài.
  - Hàng hóa bán cho thương nhân nước ngoài nhưng giao hàng tại Việt Nam phải thanh toán qua ngân hàng bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Chứng từ thanh toán qua ngân hàng theo hướng dẫn tại Điểm 1.3. c.3 Mục III, phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính. Trường hợp người nhập khẩu tại chỗ được phía nước ngoài ủy quyền thanh toán cho người xuất khẩu tại chỗ thì đồng tiền thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
  - Hóa đơn xuất khẩu hoặc hóa đơn GTGT ghi rõ tên thương nhân nước ngoài, tên người nhập khẩu tại chỗ, địa điểm giao hàng tại Việt Nam.
 Đối với thương nhân Việt Nam nhập khẩu tại chỗ: thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế GTGT và thuế xuất nhập khẩu.  
  
 Đối với trường hợp thương nhân Việt Nam có hợp đồng bán hàng hóa cho thương nhân nước ngoài và thương nhân nước ngoài chỉ định giao hàng hóa đó cho thương nhân khác tại Việt Nam là doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thì hàng hóa này được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm 1.3.d2, mục III, Phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính.  
**(CV số 15514/BTC-TCT ngày 16/11/2011)**
12. **Thủ tục hoàn thuế sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại:** Trường hợp người nộp thuế được cơ quan thuế ra quyết định giải quyết khiếu nại dẫn tới số tiền thuế, tiền phạt phải nộp theo quyết định giải quyết khiếu nại thấp hơn số tiền thuế, tiền phạt đã nộp theo quyết định xử lý của cơ quan thuế trước đó thì cơ quan thuế phải hoàn trả số tiền thuế, tiền phạt thu không đúng và trả lãi tính trên số tiền nộp thừa này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết khiếu nại. Trường hợp này, cơ quan thuế căn cứ quyết định giải quyết khiếu nại để ra quyết định hoàn thuế, không xử lý bù trừ với số tiền thuế, tiền phạt còn nợ (trừ trường hợp người nộp thuế có văn bản đề nghị bù trừ nợ thuế), không yêu cầu người nộp thuế lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế. **(CV số 3971/TCT-KK ngày 04/11/2011)**
13. **Xuất hóa đơn đối với hàng cho, biếu, tặng phục vụ SXKD:** Công ty thực hiện cho, biếu, tặng hàng hóa thì phải lập hóa đơn GTGT (hoặc hóa đơn bán hàng), trên hóa đơn ghi đầy đủ các chỉ tiêu và tính thuế GTGT như hóa đơn xuất hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng. Nếu Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì khoản thuế GTGT đầu ra phải nộp của hàng hóa cho, biếu, tặng khách hàng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh không được tính vào chi phí hợp lệ để tính thu nhập chịu thuế TNDN. **(CV số 3937/TCT-DHL ngày 01/11/2011)**
14. **Xuất hóa đơn đối với hàng tiêu dùng nội bộ:** Trường hợp Công ty xuất sản phẩm là bảo hộ lao động Công ty sản xuất cho cán bộ, nhân viên của Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty phải lập hóa đơn GTGT, trên hóa đơn ghi đầy đủ các chỉ tiêu và tính thuế GTGT như hóa đơn xuất bán hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng. Công ty thực hiện kê khai thuế GTGT đầu ra và được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với các hóa đơn xuất bảo hộ lao động phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty nêu trên. Đối với trường hợp Công ty thực hiện việc khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu không thu tiền theo quy định của Luật Thương mại để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hoạt động này không phát sinh doanh thu và thuế GTGT đầu ra. Khi kê khai thuế, Công ty kê khai vào mục 5 tại Phụ lục bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra kèm theo Tờ khai thuế GTGT, Mẫu số 01-1/GTGT nêu trên. **(CV số 3908/TCT-DHL ngày 31/10/2011)**
15. **Nộp hồ sơ hoàn thuế đối với dự án ODA:** Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam đã được cấp mã số thuế thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ là nhà thầu chính thực hiện dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế GTGT tại cùng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính hoặc thực hiện dự án ODA tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính thì nộp hồ sơ khai thuế và đề nghị hoàn thuế đối với dự án ODA tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp nơi đóng trụ sở chính. Trường hợp doanh nghiệp có quyết định thành lập Ban quản lý dự án đóng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính để thay mặt doanh nghiệp quản lý một hoặc nhiều dự án ODA tại nhiều địa phương, Ban quản lý dự án có con dấu theo quy định của pháp luật, lưu giữ sổ sách, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng, đã đăng ký thuế và được cấp mã số thuế phụ thuộc thì Ban quản lý dự án nộp hồ sơ khai thuế và đề nghị hoàn thuế riêng với cơ quan thuế nơi đăng ký thuế.

Trường hợp nhà thầu chính thực hiện dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế GTGT là tổ chức, cá nhân nước ngoài thì nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT gửi cơ quan thuế nơi thực hiện dự án (*CV số 3871/TCT-KK ngày 27/10/2011*).

16. Xử lý đối với trường hợp tìm thấy liên 2 hóa đơn đã lập bị mất: Trường hợp người mua đã thông báo mất liên 2 hóa đơn đã lập với cơ quan thuế quản lý trực tiếp; cơ quan thuế quản lý trực tiếp đã thông báo hóa đơn đó hết giá trị sử dụng thì người mua bị xử phạt hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Điều 34 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ. Trường hợp người mua tìm lại được liên 2 hóa đơn đã lập sau khi cơ quan thuế đã thông báo mất thì người mua được sử dụng hóa đơn tìm lại được để kê khai thuế và vẫn bị xử phạt về hành vi làm mất hóa đơn liên 2 quy định tại Khoản 1, Điều 34 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ, đồng thời cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện điều chỉnh lại thông báo mất hóa đơn (*CV số 3734/TCT-CS ngày 19/10/2011*).
17. Hóa đơn tự in của các đơn vị phụ thuộc: Trường hợp tổ chức có các đơn vị trực thuộc, chi nhánh sử dụng chung mẫu hóa của tổ chức thì từng đơn vị trực thuộc, chi nhánh phải gửi thông báo phát hành cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý. Trường hợp tổ chức đặt in hóa đơn nêu trên và cấp phát cho các đơn vị để sử dụng thì từng đơn vị phải gửi thông báo phát hành hóa đơn cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý; các đơn vị được sử dụng một số hóa đơn đầu tiên mà đơn vị đã được nhận để thực hiện thông báo phát hành hóa đơn với cơ quan thuế. Trên hóa đơn dùng làm mẫu gạch bỏ số thứ tự đã in sẵn và đóng chữ "mẫu" để làm hóa đơn mẫu, các hóa đơn dùng làm hóa đơn mẫu không thực hiện thông báo (không kê khai vào sổ lượng hóa phát hành tại Thông báo phát hành hóa đơn) (*CV số 3718/TCT-CS ngày 18/10/2011*).
18. Khấu trừ thuế GTGT đầu vào hàng công ích: Thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào dùng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT; số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được tính vào chi phí của hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế.  
  
Do đó, số thuế GTGT đầu vào của thiết bị đầu cuối phục vụ cho hoạt động kinh doanh viễn thông công ích theo chương trình của Chính phủ (không chịu thuế GTGT) của công ty không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào (*CV số 3687/TCT-DNL ngày 17/10/2011*).
19. Giải quyết hồ sơ hoàn thuế: Trường hợp hồ sơ hoàn thuế GTGT (không phân biệt đối tượng và trường hợp được hoàn thuế) thuộc diện kiểm tra trước khi hoàn thuế, nếu cơ quan thuế xác định người nộp thuế thuộc diện phải thanh tra thuế thì thực hiện ra thông báo tạm dừng giải quyết hồ sơ hoàn thuế chờ kết luận thanh tra thuế theo quy định nêu trên.  
  
Kết luận thanh tra thuế chỉ xác định được số thuế đủ điều kiện được hoàn (nếu có) phát sinh trong kỳ thanh tra thuế, không xác định được số thuế đủ điều kiện được phát sinh trước hoặc sau thanh tra thuế. Do đó, trường hợp kỳ tính thuế liên quan đến số thuế phát sinh đầu vào để nghị hoàn ghi trên hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế không thuộc phạm vi thời kỳ thanh tra thuế ghi trên quyết định thanh tra thuế thì cơ quan thuế thực hiện giải quyết hồ sơ theo quy định hiện hành, không ra thông báo tạm dừng giải quyết hồ sơ hoàn thuế chờ kết luận thanh tra thuế (*CV số 3678/TCT-KK ngày 14/10/2011*).
20. Thuế GTGT hàng nhập khẩu sau đó tái xuất: Khi nhập khẩu hàng hóa nếu doanh nghiệp đăng ký tờ khai theo loại hình tạm nhập tái xuất thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Nếu doanh nghiệp đăng ký tờ khai theo loại hình kinh doanh thì thời hạn nộp thuế là 30 ngày (đối với trường hợp được ân hạn thuế) kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan. Trường hợp hàng hóa đã tái xuất trong thời hạn nộp thuế 30 ngày nêu trên thì doanh nghiệp không phải nộp thuế GTGT đối với hàng hóa đã tái xuất.  
  
Điều kiện, hồ sơ, thủ tục, trình tự xét không thu thuế GTGT thực hiện theo quy định hiện hành về điều kiện, thủ tục, trình tự xét không thu thuế nhập khẩu trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu nhưng đã tái xuất cho chủ hàng nước ngoài, tái xuất sang nước thứ ba hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan.  
  
Trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế GTGT thì liên hệ trực tiếp với cơ quan thuế nội địa để thực hiện khấu trừ, hoàn thuế theo quy định (*CV số 13689/BTC-TCHQ ngày 12/10/2011*).
21. Sử dụng hóa đơn xuất khẩu: Đối với hoạt động xuất khẩu thì doanh nghiệp phải sử dụng hóa đơn xuất khẩu. Tuy nhiên, trong thời gian đầu khi thực hiện quy định mới về hóa đơn, trong tình hình chung các công ty in đủ điều kiện in hóa đơn chưa đáp ứng kịp nhu cầu, một số doanh nghiệp chưa kịp in hóa đơn xuất khẩu cho hoạt động xuất khẩu, vì vậy để tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong việc thực hiện hoạt động kinh doanh, Bộ Tài chính hướng dẫn: các doanh nghiệp xuất khẩu đã dùng hóa đơn GTGT khi xuất khẩu từ 31/8/2011 về trước thì được chấp nhận (*CV số 13518/BTC-TCT ngày 10/10/2011*).
22. Chính sách thuế đối với dự án ODA: Trường hợp dự án ODA được Ngân sách nhà nước cấp vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì Nhà thầu chính lập hóa đơn có thuế GTGT cho Chủ dự án, Chủ dự án thanh toán cho Nhà thầu chính theo giá có thuế GTGT. Chủ dự án, Nhà thầu chính thuộc diện không được hoàn thuế GTGT và phải thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định.

Trường hợp các Nhà thầu chính ký hợp đồng với Chủ đầu tư để thực hiện xây lắp công trình, cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho dự án với giá không bao gồm thuế GTGT thì nhà thầu chính lập hóa đơn GTGT với thuế suất thuế GTGT theo quy định tại Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn hiện hành cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư cũng

như Nhà thầu chính thuộc diện không được hoàn thuế GTGT và phải thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định (**CV số 3575/TCT-CS ngày 7/10/2011**).

23. **Khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hàng hóa bị tổn thất:** Tài sản, hàng hóa, vật tư thiết bị thiệt hại do hỏa hoạn, việc xác định số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ như sau.

Đối với tài sản cố định, số thuế GTGT không được khấu trừ của tài sản cố định bị tổn thất là số thuế GTGT tương ứng với giá trị còn lại trên sổ sách kế toán của tài sản cố định đó.

Đối với hàng hóa bị tổn thất là nguyên liệu, vật tư thì số thuế GTGT không được khấu trừ là số thuế GTGT đầu vào của toàn bộ giá trị lô hàng hóa, nguyên liệu, vật tư bị tổn thất đó.

(**CV số 3551/TCT-CS ngày 6/10/2011**).

24. **Phương pháp tính thuế GTGT:** Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức sự nghiệp và các tổ chức khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì các đơn vị này phải đăng ký, kê khai, nộp thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo Luật định.

Trường hợp các đơn vị nêu trên có đủ hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và xác định được doanh thu nhưng không hạch toán và không xác định riêng được chi phí, không xác định được riêng thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ thì đơn vị thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và áp dụng tỷ lệ GTGT quy định tại điểm 2.2.b Mục III Phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính và nộp thuế TNDN theo tỷ lệ (%) theo quy định tại điểm 4 Phần B Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính nêu trên (**CV số 3521/TCT-CS ngày 04/10/2011**).

25. **Khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với trường hợp vi phạm Khoản 2 Điều 116 Luật DN:** Theo quy định tại Khoản 2 Điều 116 Luật Doanh nghiệp thì Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty cổ phần không được đồng thời làm Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty khác.

Trường hợp trong cùng một thời gian mà một cá nhân vừa làm giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) của Công ty cổ phần, vừa làm giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) của doanh nghiệp (công ty) khác là vi phạm quy định của Khoản 2 Điều 116 của Luật doanh nghiệp và Khoản 4 Điều 15 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều Luật Doanh nghiệp và bị xử phạt hành chính theo Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, theo quyết định của Cơ quan đăng ký kinh doanh, sau khi khắc phục lỗi vi phạm doanh nghiệp vẫn được tiếp tục hoạt động mà chưa đến mức bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và làm thủ tục giải thể doanh nghiệp, nếu các tài liệu trong hồ sơ đề nghị hoàn thuế của công ty cổ phần vẫn đáp ứng đủ các điều kiện về kê khai khấu trừ, hoàn thuế GTGT theo quy định thì công ty cổ phần vẫn được kê khai khấu trừ, hoàn thuế đầu vào tương ứng.

Trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và làm thủ tục giải thể doanh nghiệp do vi phạm quy định nêu trên thì các tài liệu trong hồ sơ đề nghị hoàn thuế của Công ty cổ phần không đảm bảo tính hợp pháp để kê khai khấu trừ, hoàn thuế GTGT (**CV số 13238/BTC-TCT ngày 04/10/2011**).

26. **Bù trừ số thuế GTGT nộp thừa:** Trường hợp Công ty nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài về để sản xuất, Công ty đã thực hiện nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu theo tờ khai Hải quan và thanh toán tiền hàng theo hoá đơn giao hàng cho bên bán; sau đó, qua kiểm định hàng hoá tại Công ty (bên mua) có xác định số lượng hàng thiếu so với hoá đơn và tờ khai hải quan, bên bán đã xác nhận số hàng bị thiếu hụt và chuyển trả đủ số tiền tương ứng với lượng hàng bị thiếu cho Công ty thì số tiền thuế GTGT nộp thừa khâu nhập khẩu Công ty được trừ vào tiền thuế phải nộp của lần nộp thuế tiếp theo hoặc được hoàn trả theo quy định. Nếu Công ty chọn hình thức bù trừ số thuế nộp thừa này với số thuế GTGT phải nộp của lần sau thì Công ty được kê khai, khấu trừ theo chứng từ đã nộp thuế tại khâu nhập khẩu (**CV số 3434/TCT-KK ngày 27/09/2011**).

27. **Xử lý thuế GTGT của dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động:** Trường hợp doanh nghiệp thành lập mới đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động, có phát sinh thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ phục vụ dự án đầu tư; nay Ủy ban Nhân dân tỉnh đã ra Quyết định chấm dứt hoạt động dự án đầu tư và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp doanh nghiệp thì phần tài sản cố định đã hình thành từ dự án đầu tư nêu trên của doanh nghiệp không sử dụng để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT nên không được xét hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng cho đầu tư xây dựng dự án. Trường hợp cơ quan thuế đã giải quyết hoàn thuế GTGT đầu vào trong giai đoạn đầu tư (kể cả thuế GTGT của tiền thuê đất) đối với doanh nghiệp thì thực hiện thu hồi số thuế GTGT đã hoàn.

Trường hợp doanh nghiệp có bán thanh lý tài sản đầu tư, có kê khai nộp thuế GTGT đầu ra của tài sản bán thanh lý thì Công ty được kê khai khấu trừ, hoặc hoàn thuế theo quy định (**CV số 3315/TCT-KK ngày 15/9/2011**).

28. **Thuế GTGT đối với hoạt động chế tác sản phẩm vàng, bạc:** Trường hợp công ty kinh doanh vàng, bạc đá quý, có hoạt động chế tác vàng bạc, đá quý thì Công ty phải thực hiện đăng ký, kê khai, tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đối với hoạt động này.

Trường hợp Công ty không áp dụng phương pháp khấu trừ đối với hoạt động chế tác vàng bạc, đá quý mà áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, dẫn đến khai, nộp thuế GTGT và áp dụng chế độ hoá đơn chứng từ



không đúng quy định thì cơ quan thuế thực hiện xử phạt theo quy định về khai, nộp thuế và quy định về hoá đơn tại các văn bản quy phạm pháp luật (**CV số 3305/TCT-PC ngày 14/9/2011**).

29. **Kê khai nộp thuế GTGT đối với chi nhánh sản xuất:** Người nộp thuế kê khai, nộp thuế theo phương pháp khấu trừ có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc (bao gồm cả gia công, lắp ráp) đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính thì phải nộp thuế GTGT tại địa phương nơi có cơ sở sản xuất và địa phương nơi đóng trụ sở chính.

Cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc có hạch toán kế toán thì phải đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ tại địa phương nơi sản xuất, khi xuất bán thành phẩm hoặc thành phẩm, kể cả xuất cho trụ sở chính phải sử dụng hóa đơn GTGT làm căn cứ kê khai, nộp thuế tại địa phương nơi sản xuất.

Trường hợp cơ sở sản xuất phụ thuộc không thực hiện hạch toán kế toán thì người nộp thuế tại trụ sở chính phải nộp thuế GTGT theo tỷ lệ 2% (đối với hàng hóa chịu thuế suất thuế GTGT 10%) hoặc theo tỷ lệ 1% (đối với hàng hóa chịu thuế suất thuế GTGT 5%) trên doanh thu theo giá chưa có thuế GTGT của sản phẩm sản xuất ra hoặc sản phẩm cùng loại tại địa phương nơi có cơ sở sản xuất. Số thuế GTGT người nộp thuế đã nộp cho cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc được trừ vào số thuế GTGT phải nộp của người nộp thuế tại địa phương nơi đóng trụ sở chính (**CV số 3293/TCT-KK ngày 14/9/2011**).

30. **Khấu trừ thuế GTGT đầu vào của TSCĐ thành lập DNTN:** Trường hợp cá nhân dùng tài sản thuộc sở hữu của mình, giá trị quyền sử dụng đất để thành lập doanh nghiệp tư nhân, văn phòng luật sư thì không phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng tài sản, chuyển quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp tư nhân, trường hợp không có chứng từ hợp pháp chứng minh giá vốn của tài sản thì phải có văn bản định giá tài sản của tổ chức định giá theo quy định của pháp luật để làm cơ sở hạch toán giá trị tài sản cố định. Doanh nghiệp không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào mà phải hạch toán vào nguyên giá của tài sản thành lập doanh nghiệp tư nhân (**CV số 3276/TCT-CS ngày 13/09/2011**).

31. **Lập hóa đơn GTGT bán xăng dầu:** Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí xăng dầu thì phải ghi số tiền phí xăng dầu thành một dòng riêng trên hóa đơn, cụ thể là ở các dòng tổng cộng của hóa đơn phải ghi rõ: giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng (không bao gồm phí xăng dầu), thuế giá trị gia tăng, phí xăng dầu, giá thanh toán. Do đó, đối với các tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng nộp phí xăng dầu thì việc ghi hóa đơn được thực hiện như đối với các hàng hóa khác. Giá tính thuế GTGT được xác định theo đúng quy định tại Điều 7 Luật thuế GTGT tức là "giá bán chưa có thuế GTGT" (**CV số 3214/TCT-KK ngày 08/09/2011**).

32. **Thuế GTGT dịch vụ khoa học công nghệ:** Trường hợp tổ chức có đủ điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 154 và Điều 155 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 (danh sách tổ chức đủ điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp hoặc trên trang website của Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam), thực hiện dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại Thông tư 08/2006/TT-BKHCN ngày 04/04/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ thì dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp áp dụng thuế suất thuế GTGT là 5% (**CV số 3217/TCT-CS ngày 08/09/2011**).

33. **Khấu trừ thuế GTGT đầu vào:** Trường hợp doanh nghiệp thực hiện thanh toán hoá đơn mua điện phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh theo hình thức nộp tiền mặt vào tài khoản của bên bán, là công ty điện lực thì doanh nghiệp không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với những hoá đơn thanh toán tiền điện có giá trị thanh toán từ 20 triệu đồng trở lên.

Để tránh vướng mắc trong thời gian tới trong việc khấu trừ, hoàn thuế GTGT của những hoá đơn thanh toán tiền điện có giá trị trên 20 triệu đồng, Cục thuế có thể hướng dẫn Công ty mở tài khoản tại ngân hàng để thực hiện chuyển khoản số tiền cần thanh toán sang tài khoản của công ty điện lực theo quy định (**CV số 3187/TCT-CS ngày 07/09/2011**).

34. **Hoàn thuế GTGT và xử phạt vi phạm hành chính về thuế:** Nếu trong lần đề nghị hoàn thuế đầu tiên tính từ sau thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận về thuế, cơ quan thuế kiểm tra trước, hoàn thuế sau tại trụ sở của người nộp thuế phát hiện người nộp thuế vẫn có hành vi khai sai đối với hồ sơ hoàn thuế (dùng hóa đơn giả, hóa đơn khống... để kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào) thì những lần đề nghị hoàn thuế tiếp theo, hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế vẫn thuộc đối tượng kiểm tra trước hoàn toàn theo đúng thời hạn 02 năm kể từ thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận về thuế.

Trường hợp Doanh nghiệp thuộc đối tượng kiểm tra trước hoàn thuế sau: Cục Thuế đã ban hành quyết định kiểm tra trước khi hoàn, trong quá trình kiểm tra có phát hiện một số hóa đơn kê khai trùng, hóa đơn quá 3 tháng, kê khai các hóa đơn không đúng mã số thuế.... thì Cục Thuế phải loại trừ các hóa đơn đó trước khi hoàn thuế cho doanh nghiệp và xử phạt như sau:

+ Nếu kiểm tra, loại trừ các hóa đơn kê khai không đúng quy định dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp thì xử phạt về hành vi khai sai (hoặc hành vi trốn thuế). Việc xác định số tiền thuế thiếu, số tiền phạt; số ngày chậm nộp tiền thuế, tiền phạt chậm nộp tiền thuế và ra quyết định phạt đối với người nộp thuế theo quy định.

+ Nếu kiểm tra, loại trừ các hóa đơn kê khai không đúng quy định nhưng không dẫn đến thiếu số thuế phải nộp thì người nộp thuế bị xử phạt về hành vi vi phạm về thủ tục thuế (**CV số 3137/TCT-KK ngày 01/09/2011**).

35. **Khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với tài sản điều chuyển nội bộ:** Trường hợp Công ty có dự án đã được đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế dưới hình thức Chi nhánh của Công ty, hạch toán độc lập, thì khi Công ty điều chuyển tài

sản cho Chi nhánh, Công ty phải xuất hoá đơn GTGT; Chi nhánh được khấu trừ thuế GTGT đối với các hoá đơn này nếu đáp ứng các điều kiện về khấu trừ thuế đầu vào theo quy định (*CV số 3475/TCT-KK ngày 3/09/2011*).

36. **Hóa đơn dùng trong lưu thông hàng hóa:** Theo hướng dẫn tại Điều 23 Thông tư 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thì hóa đơn được sử dụng để chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu hàng hóa phải là hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ bản gốc, liên 2 (liên giao khách hàng).

Như vậy, theo các hướng dẫn trên đây thì mỗi lần giao hàng các cơ sở kinh doanh phải xuất hóa đơn giao cho người mua và khi vận chuyển các cơ sở kinh doanh sử dụng hóa đơn bản gốc để chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa trên đường vận chuyển.

(*CV số 3032/TCT-TTr ngày 26/08/2011*)

37. **Phát thuế:** Trường hợp doanh nghiệp đã được cơ quan thuế hoàn thuế, quá trình kiểm tra sau hoàn phát hiện số thuế phải truy thu (khai sai, thiếu chứng từ thanh toán qua ngân hàng...) nhưng các nghiệp vụ phát sinh nghĩa vụ thuế doanh nghiệp phản ánh đầy đủ trên sổ sách kế toán và hồ sơ khai thuế thì doanh nghiệp phải nộp lại số tiền thuế được hoàn cao hơn và bị xử phạt 10% số tiền thuế được hoàn cao hơn và phạt tiền thuế chậm nộp trên số tiền thuế được hoàn cao hơn. (*CV số 3025/TCT-CS ngày 25/08/2011*).

38. **Chi nhánh hạch toán phụ thuộc:** Chi nhánh hạch toán phụ thuộc Công ty và đăng ký kê khai nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ tại địa phương, khi xuất hàng cho Công ty thì Chi nhánh có thể lựa chọn trong 2 cách sử dụng hóa đơn, chứng từ như sau:

Thứ nhất: Chi nhánh công ty sử dụng hóa đơn GTGT làm căn cứ thanh toán và kê khai nộp thuế đối với số hàng hóa xuất cho Công ty ở từng khâu độc lập với nhau.

Thứ hai: Chi nhánh công ty sử dụng phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ kèm theo lệnh điều động nội bộ đối với số hàng hóa xuất cho Công ty. Khi bán số hàng hóa này, Công ty phải lập hóa đơn và kê khai nộp thuế theo đúng quy định; đồng thời lập bảng kê hàng hóa bán ra gửi về chi nhánh công ty để chi nhánh xuất hóa đơn GTGT và kê khai nộp thuế cho số lượng hàng hóa thực tế tiêu thụ.

Chi nhánh công ty chỉ thực hiện 1 trong 2 cách sử dụng hóa đơn, chứng từ nêu trên và phải đăng ký với cơ quan thuế địa phương trước khi thực hiện.

(*CV số 2876/TCT-CS ngày 17/08/2011*)

39. **Chính sách thuế đối với hàng nhập khẩu:** Trường hợp Công ty A mua hàng hóa của tổ chức tại nước ngoài để bán cho Công ty B tại Việt Nam, hàng hóa được Công ty A giao cho Công ty B tại cảng Việt Nam thì Công ty A phải làm thủ tục nhập khẩu, nộp các loại thuế khâu nhập khẩu sau đó mới xuất hóa đơn bán cho Công ty B. Việc Công ty A làm tắt giao cho Công ty B (bên mua) làm thủ tục hải quan nộp các khoản thuế ở khâu nhập khẩu (bao gồm cả thuế GTGT) là không đúng quy định.

(*CV số 2834/TCT-CS ngày 15/08/2011*)

40. **Hoàn thuế GTGT:** Trường hợp người nộp thuế đã thực xuất khẩu hàng hoá, đã được phía nước ngoài thanh toán qua ngân hàng theo hợp đồng xuất khẩu một phần giá trị hàng hoá xuất khẩu, nếu người nộp thuế có hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT đầu vào đối với hàng hoá xuất khẩu (bao gồm cả phần giá trị hàng hoá xuất khẩu đã được thanh toán và phần giá trị hàng hoá xuất khẩu chưa được thanh toán), nếu đáp ứng đủ điều kiện khấu trừ thuế, hoàn thuế thì được hoàn thuế GTGT đầu vào như sau: Phần giá trị hàng hoá đã có chứng từ thanh toán qua ngân hàng được hoàn toàn bộ; Phần giá trị hàng hoá còn lại chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng do chưa đến hạn thanh toán theo hợp đồng xuất khẩu thì được tạm hoàn 90%, đến hạn thanh toán theo hợp đồng xuất khẩu người nộp thuế xuất trình đủ chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì được hoàn tiếp 10% số thuế GTGT chưa được hoàn.

Trường hợp người nộp thuế đã thực xuất khẩu hàng hoá, đã được phía nước ngoài thanh toán qua ngân hàng theo hợp đồng xuất khẩu một phần giá trị hàng hoá thực xuất khẩu, nếu người nộp thuế có hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT đầu vào đối với hàng hoá xuất khẩu (bao gồm cả phần giá trị hàng hoá xuất khẩu đã được thanh toán và phần giá trị hàng hoá xuất khẩu chưa được thanh toán), nếu đáp ứng đủ điều kiện khấu trừ thuế hoàn thuế thì được hoàn thuế GTGT đầu vào tương ứng của phần giá trị hàng hoá xuất khẩu đã có chứng từ thanh toán qua ngân hàng theo quy định.

Số thuế GTGT đầu vào của hàng xuất khẩu đã có chứng từ thanh toán qua ngân hàng được xác định căn cứ vào tỷ lệ (%) doanh thu hàng hoá xuất khẩu đã có chứng từ thanh toán qua ngân hàng trên tổng doanh thu hàng hoá xuất khẩu.

Trường hợp người nộp thuế đã được Cục Thuế giải quyết tạm hoàn thuế GTGT khi chưa có chứng từ thanh toán tiền hàng xuất khẩu qua ngân hàng theo hợp đồng xuất khẩu trả chậm chưa đến hạn thanh toán. Đến hạn thanh toán ghi trên hợp đồng người nộp thuế không cung cấp được chứng từ thanh toán tiền hàng xuất khẩu qua ngân hàng, Cục Thuế thực hiện thu hồi lại số tiền thuế đã hoàn đối với hàng hoá xuất khẩu chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng và xử phạt vi phạm pháp luật về thuế theo quy định. Nếu sau đó người nộp thuế được phía nước ngoài thanh toán, xuất trình chứng từ thanh toán thì được kê khai khấu trừ, hoàn thuế theo quy định.

*(CV số 2787/TCT-KK ngày 11/08/2011)*

41. **Kê khai, khấu trừ thuế GTGT:** Trường hợp Công ty đã nghiệm thu giá trị xây lắp với nhà thầu xây lắp và nhận hóa đơn GTGT tương ứng với giá trị xây lắp nghiệm thu, Công ty và nhà thầu xây lắp có phụ lục hợp đồng thỏa thuận gia hạn về thời hạn thanh toán, khi chưa đến thời điểm thanh toán theo phụ lục hợp đồng, Công ty chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì Công ty vẫn được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Đến thời hạn thanh toán theo phụ lục hợp đồng nếu Công ty không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào, Công ty phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế giá trị gia tăng đầu vào đã khấu trừ của giá trị hàng hóa không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng. Sau khi Công ty đã điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ tương ứng với giá trị hàng hóa không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng Công ty mới có được chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì Công ty có quyền khai bổ sung nhưng phải trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra, thanh tra thuế tại trụ sở Công ty. *(CV số 2765/TCT-DNL ngày 10/08/2011)*
  
42. **Ngày lập hóa đơn đối với hàng xuất khẩu:** Ngày lập hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu do người xuất khẩu tự xác định phù hợp với thỏa thuận giữa người xuất khẩu và người nhập khẩu. Do vậy, trường hợp Công ty là đơn vị xuất khẩu tự xác định ngày lập hóa đơn trước khi giao hàng nhưng phù hợp với thỏa thuận với người nhập khẩu thì không trái với hướng dẫn nêu trên. Ngày xác định doanh thu xuất khẩu để tính thuế là ngày xác nhận đã hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan. Do đó, thời điểm kê khai thuế hàng tháng đối với hóa đơn xuất khẩu đã lập trước khi giao hàng nêu trên của Công ty là thời điểm xác nhận đã hoàn tất thủ tục hải quan trên Tờ khai hải quan. *(CV số 10548/BTC-TCT ngày 08/08/2011).*
  
43. **Thuế GTGT đối với chuyển nhượng dự án:** Tại điểm 8.c, Mục II, Phần A Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT quy định đối tượng không chịu thuế GTGT:  

“Chuyển nhượng vốn bao gồm việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư, kể cả trường hợp bán doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác để sản xuất kinh doanh, chuyển nhượng chứng khoán và các hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật”.

Tại Điều 66 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư quy định về chuyển nhượng dự án:

“1. Nhà đầu tư có quyền chuyển nhượng dự án do mình thực hiện cho nhà đầu tư khác. Điều kiện chuyển nhượng dự án thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Nghị định này.

Trường hợp chuyển nhượng dự án của tổ chức kinh tế không gắn với việc chấm dứt hoạt động của tổ chức kinh tế chuyển nhượng thì việc chuyển nhượng dự án sẽ tuân thủ các điều kiện và thủ tục chuyển nhượng vốn quy định tại Điều 65 Nghị định này”.

Việc quy định chuyển nhượng dự án không gắn với việc chấm dứt hoạt động của tổ chức kinh tế chuyển nhượng thì việc chuyển nhượng dự án sẽ tuân thủ các điều kiện và thủ tục chuyển nhượng vốn. Vì vậy, trường hợp này, chuyển nhượng dự án không phải là chuyển nhượng vốn theo quy định nêu trên thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

*(CV số 2707/TCT-CS ngày 05/08/2011)*
  
44. **Kê khai nộp thuế GTGT:** Trường hợp Công ty có thuê kho chứa hàng tại các tỉnh, thành phố khác nơi đóng trụ sở, các kho chứa hàng tại các địa phương trên không có chức năng kinh doanh, không bán hàng, không thu tiền mà chỉ xuất hàng cho khách hàng theo lệnh của Công ty, hóa đơn do Công ty phát hành thì Công ty thực hiện kê khai, nộp thuế tập trung tại trụ sở chính của Công ty. *(CV số 2549/TCT-KK ngày 25/07/2011)*
  
45. **Kê khai nộp thuế trong trường hợp doanh nghiệp không chủ động kê khai nộp thuế GTGT:** Trường hợp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hóa xuất khẩu, hàng tạm nhập, tái xuất nhưng không thực xuất khẩu hàng hóa trong thời hạn nộp thuế và không kê khai nộp thuế theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 132 Thông tư số 194/2010/TT-BTC thì cơ quan hải quan thực hiện rà soát, đối chiếu và có thông báo bằng văn bản yêu cầu doanh nghiệp nộp thuế, nộp phạt theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ. Trường hợp sau 15 ngày kể từ ngày ra thông báo mà doanh nghiệp vẫn không đến nộp thuế thì coi như không xuất khẩu sản phẩm, cơ quan hải quan tính lại thời hạn nộp thuế theo quy định tại điểm b.3, khoản 2 Điều 18 Thông tư số 194/2010/TT-BTC. Cơ quan hải quan sử dụng quyết định ấn định thuế nếu người nộp thuế không tự kê khai nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 132 Thông tư số 194/2010/TT-BTC.  

*(CV số 3482/TCHQ-TXNK ngày 21/07/2011)*
  
46. **Kê khai, hoàn thuế GTGT cho chi nhánh:** Nếu Công ty có chi nhánh tại địa phương khác nơi đóng trụ sở, chi nhánh không trực tiếp bán hàng, không phát sinh doanh thu nhưng vẫn phát sinh thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ thì thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng tập trung tại trụ sở chính của Công ty, Công ty không được kê khai, hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào tại các chi nhánh. *(CV số 2503/TCT-DNL ngày 21/07/2011)*
  
47. **Điều kiện áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%:** Trường hợp Công ty ký hợp đồng xuất khẩu với thương nhân nước ngoài nhưng thương nhân nước ngoài chỉ định thương nhân khác tại Việt Nam nhận hàng và thanh toán cho Công ty qua ngân hàng, việc thanh toán theo chỉ định này được quy định trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng, thương nhân Việt Nam thực hiện chuyển khoản từ tài khoản ngoại tệ của mình quy đổi sang đồng Việt Nam và chuyển trả vào tài khoản của Công ty thì Công ty đáp ứng điều kiện thanh toán qua ngân hàng để áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% theo quy định. *(CV số 2424/TCT-CS ngày 13/07/2011)*



48. Kê khai điều chỉnh thuế GTGT của dịch vụ cấp tín dụng, bảo lãnh: Trường hợp trước ngày 6/9/2010 (ngày ban hành công văn số 11754/BTC-CST), ngân hàng đã xuất hóa đơn với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với dịch vụ phát hành, xác nhận, thông báo tín dụng (L/C), sau đó ngân hàng lập lại hóa đơn điều chỉnh từ thuế suất thuế GTGT 10% thành không chịu thuế thì khi khách hàng của ngân hàng kê khai, điều chỉnh giảm thuế GTGT đã khấu trừ và không bị phạt chậm nộp đối với số thuế GTGT phải nộp do kê khai điều chỉnh bổ sung nêu trên. **(CV số 2378/TCT-CS ngày 11/07/2011)**
49. Chế độ hóa đơn theo thông tư 153/2010/TT-BTC: Trường hợp các chi nhánh của cơ sở kinh doanh có nhiều mặt hàng chịu 3 mức thuế suất thuế GTGT khác nhau, chi nhánh đã chia số quyền hóa đơn được phân bổ từ công ty mẹ thành 3 nhóm để lập cho khách hàng, cùng 1 thời điểm lập hóa đơn cho cùng 1 khách hàng tương ứng với 3 loại thuế suất, khách hàng của chi nhánh đó sẽ nhận 3 số hóa đơn với 3 số thứ tự không liên tục thuộc 3 quyền khác nhau là không phù hợp với quy định. **(CV số 2355/TCT-CS ngày 08/07/2011)**
50. Khấu trừ thuế GTGT đầu vào cho hàng khuyến mại xuất đi nước ngoài: Trường hợp Công ty xuất khẩu hàng hoá cho khách hàng nước ngoài có kèm theo hàng khuyến mại, số hàng hoá khuyến mại xuất khẩu của Công ty chưa có quy định tại Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 4/4/2004 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại và Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện số 07/2007/TTLT- BTM-BTC ngày 6/7/2007 thì Công ty không được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của số hàng hoá khuyến mại mà Công ty đã xuất cho khách hàng nước ngoài nêu trên. **(CV số 2353/TCT-CS ngày 08/07/2011)**
51. Thuế GTGT đối với hoạt động mua ký quỹ chứng khoán: Từ ngày 1/8/2011, không thu thuế GTGT đối với hoạt động giao dịch mua ký quỹ chứng khoán (margin) của các Công ty chứng khoán (giao dịch mua chứng khoán của khách hàng có sử dụng tiền vay của công ty chứng khoán và sử dụng các chứng khoán khác có trong tài khoản và chứng khoán mua được bằng tiền vay để cầm cố) theo Thông tư số 74/2011/TT-BTC ngày 1/6/2011 của Bộ Tài chính và công văn số 8564/BTC-TCT ngày 1/7/2011 của Bộ Tài chính. **(CV số 2263/TCT-CS ngày 01/07/2011)**
52. Thuế GTGT đối với hoạt động mua ký quỹ chứng khoán: Từ ngày 1/8/2011, hoạt động giao dịch mua ký quỹ chứng khoán (margin) của các Công ty chứng khoán (giao dịch mua chứng khoán của khách hàng có sử dụng tiền vay của công ty chứng khoán và sử dụng các chứng khoán khác có trong tài khoản và chứng khoán mua được bằng tiền vay để cầm cố) theo đúng quy định tại Thông tư số 74/2011/TT-BTC ngày 1/6/2011 của Bộ Tài chính thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. **(CV số 8564/BTC-TCT ngày 01/07/2011)**

## THUẾ TNDN

1. Chính sách gia hạn nộp thuế theo quy định tại Quyết định số 21/2011/QĐ-TTg: Trường hợp Công ty áp dụng các tiêu chí là doanh nghiệp nhỏ và vừa, đã thực hiện chế độ kế toán hóa đơn, chứng từ và thực hiện đăng ký nộp thuế theo kê khai thì Công ty thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế TNDN năm 2011 theo quy định tại Quyết định số 21/2011/QĐ-TTg. Số thuế TNDN được gia hạn không bao gồm số thuế tính trên phần thu nhập từ các hoạt động không được gia hạn theo quy định. Trường hợp Công ty kinh doanh các mặt hàng may mặc nhập khẩu thì số thuế TNDN được gia hạn không bao gồm số thuế tính trên phần thu nhập từ hoạt động kinh doanh các mặt hàng may mặc không khuyến khích nhập khẩu, không phân biệt thu nhập tại khâu nhập khẩu hay các khâu kinh doanh nội địa những mặt hàng này. Đối với những mặt hàng có cùng tên gọi, mã số với những mặt hàng nêu trên nhưng sản xuất trong nước thì vẫn được gia hạn nộp thuế theo quy định. Việc xác định mặt hàng may mặc không khuyến khích nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1380/QĐ-BCT ngày 25/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành danh mục các mặt hàng không khuyến khích nhập khẩu. **(CV số 17681/BTC-CST ngày 27/12/2011)**

2. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế: Theo quy định của khoản 2 Điều 110 Luật quản lý thuế, thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chậm nộp tiền thuế là 05 năm kể từ ngày hành vi vi phạm được thực hiện.

Do đó nếu tính từ thời điểm người nộp thuế bắt đầu chậm nộp thuế đến ngày người nộp thuế thực hiện nộp thuế mà đã quá thời hạn 5 năm thì việc xử phạt chậm nộp thuế được thực hiện như sau:

+ Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày bắt đầu chậm nộp đến ngày kết thúc chậm nộp, thì người nộp thuế phải nộp tiền phạt chậm nộp.

+ Ngoài thời hạn 05 năm kể từ ngày bắt đầu chậm nộp, người nộp thuế không phải nộp phạt chậm nộp.

**(CV số 17428/BTC-TCHQ ngày 22/12/2011)**

3. Xác định mức doanh thu không phải nộp thuế: Căn cứ xác định mức doanh thu theo tháng không phải nộp thuế theo phương pháp khoán dựa trên mức lương tối thiểu chung và tỷ lệ chịu thuế TNCN, trong đó mức lương tối thiểu vùng và địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng áp dụng từ ngày 01/10/2011 đến hết ngày 31/12/2012 thực hiện theo quy định tại Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 của Chính phủ. Trong đó, quy định mức lương tối thiểu vùng áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Mức 2.000.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng I.

Mức 1.780.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng II.

Mức 1.550.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng III.

Mức 1.400.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên các địa bàn thuộc vùng IV.

*(CV số 4677/TCT-CS ngày 22/12/2011)*

4. [Hướng dẫn gia hạn nộp thuế TNDN của doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong một số ngành](#)

Ngày 25/11/2011 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 170/2011/TT-BTC, hướng dẫn thực hiện Quyết định số 54/2011/QĐ-TTg ngày 11/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 của doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong một số ngành nhằm tháo gỡ khó khăn; góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

Theo đó, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động là doanh nghiệp có tổng số lao động sử dụng thường xuyên bình quân năm 2011 trên 300 lao động. Trường hợp doanh nghiệp tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con thì số lao động làm căn cứ xác định việc gia hạn thời hạn nộp thuế của Công ty mẹ không bao gồm số lao động của công ty con.

Thời gian gia hạn nộp thuế TNDN năm 2011 là 1 năm tính từ ngày đến thời hạn nộp thuế theo quy định, cụ thể áp dụng đối với: 1) Số thuế TNDN năm 2011 tính trên thu nhập từ hoạt động sản xuất, gia công chế biến các mặt hàng: nông lâm, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử; 2) Số thuế TNDN năm 2011 tính trên thu nhập từ hoạt động thi công, xây dựng, lắp đặt: nhà máy nước, nhà máy điện, công trình truyền tải, phân phối điện; hệ thống cấp thoát nước; đường bộ, đường sắt; cảng hàng không, cảng biển, cảng sông; sân bay, nhà ga, bến xe; xây dựng trường học, bệnh viện, nhà văn hóa, rạp chiếu phim, cơ sở biểu diễn nghệ thuật, cơ sở luyện tập, thi đấu thể thao; hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn; công trình thông tin liên lạc, công trình thủy lợi phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp.

Số thuế TNDN phải nộp năm 2011 của doanh nghiệp được gia hạn là số thuế TNDN tạm tính hàng quý và số thuế còn phải nộp theo quyết toán thuế năm 2011. Doanh nghiệp phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động được gia hạn, nếu không xác định được thì thu nhập để tính số thuế được gia hạn xác định theo tỷ lệ % giữa doanh thu của hoạt động được gia hạn nộp thuế với tổng doanh thu của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp thuộc đối tượng gia hạn, nếu đã kê khai nộp vào ngân sách nhà nước số tiền thuế được gia hạn của quý I, II, III năm 2011 thì số thuế được gia hạn nhưng đã nộp được tính bù vào số thuế TNDN phải nộp của các hoạt động không được gia hạn hoặc số thuế phải nộp của lần tiếp theo. Đồng thời trong thời gian được gia hạn, doanh nghiệp không bị coi là vi phạm chậm nộp thuế. Trường hợp phát sinh tiền phạt chậm nộp và doanh nghiệp đã nộp, thì số tiền thuế được hoàn lại nói trên bao gồm cả số tiền phạt chậm nộp đã nộp.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 09/01/2012 và áp dụng đối với việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 theo quy định tại Quyết định số 54/2011/QĐ-TTg.

5. [Hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13](#)

Ngày 04/11/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 101/2011/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.

Theo đó, Chính phủ quy định giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011 của doanh nghiệp nhỏ và vừa, trừ số thuế tính trên thu nhập từ kinh doanh xổ số, kinh doanh bất động sản, kinh doanh tài chính, kinh doanh chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm và thu nhập từ sản xuất hàng hóa, kinh doanh dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và trừ các doanh nghiệp được xếp hạng I, hạng đặc biệt thuộc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp là các công ty tổ chức theo mô hình công ty mẹ-công ty con mà công ty mẹ không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa và nắm giữ trên 50% vốn chủ sở hữu của công ty con.

Đồng thời, giảm 50% mức thuế khoán thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân từ ngày 1/7/2011 đến hết ngày 31/12/2011 đối với: hộ, cá nhân kinh doanh nhà trọ, phòng trọ cho công nhân, sinh viên, học sinh thuê; hộ, cá nhân chăm sóc trông giữ trẻ và hộ, cá nhân cung ứng suất ăn ca cho công nhân.

Giảm 50% số thuế giá trị gia tăng và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh từ ngày 1/7/2011 đến hết ngày 31/12/2011 đối với hoạt động cung ứng suất ăn cho công nhân (không bao gồm hoạt động cung ứng suất ăn cho doanh nghiệp vận tải, hàng không, hoạt động kinh doanh khác) của doanh nghiệp.

Ngoài ra, Miễn thuế thu nhập cá nhân từ ngày 1/8/2011 đến hết ngày 31/12/2012 đối với cổ tức được chia cho cá nhân từ hoạt động đầu tư vào thị trường chứng khoán, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp trừ cổ tức được chia từ các ngân hàng cổ phần, quỹ đầu tư tài chính, tổ chức tín dụng.

Giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân từ ngày 1/8/2011 đến hết ngày 31/12/2012 đối với thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/12/2011.

6. [Chi hoa hồng môi giới:](#) Trường hợp Công ty chi hoa hồng môi giới liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì khoản chi phí hoa hồng môi giới thuộc các khoản chi không được vượt quá 10% tổng chi phí

được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định tại điểm 2.19, Mục IV, Phần C, Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính. **(CV số 4267/TCT-CS ngày 25/11/2011)**

7. **Trích khấu hao TSCĐ là nhà xưởng xây dựng trên đất mượn:** Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 06/04/2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng quy định: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng được cấp theo quy định của Nghị định này là cơ sở pháp lý để nhà nước bảo hộ quyền sở hữu của các chủ thể và các chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty có công trình là nhà xưởng được xây dựng trên đất mượn nếu không đáp ứng đủ điều kiện quy định giấy tờ chứng minh được tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Công ty, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp thì không được trích khấu hao tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. **(CV số 3922/TCT-CS ngày 01/11/2011)**

8. **Gia hạn nộp thuế TNDN năm 2011:**

Ngày 11/10/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 54/2011/QĐ-TTg, về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 của doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong một số ngành nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

Theo đó, Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, hợp tác xã có thu nhập từ hoạt động sản xuất, gia công, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử và từ hoạt động thi công, xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kinh tế - xã hội được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 trong thời gian một (01) năm, kể từ ngày đến thời hạn nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế

Số thuế thu nhập doanh nghiệp được gia hạn này không bao gồm số thuế thu nhập từ hoạt động khác và thu nhập khác ngoài thu nhập từ các hoạt động theo quy định của pháp luật.

Việc gia hạn nộp thuế này áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật và nộp thuế theo kê khai.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp được gia hạn là số thuế phải nộp tạm tính hàng quý và số thuế còn phải nộp theo quyết toán thuế năm 2011.

Trường hợp trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà doanh nghiệp, hợp tác xã đã kê khai, nộp số thuế thu nhập doanh nghiệp được gia hạn của các quý I, II và quý III năm 2011 vào ngân sách nhà nước thì được tính bù vào số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động không được gia hạn hoặc bù vào số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của lần nộp thuế tiếp theo.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30/11/2011.

9. **Chính sách thuế TNDN:** Doanh nghiệp được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với 04 khoản chi tài trợ gồm: tài trợ cho giáo dục, y tế, khắc phục hậu quả thiên tai và làm nhà tình nghĩa cho người nghèo theo quy định của pháp luật. Theo đó, trường hợp doanh nghiệp có khoản chi đóng góp cho "Quỹ vì Trường Sa thân yêu" được thành lập theo Quyết định số 557/QĐ-TTG ngày 19/4/2011 không thuộc 04 khoản chi tài trợ nêu trên nên không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp **(CV số 3585/TCT-CS ngày 10/10/2011)**.
10. **Thuế TNDN đối với lãi cho vay tại nước ngoài:** Trường hợp doanh nghiệp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, đã đầu tư ra nước ngoài và thu được khoản lãi cho vay thì số thu nhập từ lãi cho vay được tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam với mức thuế suất là 25%. Khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại Việt Nam đối với khoản lãi cho vay này, doanh nghiệp được trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở nước ngoài hoặc đã được đối tác nước tiếp nhận đầu tư trả thay nhưng số thuế được trừ không vượt quá số thuế thu nhập tính theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam theo quy định nêu trên **(CV số 3454/TCT-CS ngày 09/2011)**.
11. **Hướng dẫn về thuế đối với cơ sở y tế công lập:**

Ngày 12/9/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 128/2011/TT-BTC, hướng dẫn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở y tế công lập.

Theo đó, thu nhập từ khám chữa bệnh theo Khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc viện phí; Thu nhập từ dịch vụ ăn uống dinh dưỡng lâm sàng theo chế độ bệnh tật; Thu nhập từ dịch vụ trong lĩnh vực y tế dự phòng, kiểm nghiệm, kiểm định có thu phí, lệ phí và một số khoản thu khác của các cơ sở y tế công lập được miễn thuế TNDN.

Đối với các khoản thu khác mà cơ sở y tế công lập hạch toán được doanh thu nhưng không hạch toán và xác định được chi phí, thu nhập của từng hoạt động chịu thuế TNDN thì kê khai nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ; cụ thể, đối với dịch vụ là 5%; kinh doanh hàng hóa là 1% và hoạt động khác là 2%...

Mặt hàng thuốc chữa bệnh quy định tại điểm 2.11 Mục II Phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC thuộc diện áp dụng thuế suất thuế GTGT là 5%. Trường hợp số thuốc chữa bệnh là một phần thuộc gói dịch vụ chữa bệnh thì toàn bộ khoản thu từ hoạt động chữa bệnh bao gồm cả sử dụng thuốc thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Có 02 phương pháp tính thuế GTGT đối với các cơ sở y tế công lập, trong đó, phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với trường hợp cơ sở y tế công lập thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định và đăng ký nộp thuế.

Đối với cơ sở y tế công lập có hoạt động kinh doanh, dịch vụ có đầy đủ hóa đơn của hàng hóa, dịch vụ bán ra theo chế độ quy định hoặc có đủ điều kiện xác định được đúng doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ như hợp đồng và chứng từ thanh toán nhưng không có đủ hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào thì đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2012.

12. Thuế TNDN đối với chi phí lãi vay: Theo quy định thì phần chi phí lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức tín dụng, các tổ chức tài chính vượt mức lãi suất thực tế căn cứ vào hợp đồng vay. Phần chi phí lãi tiền vay của các đối tượng khác vượt mức lãi suất thực tế căn cứ vào hợp đồng vay hoặc phần chi phí lãi tiền vay vượt quá 1,2 lần mức lãi suất cho vay cao nhất cùng thời điểm của tổ chức tín dụng mà cơ sở kinh doanh có quan hệ giao dịch; các khoản chi trả lãi tiền vay để góp vốn điều lệ hoặc chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần vốn điều lệ đã đăng ký còn thiếu kể cả trường hợp cơ sở kinh doanh đã đi vào sản xuất kinh doanh sẽ không được tính vào chi phí hợp lý hợp lệ.

Trường hợp Công ty đã góp đủ phần vốn góp theo tiến độ được ghi trong giấy phép đầu tư thì số tiền trả lãi vay ngoài phần vốn góp theo tiến độ nếu không vi phạm điều kiện về lãi suất theo quy định trên thì được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế TNDN (*CV số 3454/TCT-CS ngày 09/2011*).

13. Kê khai thuế trong thời gian bị thu hồi mã số thuế: Trường hợp doanh nghiệp bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi mã số thuế, tại doanh nghiệp vẫn phát sinh hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ và các khoản phải trả thì doanh nghiệp vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan thuế theo đúng thời hạn quy định, Doanh nghiệp được kê khai khấu trừ và tính vào chi phí khi tính thuế TNDN nếu đáp ứng các quy định tại Thông tư 129/2008/TT-BTC về thuế GTGT và Thông tư 130/2008/TT-BTC về thuế TNDN. (*CV số 2966/TCT-KK ngày 23/08/2011*).

14. Ưu đãi thuế do niêm yết chứng khoán lần đầu giai đoạn 2004-2006: Các doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu trong giai đoạn từ năm 2004-2006, kể từ năm niêm yết chứng khoán đến năm 2008 (năm tài chính) doanh nghiệp đang trong thời gian hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN theo quy định của Luật thuế TNDN, doanh nghiệp đã kê khai hưởng ưu đãi giảm thuế TNDN do có chứng khoán niêm yết lần đầu theo hướng dẫn tại công văn số 11924 TC/CST, công văn số 10997/BTC-CST của Bộ Tài chính nêu trên theo các trường hợp sau: Doanh nghiệp hết thời gian miễn, giảm thuế TNDN theo quy định của Luật Thuế TNDN, doanh nghiệp mới kê khai giảm 50% thuế TNDN do niêm yết chứng khoán; Doanh nghiệp hết thời gian miễn thuế TNDN, đang trong thời gian giảm thuế TNDN quy định của Luật Thuế TNDN, doanh nghiệp đã kê khai đồng thời giảm 50% thuế TNDN do niêm yết chứng khoán và quy đổi thành năm miễn thuế TNDN thì doanh nghiệp được hưởng đủ 02 năm giảm 50% thuế TNDN do niêm yết chứng khoán lần đầu.

Trường hợp năm tài chính 2008 là năm đầu tiên doanh nghiệp đã kê khai ưu đãi giảm 50% thuế TNDN do niêm yết chứng khoán lần đầu thì doanh nghiệp tiếp tục được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế TNDN một năm còn lại vào năm 2009.

Thời gian ưu đãi giảm 50% thuế TNDN do niêm yết chứng khoán lần đầu thực hiện theo nguyên tắc tính liên tục.

Các trường hợp từ năm 2008 trở về trước, doanh nghiệp đã kê khai ưu đãi giảm 50% thuế TNDN do niêm yết chứng khoán theo các trường hợp nêu trên mà Cục Thuế đã thanh tra, kiểm tra, xác định doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế TNDN do niêm yết chứng khoán và thực hiện truy thu thuế đối với các trường hợp này thì nay yêu cầu Cục Thuế điều chỉnh lại, chấp nhận theo năm doanh nghiệp tự kê khai hưởng ưu đãi giảm thuế TNDN do có chứng khoán niêm yết lần đầu để đảm bảo nguyên tắc xử lý thống nhất.

Trường hợp các doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu giai đoạn từ năm 2004-2006, kể từ năm đầu tiên niêm yết chứng khoán đến hết năm 2008 doanh nghiệp đang trong thời gian hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN theo quy định tại Luật Thuế TNDN, nhưng nếu đến năm 2008 doanh nghiệp vẫn chưa kê khai hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế TNDN phải nộp do có chứng khoán niêm yết lần đầu thì từ năm 2009 theo quy định của Luật thuế TNDN sửa đổi có hiệu lực từ 01/01/2009, doanh nghiệp sẽ không được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế TNDN phải nộp do có chứng khoán niêm yết lần đầu giai đoạn từ năm 2004-2006.

(*CV số 2924/TCT-PC ngày 19/08/2011*).

15. Hướng dẫn ưu đãi thuế trong chính sách phát triển một số ngành công nghiệp

Ngày 04/7/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 96/2011/TT-BTC, hướng dẫn thực hiện chính sách tài chính quy định tại Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/2/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ.

Theo đó, miễn thuế nhập khẩu đối với phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ trong nước chưa sản xuất được; phương tiện vận chuyển đưa đón công nhân gồm xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên và

phương tiện thủy; vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được; nguyên liệu, vật tư phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm mà trong nước chưa sản xuất được. Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để sử dụng trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm: máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư, phương tiện vận tải trong nước chưa sản xuất được, công nghệ trong nước chưa tạo ra được; tài liệu, sách, báo, tạp chí khoa học và các nguồn tin điện tử về khoa học và công nghệ.

Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của các dự án đầu tư vào lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày bắt đầu sản xuất.

Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập khẩu vào thị trường trong nước được miễn thuế nhập khẩu; trường hợp có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài thì khi nhập khẩu vào thị trường trong nước chỉ phải nộp thuế nhập khẩu trên phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu cấu thành trong hàng hóa đó.

Về ưu đãi thuế TNDN, trường hợp dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho phát triển công nghiệp công nghệ cao thuộc doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản xuất sản phẩm phần mềm hoặc là doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn..., được ưu đãi về thuế suất, miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/8/2011.

#### 16. Doanh nghiệp được bù trừ lỗ do đầu tư ở nước ngoài trong 05 năm

Ngày 12/7/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 104/2011/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2010/TT-BTC ngày 19/01/2010 hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

Theo đó, trường hợp dự án đầu tư tại nước ngoài phải chấm dứt hoạt động có phát sinh khoản lỗ chưa được bù trừ hết mà DN Việt Nam phải gánh chịu thì được kê khai, bù trừ số lỗ này vào thu nhập chịu thuế của DN tại Việt Nam.

Thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 5 năm, kể từ năm DN Việt Nam tiếp nhận khoản lỗ chưa được bù trừ hết. Số lỗ được chuyển bằng số vốn đầu tư ra nước ngoài đã giải ngân, tối đa không vượt quá số vốn đã thực hiện đầu tư ra nước ngoài theo Giấy chứng nhận/Giấy phép đầu tư ra nước ngoài do Bộ Kế hoạch và đầu tư cấp.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ chuyển lỗ của DN (gồm Giấy chứng nhận/Giấy phép đầu tư ra nước ngoài, giấy tờ xác nhận về việc bị chấm dứt hoạt động; báo cáo tài chính trong 3 năm gần nhất; hợp đồng thanh lý dự án đầu tư tại nước ngoài...), trong vòng 3 ngày làm việc, cơ quan thuế phải yêu cầu DN bổ sung đầy đủ giấy tờ cần thiết (nếu hồ sơ còn thiếu).

Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan thuế thực hiện kiểm tra đối chiếu các tài liệu, chứng từ trong hồ sơ để xác định số lỗ được chuyển, hướng dẫn DN xử lý khoản lỗ theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Về thủ tục kê khai và nộp thuế đối với khoản thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài, theo quy định mới của Bộ Tài chính, trường hợp dự án đầu tư tại nước ngoài chưa phát sinh thu nhập chịu thuế (hoặc đang bị lỗ), khi kê khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm, DN đầu tư ra nước ngoài chỉ phải nộp Báo cáo tài chính có xác nhận của cơ quan kiểm toán độc lập hoặc của cơ quan có thẩm quyền của nước doanh nghiệp đầu tư và Tờ khai thuế thu nhập của dự án đầu tư tại nước ngoài có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của dự án đầu tư tại nước ngoài.

Số lỗ phát sinh từ dự án đầu tư ở nước ngoài đang hoạt động không được trừ vào số thu nhập phát sinh của DN mẹ ở trong nước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/8/2011.

### THUẾ TNCN

1. Thuế TNCN đối với việc phân chia tài sản chung: Tại Khoản 1 Điều 224 Bộ Luật dân sự quy định trường hợp sở hữu chung có thể phân chia thì mỗi chủ sở hữu chung đều có quyền yêu cầu chia tài sản chung.

Trường hợp hai cá nhân có sở hữu chung một căn nhà tiến hành phân chia tài sản chung này cho mỗi bên thì không tạo ra thu nhập nên không thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân.

*(CV số 3898/TCT-TNCN ngày 31/10/2011)*

2. Thuế TNCN đối với trường hợp có thu nhập từ 2 nơi trở lên: Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công từ hai nơi trở lên thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế quản lý tổ chức cá nhân trả thu nhập mà cá nhân có ký hợp đồng lao động trên 3 tháng và đăng ký giảm trừ gia cảnh cùng với các chứng từ khấu trừ thuế ở nơi khác;

Nếu cá nhân đã đăng ký giảm trừ gia cảnh cho bản thân tại một tổ chức trả thu nhập thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế quản lý đơn vị trả thu nhập đó;



Nếu cá nhân chưa đăng ký giảm trừ gia cảnh cho bản thân ở tổ chức trả thu nhập thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú (*CV số 3649/TCT-TNCN ngày 13/10/2011*).

3. Miễn thuế TNCN theo Nghị quyết 08/2011: Từ tháng 8/2011 đến hết tháng 12/2011 chỉ đối với các cá nhân hưởng lương và cá nhân kinh doanh có mức thu nhập tính thuế đến bậc 1 của Biểu thuế lũy tiến từng phần được tạm chưa phải khấu trừ thuế TNCN; đối với các cá nhân hưởng lương và cá nhân kinh doanh có mức thu nhập tính thuế từ bậc 2 trở lên thực hiện khấu trừ, nộp thuế TNCN theo Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Điều 22 Luật thuế TNCN và không được miễn thuế đối với thu nhập tính thuế bậc 1) (*CV số 3637/TCT-TNCN ngày 12/10/2011*).
4. Miễn thuế TNCN theo Nghị quyết 08/2011: Từ ngày 01/08/2011 đến 31/12/2011 Công ty chi trả thu nhập từ tiền công tiền lương cho người lao động, sau khi trừ các khoản được giảm trừ nếu thu nhập tính thuế từ 0 đến 5 triệu (bậc 1) biểu thuế lũy tiến từng phần thì Công ty không phải tạm khấu trừ thuế. Nếu thu nhập tính thuế trên 5 triệu (bậc 2 trở lên) Công ty tạm tính khấu trừ kê khai nộp thuế theo quy định (số thuế phải nộp bao gồm cả số thuế của bậc 1) (*CV số 7901/CT-TTHT ngày 20/9/2011*).
5. Thuế TNCN đối với chuyển nhượng BĐS thông qua hợp đồng ủy quyền: Đối với các trường hợp giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán quyền sở hữu nhà ở mà thực hiện thông qua hợp đồng ủy quyền (được công chứng) xác định nội dung ủy quyền phù hợp với quy định pháp luật thì cá nhân là người ủy quyền nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà. Trường hợp người ủy quyền ủy quyền cho người nhận ủy quyền nộp thuế TNCN thay thì người nhận ủy quyền phải nộp thuế TNCN thay người ủy quyền. Cá nhân là người nhận ủy quyền có thù lao khi thực hiện hợp đồng ủy quyền kể cả thu nhập nhận được từ việc được ủy quyền sử dụng tài sản thì người nhận ủy quyền phải nộp thuế TNCN.

Đối với các trường hợp giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán quyền sở hữu nhà ở dưới hình thức hợp đồng ủy quyền mà nội dung của hợp đồng ủy quyền có quy định cho người nhận ủy quyền được các quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, cơ quan thuế có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng tại địa phương để tiến hành kiểm tra, điều tra xác minh làm rõ nội dung của hợp đồng ủy quyền để xác định nghĩa vụ thuế TNCN của các đối tượng ủy quyền và đối tượng nhận ủy quyền trước khi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển quyền sở hữu nhà.

(*CV số 3373/TCT-TNCN ngày 20/09/2011*).

6. Thuế TNCN đối với tiền bồi thường thiệt hại do vi phạm HĐ: Cá nhân ký hợp đồng với Công ty kinh doanh bất động sản theo hình thức "góp vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và nhận lại quyền sử dụng đất". Trong quá trình thực hiện chủ dự án không thực hiện được hợp đồng; tiến hành thanh lý hợp đồng, hoàn trả số tiền góp vốn và bồi thường một khoản tiền theo tỷ lệ phần trăm (%) trên số tiền góp vốn thì số tiền bồi thường nêu trên thuộc khoản bồi thường khác theo quy định của pháp luật được miễn thuế TNCN (*CV số 3244/TCT-TNCN ngày 09/09/2011*).
7. Hướng dẫn giảm thuế theo Nghị quyết số 08/2011/QH13: Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 10790/BTC-TCT ngày 12/08/2011 triển khai thực hiện Nghị quyết số 08/2011/QH13. Theo đó:

Không thực hiện khấu trừ, chưa thu thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đối với các trường hợp chi trả cổ tức cho cá nhân kể từ ngày 01/08/2011 (trừ cổ tức do các ngân hàng cổ phần, quỹ đầu tư tài chính, tổ chức tín dụng chi trả cho cá nhân).

Từ tháng 8/2011: Tạm khấu trừ theo tỷ lệ 0,05% đối với các giao dịch chứng khoán trên các sàn giao dịch (thay thế cho tỷ lệ 0,1% trước đây).

Từ tháng 8/2011 đến hết tháng 12/2011: Tạm chưa khấu trừ thuế TNCN, tạm chưa thu thuế TNCN đối với người hưởng lương và cá nhân kinh doanh có mức thu nhập tính thuế đến bậc 1 của Biểu thuế lũy tiến từng phần theo quy định của Luật thuế TNCN.

8. Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011, miễn thuế thu nhập cá nhân đến hết năm 2012

Ngày 06/8/2011, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 08/2011/QH13 về việc ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.

Theo đó, Quốc hội thông qua đề xuất giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011 đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử, xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội.

Việc giảm thuế không áp dụng đối với số thuế tính trên thu nhập từ kinh doanh xổ số, bất động sản, chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và thu nhập từ sản xuất hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và doanh nghiệp được xếp hạng 1, hạng đặc biệt thuộc các Tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp các công ty tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con mà công ty mẹ không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa nắm giữ trên 50% vốn chủ sở hữu của công ty con.

Giảm 50% mức thuế khoán thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp từ Quý III năm 2011 đến hết năm 2011 đối với cá nhân, hộ kinh doanh nhà trọ, phòng trọ cho thuê đối với công nhân, người lao động, sinh viên, học sinh; hộ, cá nhân chăm sóc trông giữ trẻ; hộ, cá nhân, tổ chức cung ứng suất ăn ca cho

công nhân với điều kiện hộ, cá nhân, tổ chức này giữ ổn định mức giá cho thuê phòng trọ, nhà trọ, giá trông giữ trẻ và giá cung ứng suất ăn ca như cuối năm 2010.

Đối với thuế thu nhập cá nhân, miễn thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01/08/2011 đến hết ngày 31/12/2012 đối với cổ tức được chia cho cá nhân từ hoạt động đầu tư vào thị trường chứng khoán, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp trừ cổ tức của các ngân hàng cổ phần, quỹ đầu tư tài chính, tổ chức tín dụng.

Bên cạnh đó, giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp từ ngày 01/08/2011 đến hết ngày 31/12/2012 đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân. Miễn thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01/08/2011 đến hết ngày 31/12/2011 đối với cá nhân có thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công và từ kinh doanh đến mức phải chịu thuế thu nhập cá nhân ở bậc 1 của Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12.

9. Sửa đổi các quy định về thuế TNCN: Ngày 04/8/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 113/2011/TT-BTC, sửa đổi, bổ sung Thông tư số 62/2009/TT-BTC ngày 27/3/2009, Thông tư số 02/2010/TT-BTC ngày 11/01/2010 và Thông tư số 12/2011/TT-BTC ngày 26/01/2011.

Theo đó, trường hợp giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc ghi trên Tờ khai thuế thu nhập cá nhân thấp hơn giá đất, giá tính lệ phí trước bạ do UBND cấp tỉnh quy định tại thời điểm chuyển nhượng hoặc không có hóa đơn, chứng từ hợp pháp chứng minh giá vốn thì cơ quan thuế ấn định giá chuyển nhượng và tính thuế 2%/giá chuyển nhượng ấn định.

Việc ấn định giá chuyển nhượng căn cứ vào bảng giá đất, giá tính lệ phí trước bạ nhà do UBND cấp tỉnh quy định. Đối với chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai cá nhân kê khai và nộp thuế theo thuế suất 25% trên thu nhập.

Ngoài ra, theo hướng dẫn này, các tổ chức, cá nhân chi trả tiền hoa hồng đại lý bán hàng hóa; tiền lương, tiền công, tiền dịch vụ khác, tiền chi khác cho cá nhân thực hiện các dịch vụ có tổng mức trả thu nhập từ 01 triệu đồng/lần trở lên thì thực hiện khấu trừ thuế trước khi trả thu nhập cho cá nhân (theo quy định trước đây, tổng mức trả thu nhập từ 500.000 đồng/lần trở lên đã phải thực hiện khấu trừ thuế).

Bộ Tài chính cũng quy định 02 mức khấu trừ áp dụng đối với cá nhân đã và chưa có mã số thuế thay vì 01 mức duy nhất là 10% như quy định cũ. Cụ thể, mức khấu trừ được áp dụng theo tỷ lệ 10% trên thu nhập trả cho các cá nhân có mã số thuế và 20% đối với cá nhân không có mã số thuế, trừ các trường hợp Bộ Tài chính đã có văn bản hướng dẫn mức tạm khấu trừ riêng.

Tổ chức ký hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ với các cá nhân có trách nhiệm thông báo cho các cá nhân về tỷ lệ khấu trừ nêu trên để cá nhân làm thủ tục xin cấp mã số thuế; cơ quan thuế thực hiện cấp ngay mã số thuế trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ xin cấp mã số thuế.

Trường hợp cá nhân chỉ có duy nhất thu nhập thuộc đối tượng phải khấu trừ thuế theo tỷ lệ nêu trên nhưng ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế thì cá nhân có thu nhập làm cam kết gửi tổ chức trả thu nhập để tổ chức trả thu nhập làm căn cứ tạm thời chưa khấu trừ thuế TNCN.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/9/2011.

10. Xác định người phụ thuộc để tính giảm trừ gia cảnh: Theo quy định của Bộ luật Lao động: nam hết tuổi lao động là 60 tuổi, nữ là 55 tuổi. Thì sau tháng tròn 60 tuổi đối với nam; tròn 55 tuổi đối với nữ mà không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm không vượt quá 500.000đ được kê khai là người phụ thuộc, giảm trừ gia cảnh vào thu nhập chịu thuế của người nộp thuế.

Trường hợp hồ sơ chứng minh người phụ thuộc (chứng minh nhân dân, bản sao giấy khai sinh) không ghi ngày sinh, tháng sinh mà chỉ ghi năm sinh thì tháng sau năm đủ 60 tuổi được kê khai là người phụ thuộc.

Người phụ thuộc là con đã trên 18 tuổi nhưng đang là học sinh trung học phổ thông (không thuộc đối tượng đang theo học tại các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề theo quy định tại Điểm 3.1.4) không có thu nhập hoặc có thu nhập nhưng không vượt quá 500.000đ bình quân tháng trong năm được coi là người phụ thuộc tính giảm trừ gia cảnh vào thu nhập chịu thuế của cha hoặc mẹ.

Con trên 18 tuổi trong thời gian chờ kết quả thi đại học (từ tháng 6 đến tháng 9 năm lớp 12) không có thu nhập hoặc có thu nhập nhưng không vượt quá 500.000đ bình quân tháng trong năm được coi là người phụ thuộc tính giảm trừ gia cảnh vào thu nhập chịu thuế của cha hoặc mẹ.

Con trai, con gái đang theo học đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề kết hôn và sinh con mà không có thu nhập hoặc có thu nhập nhưng không vượt quá 500.000đ bình quân tháng trong năm thì vẫn là người phụ thuộc được giảm trừ gia cảnh vào thu nhập chịu thuế của cha hoặc mẹ.

Trong trường hợp này con dâu (con rể) đang học đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề không có thu nhập hoặc có thu nhập nhưng không vượt quá 500.000đ bình quân tháng trong năm không thuộc đối tượng người phụ thuộc được giảm trừ gia cảnh vào thu nhập chịu thuế của cha chồng hoặc mẹ chồng (cha vợ hoặc mẹ vợ).

Cháu nội (cháu ngoại) mà cha, mẹ chúng đang theo học đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề đang là người phụ thuộc được giảm trừ gia cảnh vào thu nhập chịu thuế của ông nội hoặc bà nội (ông ngoại hoặc bà ngoại).



ngoại) thì cháu nội (cháu ngoại) cũng là đối tượng người phụ thuộc của ông nội hoặc bà nội (ông ngoại hoặc bà ngoại).

Cha, mẹ ly hôn, bỏ đi làm ăn xa, giao con cho ông bà nội, ông bà ngoại trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp này cháu nội, cháu ngoại do ông bà nội, ông bà ngoại trực tiếp phải chi phí nuôi dưỡng thì thuộc đối tượng người phụ thuộc được giảm trừ gia cảnh vào thu nhập chịu thuế của ông bà nội, ông bà ngoại.

*(CV số 2660/TCT-TNCN ngày 02/08/2011).*

11. **Thuế TNCN đối với tiền lãi trả cho các nhà đầu tư:** Khoản tiền lãi tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng mà Công ty trả cho các nhà đầu tư, được thực hiện theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán là khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập cá nhân. *(CV số 2660/TCT-TNCN ngày 02/08/2011)*

12. **Ủy quyền làm thủ tục hoàn thuế TNCN:** Đối với cá nhân người nước ngoài ủy quyền cho một tổ chức, cá nhân Việt Nam làm thủ tục hoàn thuế TNCN:

Trường hợp giấy ủy quyền được lập tại nước ngoài và bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự

Trường hợp giấy ủy quyền được lập tại Việt Nam và bằng tiếng Việt:

+ Trường hợp cá nhân người nước ngoài ủy quyền cho một tổ chức, cá nhân Việt Nam làm thủ tục hoàn thuế TNCN; giấy ủy quyền được lập tại Việt Nam và bằng tiếng Việt; tổ chức, cá nhân được ủy quyền đề nghị hoàn thuế vào tài khoản của cá nhân nước ngoài nêu trên thì không phải công chứng, chứng thực Giấy ủy quyền.

+ Trường hợp cá nhân người nước ngoài ủy quyền cho một tổ chức, cá nhân Việt Nam làm thủ tục hoàn thuế TNCN; giấy ủy quyền được lập tại Việt Nam và bằng tiếng Việt; tổ chức, cá nhân được ủy quyền đề nghị hoàn thuế vào tài khoản của đối tượng khác - không phải tài khoản của cá nhân người nước ngoài nêu trên thì phải công chứng, chứng thực Giấy ủy quyền.

*(CV số 2616/TCT-TNCN ngày 29/07/2011)*

13. **Chính sách thuế TNCN đối với chuyển nhượng vốn:** Cá nhân chuyển nhượng vốn (bên bán) đã nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn tại nơi cư trú thì Công ty nhận số vốn chuyển nhượng (bên mua) có thể sử dụng chứng từ nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn mà bên bán đã kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân để thực hiện các thủ tục nhận quyền sở hữu vốn.

*(CV số 2330/TCT-TNCN ngày 07/07/2011)*

## THUẾ NHÀ THẦU

1. **Chính sách thuế đối với nhà thầu nước ngoài:** Trường hợp nhà thầu nước ngoài có các khoản thu bao gồm: Tiền hỗ trợ không hoàn lại, tiền bồi thường do người lao động vi phạm hợp đồng, lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của các hoạt động chi trả bằng ngoại tệ, lãi do chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn, các khoản thu nhập này được tính vào thu nhập khác của Nhà thầu nước ngoài trên cơ sở Hợp đồng nhà thầu và phải chịu thuế nhà thầu tại Việt Nam.

Đối với khoản thu điện, nước từ các nhà thầu phụ: Nếu Nhà thầu thanh toán tiền điện, nước cho nhà cung cấp sau đó phân chia chi phí cho các nhà thầu phụ (theo như Thỏa thuận chia chi phí sử dụng dịch vụ chung tại công trường) và Nhà thầu đã xuất hoá đơn GTGT cho nhà thầu phụ theo đúng giá của nhà cung cấp đồng thời thực hiện kê khai thuế GTGT đầu ra theo quy định thì việc thu hộ, chi hộ tiền điện, nước không phát sinh chênh lệch nên không phải kê khai nộp thuế. *(CV số 4615/TCT-CS ngày 19/12/2011)*

2. **Trị giá tính thuế, thuế nhà thầu đối với hoạt động mua bản quyền phim nước ngoài:** Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam ký hợp đồng với nhà cung cấp nước ngoài trả tiền bản quyền cho nội dung phim để được phát sóng bộ phim mà việc phát sóng phụ thuộc vào thời gian và số lần nhất định thì tiền bản quyền trả cho việc sử dụng nội dung phim không phải cộng vào trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu. Doanh nghiệp Việt Nam thực hiện nộp thuế Nhà thầu thay cho nhà cung cấp nước ngoài theo quy định trên trị giá tiền bản quyền trả cho việc sử dụng nội dung phim.

Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam ký hợp đồng với nhà cung cấp nước ngoài trả tiền bản quyền cho nội dung phim để được phát sóng bộ phim mà việc phát sóng không phụ thuộc vào thời gian và số lần nhất định thì tiền bản quyền trả cho việc sử dụng nội dung phim phải cộng vào trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu. Doanh nghiệp Việt Nam không phải nộp thuế Nhà thầu thay cho bên nước ngoài trên trị giá tiền bản quyền trả cho việc sử dụng nội dung phim.

*(CV số 15743/BTC-CST ngày 18/11/2011)*

3. **Thuế nhà thầu đối với tài sản thanh lý:** Trường hợp Công ty là nhà thầu chính thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu tính thuế, nay có thu nhập từ việc thanh lý tài sản thì Công ty phải lập hóa đơn GTGT, kê khai nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ theo thuế suất TSCĐ bị thanh lý, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 1% tính trên doanh thu thanh lý tài sản (không bao gồm thuế GTGT) *(CV số 7974/CT-TTHT ngày 21/9/2011).*

4. **Chính sách thuế đối với nhà thầu nước ngoài:** Trường hợp Công ty ký hợp đồng với các công ty nước ngoài để các công ty nước ngoài cung cấp dịch vụ môi giới bán hàng cho Công ty, nếu dịch vụ này được thực hiện hoàn toàn tại nước ngoài thì các công ty nước ngoài cung cấp dịch vụ bán hàng không thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu. **(CV số 2832/TCT-CS ngày 15/08/2011)**
5. **Thuế TNDN nộp thay cho nhà thầu nước ngoài tính vào nguyên giá TSCĐ:** Khoản thuế TNDN liên quan trực tiếp đến việc hình thành TSCĐ theo quy định tại điểm 14, Chuẩn mực kế toán số 03 do Công ty nộp thay nhà thầu nước ngoài được tính vào nguyên giá TSCĐ nếu trong thỏa thuận tại hợp đồng nhà thầu nước ngoài quy định doanh thu nhà thầu nước ngoài nhận được không bao gồm thuế TNDN mà nhà thầu nước ngoài phải nộp. Chi phí khấu hao TSCĐ hàng năm được xác định là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định. **(CV số 2402/TCT-DNL ngày 12/07/2011)**
6. **Chính sách thuế đối với nhà thầu nước ngoài thực hiện kinh doanh tại Việt Nam theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ:** Trường hợp Công ty ở nước ngoài thực hiện kinh doanh tại Việt Nam theo hình thức mua hàng hóa của Doanh nghiệp Việt Nam và chỉ định cho các Doanh nghiệp này giao hàng cho Doanh nghiệp khác tại Việt Nam (hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ) và có phát sinh thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở Hợp đồng ký giữa Doanh nghiệp nước ngoài với các Doanh nghiệp tại Việt Nam thì Công ty ở nước ngoài là đối tượng nộp thuế TNDN đối với hoạt động kinh doanh thương mại theo quy định tại Thông tư 134/2008/TT-BTC.  
  
Doanh nghiệp Việt Nam được Công ty ở nước ngoài chỉ định nhận hàng có trách nhiệm kê khai, nộp thuế thay cho Công ty ở nước ngoài theo quy định tại Điểm 1, Mục III, Phần B Thông tư 134/2008/TT-BTC. **(CV số 2321/TCT-CC ngày 07/07/2011)**

### THUẾ KHÁC, PHÍ VÀ LỆ PHÍ

1. **Hướng dẫn quyết định số 2093/QĐ-TTg về việc giảm tiền thuê đất trong năm 2011 và năm 2012:**

Đối tượng được giảm tiền thuê đất: Là tổ chức kinh tế đang hoạt động trong các ngành sản xuất (không bao gồm các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ) theo quy định tại Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

Đối với các tổ chức kinh tế sử dụng đất đang thuê vào mục đích kinh doanh hỗn hợp (vừa kinh doanh dịch vụ, thương mại, vừa sản xuất) thì việc xác định diện tích đất dùng vào mục đích sản xuất được thực hiện như sau:

Trường hợp trong diện tích đất thuê tính thu tiền thuê đất tách riêng được phần diện tích đất sử dụng cho mục đích sản xuất thì tổ chức kinh tế được giảm tiền thuê đất của phần diện tích này theo Quyết định số 2093/QĐ-TTg và hướng dẫn tại Công văn này.

Trường hợp trong diện tích đất thuê tính thu tiền thuê đất không tách riêng được phần diện tích phục vụ cho mục đích sản xuất và diện tích phục vụ mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ thì tiền thuê đất phân bổ cho mục đích sản xuất được xác định theo tỷ lệ trên doanh thu.

Tiền thuê đất làm căn cứ phân bổ là số tiền thuê đất phải nộp từng năm (năm 2011, năm 2012) của diện tích đất tính thu tiền thuê đất. Tiêu thức phân bổ là doanh thu cho mục đích sản xuất; thương mại, dịch vụ của năm trước đó, cụ thể như sau:

$$\text{Tiền thuê đất phân bổ cho mục đích sản xuất (năm 2011, năm 2012)} = \frac{\text{Tổng tiền thuê đất phải nộp trong năm (2011, năm 2012)}}{\text{Tổng doanh thu năm trước}} \times \text{Doanh thu hoạt động sản xuất năm trước}$$

Điều kiện được giảm tiền thuê đất: Tổ chức kinh tế thuộc đối tượng quy định tại Mục 1 Công văn này, để được giảm tiền thuê đất phải đáp ứng đủ 3 điều kiện sau đây:

- Đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp;
- Sử dụng đất thuê đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật đất đai;
- Số tiền thuê đất xác định lại theo quy định tại Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2011) lớn hơn 2 lần so với tiền thuê đất phải nộp năm 2010 sau khi đã trừ ưu đãi về giảm tiền thuê đất nếu có (với cùng mục đích sử dụng đất thuê, diện tích tính thu tiền thuê đất).

Trường hợp số tiền thuê đất xác định lại theo Nghị định số 121/2010/NĐ-CP của năm 2011 hoặc năm 2012 mà không đủ 12 tháng thì lấy số tiền thuê đất của năm 2010 làm cơ sở so sánh cũng phải tương ứng với thời gian xác định tiền thuê đất trong năm 2011 hoặc năm 2012.

**(CV số 17969/BTC-QLCS ngày 30/12/2011)**

2. **Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phí và lệ phí**

Ngày 14/12/2011 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 115/2011/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung điểm 2 mục IV phần B Danh mục chi tiết phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/03/2006 của Chính phủ.

Theo đó, Chính phủ bổ sung danh mục lệ phí quản lý nhà nước đặc biệt về chủ quyền quốc gia do Bộ Tài chính quy định, cụ thể là lệ phí bay qua vùng trời, đi qua vùng đất, vùng biển, bao gồm: Lệ phí cấp phép bay; Lệ phí hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải quá cảnh; Lệ phí cấp phép hoạt động khảo sát, thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình thông tin bưu điện, dầu khí, giao thông vận tải đi qua vùng đất, vùng biển của Việt Nam; Lệ phí cấp giấy phép lên bờ cho thuyền viên nước ngoài; Lệ phí cấp giấy phép xuống tàu nước ngoài; Lệ phí cấp giấy phép cho người Việt Nam và người nước ngoài thực hiện các hoạt động báo chí, nghiên cứu khoa học, tham quan du lịch có liên quan đến tàu, thuyền nước ngoài.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/03/2012.

3. Giảm tiền thuê đất trong năm 2011 và năm 2012 đối với một số tổ chức kinh tế

Ngày 23/11/2011, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2093/QĐ-TTg, quy định việc giảm tiền thuê đất trong năm 2011 và năm 2012 đối với một số tổ chức kinh tế.

Theo đó, giảm 50% tiền thuê đất trong năm 2011 và 2012 cho các tổ chức kinh tế đang hoạt động trong các ngành sản xuất (không bao gồm các tổ chức kinh tế đang hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ) đang thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm mà trong năm 2011 và 2012 phải xác định đơn giá thuê đất theo quy định tại Nghị định 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010, sửa đổi, bổ sung Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Các tổ chức thuộc đối tượng nói trên bao gồm: tổ chức đến thời hạn xác định lại đơn giá thuê đất cho thời kỳ ổn định mới; tổ chức hết thời gian được miễn tiền thuê đất mà đến thời hạn phải xác định tiền thuê đất phải nộp; tổ chức kinh tế đã sử dụng đất trước ngày 01/03/2011 đang được tạm nộp tiền thuê đất mà từ ngày 01/03/2011 phải xác định chính thức số tiền thuê đất phải nộp.

Điều kiện để được giảm tiền thuê đất là sử dụng đất thuê đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật; có số tiền thuê đất xác định lại tăng từ 2 lần trở lên so với tiền thuê đất phải nộp năm 2010 (với cùng mục đích sử dụng đất thuê và diện tích tính thu tiền thuê đất).

Tiền thuê đất sau khi được giảm không thấp hơn tiền tiền thuê đất phải nộp năm 2010. Trường hợp tiền thuê đất sau khi giảm vẫn lớn hơn gấp 2 lần so với tiền thuê đất phải nộp của năm 2010 thì tổ chức kinh tế được giảm tiếp tiền thuê đất của năm 2011 và 2012 đến mức bằng 2 lần tiền thuê đất của năm 2010.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

4. Lệ phí trước bạ: Các loại xe, máy như: xe lu, cần cẩu, máy xúc, máy ủi và xe máy nông lâm nghiệp ... nếu thuộc diện phải đăng ký gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp mà không phải là ô tô (kể cả ô tô điện, rơ moóc và sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô theo quy định của Luật Giao thông đường bộ và các văn bản hướng dẫn thi hành thì không phải chịu lệ phí trước bạ. *(CV số 4212/TCT-CS ngày 22/11/2011)*

5. Chính sách thu tiền thuê đất: Tài sản của tổ chức, cá nhân đã nộp lệ phí trước bạ (trừ trường hợp không phải nộp hoặc được miễn nộp theo chính sách hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền) sau đó chuyển cho tổ chức, cá nhân khác đăng ký quyền sở hữu, sử dụng thì không phải nộp lệ phí trước bạ trong những trường hợp sau đây:

Tài sản được chia hay góp do: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, đổi tên tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (nếu đổi tên đồng thời đổi chủ tài sản thì phải nộp lệ phí trước bạ, như: thay sáng lập viên cũ bằng sáng lập viên mới, chuyển đổi từ Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần thành công ty TNHH một thành viên).

Trường hợp Công ty đã thực hiện đổi tên và đổi chủ sở hữu tài sản. Công ty mới làm thủ tục đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của công ty trước khi chuyển đổi thì phải nộp lệ phí trước bạ để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tên mới *(CV số 3586/TCT-CS ngày 10/10/2011)*.

6. Chuyển lợi nhuận ra nước ngoài: Nhà đầu tư nước ngoài được chuyển lợi nhuận ra nước ngoài hàng năm số lợi nhuận được chia hoặc thu được từ các hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam ra nước ngoài khi kết thúc năm tài chính, sau khi doanh nghiệp mà nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật, đã nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán và tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm tài chính cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Doanh nghiệp nơi nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vốn có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật liên quan đến thu nhập hình thành nên khoản lợi nhuận mà nhà đầu tư nước ngoài chuyển ra nước ngoài *(CV số 8620/CT-TTHT ngày 7/10/2011)*.

7. Kê khai, nộp thuế GTGT đối với chi nhánh sản xuất: Người nộp thuế kê khai, nộp thuế theo phương pháp khấu trừ có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc (bao gồm cả gia công, lắp ráp) đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính thì phải nộp thuế GTGT tại địa phương nơi có cơ sở sản xuất và địa phương nơi đóng trụ sở chính.

Cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc có hạch toán kế toán thì phải đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ tại địa phương nơi sản xuất, khi xuất bán thành phẩm hoặc thành phẩm, kể cả xuất cho trụ sở chính phải sử dụng hóa đơn GTGT làm căn cứ kê khai, nộp thuế tại địa phương nơi sản xuất.

Trường hợp cơ sở sản xuất phụ thuộc không thực hiện hạch toán kế toán thì người nộp thuế tại trụ sở chính phải nộp thuế GTGT theo tỷ lệ 2% (đối với hàng hóa chịu thuế suất thuế GTGT 10%) hoặc theo tỷ lệ 1% (đối với hàng hóa chịu thuế suất thuế GTGT 5%) trên doanh thu theo giá chưa có thuế GTGT của sản phẩm sản xuất ra hoặc sản phẩm cùng loại tại địa phương nơi có cơ sở sản xuất. Số thuế GTGT người nộp thuế đã nộp cho cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc được trừ vào số thuế GTGT phải nộp của người nộp thuế tại địa phương nơi đóng trụ sở chính (*CV số 3293/TCT-KK ngày 14/09/2011*).

8. Miễn giảm tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản: Trong thời gian xây dựng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp dự án có nhiều hạng mục công trình hoặc giai đoạn xây dựng độc lập với nhau thì miễn tiền thuê đất theo từng hạng mục hoặc giai đoạn xây dựng độc lập đó; trường hợp không thể tính riêng được từng hạng mục hoặc giai đoạn xây dựng độc lập thì thời gian xây dựng được tính theo hạng mục công trình có tỷ trọng vốn lớn nhất (*CV số 3273/TCT-CS ngày 13/9/2011*).
9. Lệ phí trước bạ đối với tài sản ủy quyền: người được ủy quyền không phải là người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng. Do đó các tổ chức, cá nhân được ủy quyền không thuộc đối tượng phải kê khai nộp lệ phí trước bạ (*CV số 3280/TCT-CS ngày 13/09/2011*).
10. Hướng dẫn về lệ phí trước bạ: Ngày 31/8/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 124/2011/TT-BTC, hướng dẫn về lệ phí trước bạ.

Theo đó, 8 đối tượng chịu lệ phí trước bạ gồm: Nhà, đất; Súng săn, súng thể thao; Tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, thuyền, kể cả du thuyền; Tàu bay; Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp; Ôtô (kể cả ô tô điện), rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp; các khung, tổng thành máy thay thế có số khung, số máy khác với số khung, số máy đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận sở hữu, sử dụng.

Mức thu lệ phí trước bạ đối với các tài sản trên tối đa là 500 triệu đồng/1 tài sản/lần trước bạ, trừ ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe), tàu bay, du thuyền.

Tỷ lệ (%) lệ phí trước bạ đối với nhà, đất là 0,5%; Súng săn, súng thể thao là 2%; Tàu thủy, sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, thuyền, du thuyền, tàu bay là 1%; Đối với xe máy mức thu là 2%, riêng xe máy của tổ chức, cá nhân ở các thành phố trực thuộc Trung ương; thành phố thuộc tỉnh; thị xã nơi UBND tỉnh đóng trụ sở nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức là 5%, đối với xe máy nộp lệ phí trước bạ lần thứ 2 trở đi được áp dụng mức thu là 1%.

Ôtô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô là 2%. Riêng: Ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe), bao gồm cả trường hợp ô tô bán tải vừa chở người, vừa chở hàng thì nộp lệ phí trước bạ theo tỷ lệ từ 10% đến 20%. thay cho mức từ 10% đến 15% như quy định hiện nay tại Thông tư 68/2010/TT-BTC.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/10/2011 và thay thế Thông tư số 68/2010/TT-BTC ngày 26/10/2010.

11. Khai thác khoáng sản phải nộp phí bảo vệ môi trường: Ngày 25/8/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 74/2011/NĐ-CP, về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Theo đó, mức thu phí bảo vệ môi trường đối với dầu thô là 100.000 đồng/tấn; đối với khí thiên nhiên, khí than là 50 đồng/m<sup>3</sup>; riêng khí thiên nhiên thu được trong quá trình khai thác dầu thô (khí đồng hành) là 35 đồng/m<sup>3</sup>.

Đối với các loại khoáng sản là kim loại, mức thu phí bảo vệ môi trường đối với quặng vàng, bạc, thiếc, chì, kẽm, coban, mô lip đen, thủy ngân, ma nhê và bạch kim tối thiểu là 180.000 đồng, tối đa là 270.000 đồng/tấn; quặng sắt, đất hiếm, cromit mức thu từ 40.000 đồng đến 60.000 đồng; đối với quặng nhôm, bô xít và măng gan mức thu là từ 30.000 đồng đến 50.000 đồng...

Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khoáng sản là than tối thiểu 6.000 đồng và tối đa 10.000 đồng/tấn; đá ốp lát, làm mỹ nghệ từ 50.000 đồng đến 70.000 đồng/m<sup>3</sup>, đây cũng là mức thu đối với quặng đá quý như: kim cương, rubi, saphia, thạch anh...

Căn cứ mức thu phí quy định nêu trên, Hội đồng Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định cụ thể mức thu phí bảo vệ môi trường đối với từng kim loại khoáng sản áp dụng tại địa phương cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ. Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng nêu trên.

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, không kể dầu thô và khí thiên nhiên là khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản. Phí bảo vệ môi trường đối với dầu thô và khí thiên nhiên là khoản thu ngân sách Trung ương hưởng 100% để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2012; thay thế các Nghị định số 63/2008/NĐ-CP ngày 13/05/2008 và số 82/2009/NĐ-CP ngày 12/10/2009.

12. Chính sách thuế TTĐB đối với bộ linh kiện ô tô nhập khẩu: Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu mặt hàng bộ linh kiện lắp ráp xe ô tô 5 chỗ ngồi không đồng bộ, các bộ linh kiện này có mức độ rời rạc thấp hơn mức độ rời rạc theo quy định tại Quyết định số 05/2005/QĐ-BKHCN ngày 11/5/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi bổ

sung quyết định số 28/2004/QĐ-BKHCN ngày 01/10/2004 về phương pháp xác định tỷ lệ nội địa hóa đối với ô tô thì chưa là sản phẩm ô tô hoàn chỉnh nên không thuộc đối tượng nộp thuế TTĐB khi nhập khẩu. Khi doanh nghiệp nhập bộ linh kiện về sản xuất, lắp ráp thành sản phẩm ô tô hoàn chỉnh thì phải kê khai, nộp thuế TTĐB ở khâu sản xuất, lắp ráp.

*(CV số 9227/BTC-CST ngày 14/07/2011)*

13. **Khấu trừ thuế TTĐB:** Trường hợp đơn vị sản xuất hàng hóa chịu thuế TTĐB mua nguyên liệu thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB từ các nhà sản xuất trong nước thì không được khấu trừ thuế TTĐB do đơn vị sản xuất mua nguyên liệu mà theo quy định tại Điều 4 Luật thuế TTĐB người sản xuất hay nhập khẩu mới là người có trách nhiệm kê khai, nộp thuế TTĐB và có chứng từ nộp thuế TTĐB. Đơn vị sản xuất mua hàng không phải là người nộp thuế TTĐB đối với số nguyên liệu mua vào, nên theo quy định tại Điều 8 Luật thuế TTĐB, Điều 7 Nghị định số 26/2009/NĐ-CP thì không được khấu trừ thuế TTĐB. *(CV số 2389/TCT-CS ngày 11/07/2011)*

14. **Hướng dẫn thi hành Luật thuế đất phi nông nghiệp**

Ngày 01/7/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2011/NĐ-CP, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

Theo đó, đối tượng chịu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp bao gồm: Đất ở, đất sản xuất; kinh doanh phi nông nghiệp (đất xây dựng khu công nghiệp; đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; đất để khai thác, làm mặt bằng chế biến khoáng sản; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm... ) và đất nông nghiệp được các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng vào mục đích kinh doanh.

08 loại đất phi nông nghiệp không phải chịu thuế là: Đất sử dụng vào mục đích công cộng; đất do cơ sở tôn giáo sử dụng; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng; đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất công nghiệp để xây dựng các công trình của hợp tác xã.

Diện tích đất tính thuế là diện tích đất nông nghiệp thực tế sử dụng; người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì diện tích đất tính thuế là tổng diện tích các thửa đất tính thuế. Đối với đất nhà ở nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư, bao gồm cả trường hợp vừa để ở, vừa để kinh doanh thì diện tích đất tính thuế của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được xác định bằng hệ số phân bổ nhân với diện tích nhà của từng tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng.

Giá của 1 m<sup>2</sup> đất tính thuế là giá đất theo mục đích sử dụng của thửa đất tính thuế do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định và được ổn định theo chu kỳ 05 năm kể từ ngày 01/01/2012. Trong chu kỳ ổn định, nếu có sự thay đổi người nộp thuế hoặc phát sinh các yếu tố dẫn đến thay đổi giá của 1 m<sup>2</sup> đất tính thuế thì không phải xác định lại giá của 1 m<sup>2</sup> đất tính thuế cho thời gian còn lại của chu kỳ

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2012 và thay thế Nghị định số 94-CP ngày 25/8/1994.

## **XUẤT- NHẬP KHẨU**

1. **Xử lý hàng hóa bị từ bỏ, thất lạc, nhầm lẫn và quá thời hạn khai hải quan tại cảng biển**

Ngày 08/12/2011 Bộ Tài chính đã có Thông tư số 179/2011/TT-BTC, hướng dẫn xử lý hàng hóa bị từ bỏ, thất lạc, nhầm lẫn, quá thời hạn khai hải quan tại cảng biển mà chưa có người đến nhận được quy định tại Điều 45 Luật Hải quan và hàng hóa không có người nhận khác.

Theo đó, doanh nghiệp kinh doanh kho bãi có trách nhiệm theo dõi, thống kê, phân loại hàng tồn đọng; thông báo cho người nhận hàng hoặc Hãng tàu/Đại lý hãng tàu/doanh nghiệp giao nhận; thông báo tình hình hàng tồn đọng cho Chi cục hải quan quản lý (riêng đối với hàng hóa thuộc loại dễ bị hư hỏng, hàng đông lạnh, hóa chất nguy hiểm, độc hại, hàng sắp hết thời hạn sử dụng thì việc thông báo được thực hiện trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày người nhận hàng có văn bản thông báo việc từ bỏ hoặc kể từ ngày thứ 91 đối với hàng hóa lưu giữ tại khu vực cửa khẩu quá 90 ngày kể từ ngày hàng đến cửa khẩu dỡ hàng); bố trí địa điểm kho, bãi đảm bảo đáp ứng các điều kiện giám sát hải quan để lưu giữ, bảo quản hàng tồn đọng trong thời gian chờ xử lý; tham gia Hội đồng xử lý hàng hóa bị từ bỏ.

Đối với hàng hóa bị thất lạc, nhầm lẫn và quá thời hạn khai hải quan, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, Chi cục hải quan quản lý đăng tải thông tin 03 lần liên tiếp về lô hàng trên Đài truyền hình Việt Nam, Đài truyền hình địa phương, Báo Hải quan, Báo Diễn đàn doanh nghiệp, đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở Chi cục hải quan. Thời hạn thông báo để người đến nhận hàng là 180 ngày kể từ ngày thông báo. Đối với hàng hóa dễ bị hư hỏng, hàng đông lạnh, hóa chất nguy hiểm, độc hại thì thời hạn thông báo để người đến nhận hàng là 30 ngày và thông báo 02 lần liên tiếp.

Đối với hàng hóa không có người nhận khác, bao gồm hàng hóa do doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi thu gom trong quá trình xếp dỡ hàng hóa; hàng hóa nhập khẩu ngoài vận đơn, ngoài lược khai...thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hàng về đến cửa khẩu dỡ hàng, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi thông báo cho người nhận hàng/người vận chuyển đến và số lần thông báo là 02 lần trong thời hạn 30 ngày.



Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 05/2003/TT-BTC ngày 13/01/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng tồn đọng tại cảng biển Việt Nam. Thông tư này không áp dụng đối với hàng hóa do người vận chuyển đường biển lưu giữ tại cảng biển Việt Nam; thư, bưu phẩm, bưu kiện vô thừa nhận; hàng hóa, hành lý, tài sản tồn đọng không có người nhận tại các cảng hàng không Việt Nam; hàng tồn đọng trong kho ngoại quan và hàng hóa bị tử bỏ, thất lạc, nhầm lẫn, quá thời hạn khai hải quan mà chưa có người đến nhận, có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

2. [Hướng dẫn về biên lai thu thuế và lệ phí hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh đường hàng không quốc tế](#)

Ngày 08/12/2011 Bộ Tài chính đã ký Thông tư số 178/2011/TT-BTC, hướng dẫn về việc tạo, phát hành, sử dụng và quản lý Biên lai thu thuế, lệ phí hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh đường hàng không quốc tế và xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến việc tạo, phát hành, sử dụng và quản lý Biên lai.

Theo đó, biên lai thu thuế, phí hải quan là ấn chỉ thuế do cơ quan hải quan uỷ nhiệm cho Doanh nghiệp tạo ra trên các thiết bị tin học, để ghi nhận thông tin số thuế, lệ phí hải quan phải thu của Khách hàng theo quy định pháp luật khi cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh đường hàng không quốc tế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát phải gửi Thông báo phát hành biên lai và Biên lai mẫu đến Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi Doanh nghiệp đăng ký tờ khai hải quan trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ký Thông báo phát hành. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo phát hành Biên lai và Biên lai mẫu, Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi nhận được Thông báo phát hành Biên lai của Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo thông tin phát hành Biên lai trên trang thông tin điện tử của ngành Hải quan.

Việc xử phạt vi phạm về Biên lai được thực hiện theo quy định tại Nghị định 185/2004/NĐ-CP ngày 4/11/2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán và Nghị định số 39/2011/NĐ-CP ngày 26/5/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 185/2004/NĐ-CP. Trường hợp vi phạm về Biên lai mà dẫn đến hành vi khai sai làm thiếu số tiền thuế, lệ phí phải nộp hoặc tăng số tiền thuế, lệ phí được hoàn hoặc dẫn đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế thì xử phạt các hành vi đó theo quy định của pháp luật về thuế, hải quan.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/01/2012

3. [Xác định trị giá tính thuế hàng xuất khẩu](#): Trị giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu là giá bán tại thực tế tại cửa khẩu xuất (giá FOB, giá DAF) không bao gồm phí bảo hiểm quốc tế (I) và phí vận tải quốc tế (F).

Đối chiếu với quy định trên, trường hợp hàng hóa xuất khẩu theo điều kiện giao hàng CNF thì trị giá tính thuế đối với hàng xuất khẩu không bao gồm chi phí vận tải quốc tế theo chứng từ vận tải thực tế.

*(CV số 5996/TCHQ-TXNK ngày 29/11/2011)*

4. [Vướng mắc về xóa nợ thuế](#): Theo quy định tại Thông tư số 237/2009/TT-BTC ngày 18/12/2009, Công văn số 10747/BTC-TCHQ ngày 13/8/2007 của Bộ Tài chính chỉ hướng dẫn việc miễn, giảm, không thu thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đối với nguyên liệu, máy móc, thiết bị nhập khẩu theo hợp đồng gia công, sản xuất xuất khẩu bị hư hỏng do nguyên nhân khách quan như: bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ.

Do đó, trường hợp Công ty nhập khẩu máy móc, thiết bị và máy móc, thiết bị tạm nhập tái xuất bị hỏa hoạn không còn giá trị sử dụng không thuộc đối tượng xét miễn thuế theo quy định tại công văn số 10747/BTC-TCHQ và Thông tư số 237/2009/TT-BTC nêu trên.

Theo Điều 65 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, thì: Trường hợp được xóa nợ tiền thuế, tiền phạt doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản đã thực hiện các khoản thanh toán theo quy định của pháp luật phá sản mà không còn tài sản để nộp tiền thuế; Cá nhân được coi là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự mà không có tài sản để nộp tiền thuế. Do đó, trường hợp của Công ty không thuộc đối tượng xóa nợ tiền thuế.

*(CV số 5603/TCHQ-TXNK ngày 08/11/2011)*

5. [Thuế nhập khẩu, thuế GTGT đối với nguyên liệu, máy móc thuộc hợp đồng gia công bị hỏa hoạn](#): Trường hợp Công ty là doanh nghiệp chế xuất tự ý thuê kho nằm ngoài khu chế xuất không khai báo với cơ quan hải quan là vi phạm các quy định quản lý hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất, cơ quan hải quan không đủ cơ sở xác định hàng hóa gửi kho ngoài khu chế xuất là của Công ty do vậy không được miễn thuế nhập khẩu, thuế GTGT đối với số nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu bị hỏa hoạn theo quy định tại Thông tư số 237/2009/TT-BTC ngày 18/12/2009 của Bộ Tài chính. *(CV số 5510/TCHQ-TXNK ngày 03/11/2011)*

6. [Thuế suất thuế xuất khẩu một số mặt hàng cao su](#):

Ngày 24/10/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 145/2011/TT-BTC, quy định mức thuế suất thuế xuất khẩu một số mặt hàng cao su thuộc nhóm 40.01, 40.02, 40.05 trong biểu thuế xuất khẩu.

Theo đó, một số mặt hàng cao su thuộc nhóm 40.01, 40.02, 40.05 thuộc Danh mục mặt hàng chịu thuế trong Biểu thuế xuất khẩu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 184/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính quy định mức thuế suất của Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi sẽ chịu mức thuế suất mới là từ 3 đến 5%.

Cụ thể, mủ cao su tự nhiên, đã hoặc chưa tiền lưu hóa và mủ cao su của cao su ở dạng khác thuộc nhóm hàng cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kết, nhựa cây cúc cao su, nhựa cây họ sacolasea, các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, lá hoặc dải (40.01) sẽ có thuế suất thuế xuất khẩu là 3%.

Thứ hai, phân nhóm cao su tổng hợp thuộc nhóm hàng cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, lá hoặc dải; hỗn hợp của một sản phẩm bất kỳ của nhóm 40.01 với một sản phẩm bất kỳ của nhóm này, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, lá hoặc dải (40.02) sẽ chịu mức thuế suất thuế xuất khẩu là 5%.

Thứ ba, nhóm hàng 40.05 gồm cao su hỗn hợp, chưa lưu hóa, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, lá hoặc dải chịu mức thuế suất thuế xuất khẩu là 3%.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/12/2011.

7. **Trị giá tính thuế hàng nhập khẩu:** Trị giá tính thuế đối với hàng hoá nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên, được xác định bằng cách áp dụng tuần tự sáu phương pháp xác định trị giá tính thuế và dừng ngay ở phương pháp xác định được trị giá tính thuế. Tổng cục Hải quan đề nghị Công ty căn cứ hướng dẫn nêu trên để khai báo, xác định trị giá tính thuế theo quy định.

Khi doanh nghiệp có hàng thực nhập, cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp đăng ký tờ khai hải quan sẽ căn cứ khai báo của doanh nghiệp, hồ sơ lô hàng thực nhập và các chứng từ có liên quan để kiểm tra trị giá khai báo, xác định trị giá tính thuế theo quy định (**CV số 5038/TCHQ-TXNK ngày 13/10/2011**).

8. **Tính thuế hàng SXK chuyển tiêu thu nội địa:** Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa là vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, khi tiêu thụ nội địa phải kê khai nộp thuế giá trị gia tăng với cơ quan hải quan, xác định lại trị giá tính thuế (phải khai tờ khai trị giá làm căn cứ cho việc tính và thu thuế đối với hàng hóa nhập khẩu); Thời điểm xác định trị giá hải quan là ngày đăng ký tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (**CV số 4919/TCHQ-TXNK ngày 09/10/2011**).

9. **Hướng dẫn thuế nhập khẩu ưu đãi đối với linh kiện ô tô:**

1. Bộ linh kiện rời đồng bộ hoặc không đồng bộ nhập khẩu do các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nhập khẩu được phân loại, áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của từng linh kiện ô tô tại Danh mục Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi quy định trong từng giai đoạn nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a. Linh kiện phải do các doanh nghiệp đảm bảo Tiêu chuẩn doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô theo quy định của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), trực tiếp nhập khẩu hoặc uỷ thác nhập khẩu.

b. Các linh kiện (các chi tiết, cụm chi tiết, bộ phận) là những sản phẩm đã hoàn thiện nhưng chưa được lắp ráp hoặc chưa phải là sản phẩm hoàn thiện nhưng đã có đặc trưng cơ bản của sản phẩm hoàn thiện với mức độ rời rạc tối thiểu bằng mức độ rời rạc của linh kiện ô tô quy định tại Quyết định số 05/2005/QĐ-BKHCN ngày 11/05/2005.

2. Trường hợp trong bộ linh kiện ô tô rời đồng bộ hoặc không đồng bộ nhập khẩu có một hoặc một số linh kiện chưa đảm bảo mức độ rời rạc theo qui định của Quyết định số 05/2005/QĐ-BKHCN nêu tại điểm b khoản 1 thì thực hiện phân loại, áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của cả bộ linh kiện theo mã số và thuế suất của từng linh kiện nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Tổng trị giá của các linh kiện nhập khẩu chưa đảm bảo mức độ rời rạc không vượt quá 10% (mười phần trăm) tổng trị giá của các linh kiện để sản xuất, lắp ráp thành ô tô hoàn chỉnh (không phân biệt theo từng loại xe mà tính chung cho các loại xe của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp trong kỳ). Cụ thể như sau:

- Đối với các linh kiện ô tô nhập khẩu trong giai đoạn từ ngày 15/04/2006 (ngày Thông tư số 19/2006/TT-BTC ngày 15/3/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn phân loại mặt hàng linh kiện, phụ tùng ô tô có hiệu lực thi hành) đến ngày 31/12/2010: Tổng trị giá của các linh kiện nhập khẩu chưa đảm bảo mức độ rời rạc không vượt quá 10% tổng trị giá của các linh kiện (nhập khẩu và mua trong nước nếu có) để sản xuất, lắp ráp thành ô tô hoàn chỉnh của tất cả các loại xe trong từng năm.

- Đối với các linh kiện ô tô nhập khẩu từ ngày 01/01/2011 trở đi:

+ Thời điểm trước ngày cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra phân loại, tính thuế bộ linh kiện ô tô: Tổng trị giá của các linh kiện nhập khẩu chưa đảm bảo mức độ rời rạc không vượt quá 10% tổng trị giá của các linh kiện (nhập khẩu và mua trong nước nếu có) để sản xuất, lắp ráp thành ô tô hoàn chỉnh của tất cả các loại xe kể từ ngày 01/01/2011 đến ngày cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra.

+ Thời điểm sau ngày cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra phân loại, tính thuế bộ linh kiện ô tô: Tổng trị giá của các linh kiện nhập khẩu chưa đảm bảo mức độ rời rạc không vượt quá 10% tổng trị giá của các linh kiện (nhập khẩu và mua trong nước nếu có) để sản xuất, lắp ráp thành ô tô hoàn chỉnh của tất cả các loại xe kể từ ngày cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra.

b) Linh kiện đó không bao gồm: Khung gầm đã gắn động cơ, khung xe, thân xe, thùng xe (không phân biệt loại xe); ca bin (đối với xe tải).



3. Trường hợp các linh kiện nhập khẩu để sản xuất, lắp ráp ô tô mà không đáp ứng các điều kiện qui định tại khoản 1, khoản 2 nêu trên thì phải thực hiện phân loại, tính thuế của cả bộ linh kiện theo mã số và thuế suất của xe ô tô nguyên chiếc cùng chủng loại (trừ các trường hợp nêu tại khoản 4 dưới đây).

4. Các trường hợp không phải đáp ứng điều kiện về mức độ rời rạc theo qui định tại Quyết định số 05/2005/QĐ-BKHCN, bao gồm:

a) Doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trực tiếp nhập khẩu hoặc uỷ thác nhập khẩu các linh kiện để sản xuất, lắp ráp xe cứu thương, xe tang lễ (xe chở quan tài), xe chở phạm nhân thuộc nhóm 8703; xe đông lạnh, xe thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải, xe xi téc, xe thiết kế để chở bê tông tươi hoặc xi măng dạng rời, xe thiết kế để chở bùn thuộc nhóm 8704 và các loại xe chuyên dùng thuộc nhóm 8705 (trừ xe thiết kế chở tiền) trên cơ sở khung gầm gắn động cơ (ô tô sát xi) hoặc trên cơ sở nhập khẩu các linh kiện. Việc tính thuế nhập khẩu xe ô tô sát xi hoặc linh kiện được thực hiện theo đúng qui định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hiện hành đối với ô tô sát xi hoặc linh kiện ô tô.

b) Doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nhập khẩu linh kiện để sản xuất, lắp ráp theo hợp đồng gia công xuất khẩu (*CV số 13113/BTC-CST ngày 03/10/2011*).

10. Về thanh lý tài sản cố định: trường hợp hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu tạo tài sản cố định, nay thay đổi mục đích sử dụng hoặc được phép thay đổi mục đích sử dụng (đối với trường hợp phải có sự cho phép thay đổi mục đích sử dụng của cơ quan có thẩm quyền) bằng hình thức tái xuất thì không phải kê khai nộp thuế (*CV số 4716/TCHQ-GSQT ngày 28/09/2011*).

11. Sửa đổi quy định tạm nhập, tái xuất xăng dầu: Ngày 07/9/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 126/2011/TT-BTC, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 165/2010/TT-BTC ngày 26/10/2010 của Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu; nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất và pha chế xăng dầu; nhập khẩu nguyên liệu để gia công xuất khẩu xăng dầu.

Theo đó, thương nhân có giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu bán xăng dầu để phục vụ sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp thuộc các khu chế xuất, khu bảo thuế, khu thương mại - công nghiệp và các khu kinh tế cửa khẩu khác, trong đó quy định quan hệ mua bán trao đổi hàng hóa với nội địa là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu thì thủ tục hải quan đối với việc mua bán xăng dầu này thực hiện theo hình thức tạm nhập, tái xuất xăng dầu.

Đồng thời, đối với khối lượng xăng, dầu đã tạm nhập nhưng không tái xuất hoặc không tái xuất hết, được chuyển vào tiêu thụ nội địa nhỏ hơn hoặc bằng 10% khối lượng đã tạm nhập, thời hạn nộp thuế là 15 ngày, kể từ ngày hết hạn tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập.

Đối với khối lượng xăng, dầu chuyển sang tiêu thụ nội địa >10% khối lượng đã tạm nhập thì phần vượt quá 10% sẽ có thời hạn nộp thuế là 30 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan, thay cho quy định chung trước đây là thời hạn nộp thuế đối với xăng dầu được chuyển vào tiêu thụ nội địa là 15 ngày, kể từ ngày hết thời hạn tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 21/10/2011.

12. Giá tính thuế hàng nhập khẩu: Khi doanh nghiệp nhập khẩu, cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp đăng ký mở tờ khai sẽ căn cứ khai báo của doanh nghiệp, kết quả chứng minh của người khai hải quan nếu có mối quan hệ đặc biệt nhưng không ảnh hưởng đến trị giá giao dịch thì trị giá tính thuế được áp dụng theo phương pháp trị giá giao dịch. Trường hợp mối quan hệ đặc biệt có ảnh hưởng đến trị giá giao dịch thì việc xác định trị giá tính thuế được chuyển sang các phương pháp tiếp theo và dùng ngay ở phương pháp xác định được trị giá tính thuế (*CV số 4626/TCHQ-TXNK ngày 22/9/2011*).

13. Miễn thuế hàng hoá nhập khẩu các dự án điện

Ngày 16/8/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 118/2011/TT-BTC, hướng dẫn về thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa nhập khẩu của các dự án điện.

Theo đó, đối với các dự án điện được cấp giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư trước ngày 01/10/2010, nguyên liệu, vật tư nhập khẩu trước ngày 17/12/2010 để phục vụ cho các dự án điện do Chính Phủ, Thủ Tướng Chính Phủ phê duyệt và được Bộ Công Thương xác nhận các loại vật tư, nguyên liệu này là đồng bộ, không tách rời với các máy móc, thiết bị chính để tạo tài sản cố định; và các nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để tạo tài sản cố định cho các dự án điện khác, được miễn thuế nhập khẩu.

Đồng thời, miễn thuế nhập khẩu cho tất cả nguyên liệu, vật tư nhập khẩu kể từ ngày 17/12/2010 để phục vụ cho các dự án điện do Chính Phủ, Thủ Tướng Chính Phủ phê duyệt; hoặc để tạo tài sản cố định cho các dự án điện khác.

Bên cạnh đó, các dự án điện được cấp giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư từ ngày 01/10/2010 trở đi, nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại điểm d và đ khoản 6 Điều 16 Nghị định 87/2010/NĐ-CP.

Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu phục vụ cho các dự án điện do Chính phủ, Thủ tướng phê duyệt không phải chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003.

Đối với hàng hóa nhập khẩu đã được miễn thuế nhập khẩu và không chịu thuế giá trị gia tăng mà đơn vị nhập khẩu đã nộp thuế, bao gồm cả tiền phạt vào ngân sách nhà nước theo Quyết định ấn định thuế (hoặc truy thu thuế) thì thực hiện hoàn thuế (bao gồm cả tiền phạt nếu có) hoặc trừ vào tiền thuế phải nộp của lần nộp thuế tiếp theo theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/09/2011

14. [Hướng dẫn xác định tiêu chí dự án sử dụng thường xuyên từ 500 lao động trở lên](#): Căn cứ để xác định dự án đầu tư có sử dụng thường xuyên từ 500 lao động trở lên áp dụng đối với các dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư trước ngày Nghị định số 87/2010/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 1/10/2010) là Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư (nếu trong Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư có ghi rõ dự án có sử dụng thường xuyên từ 500 lao động trở lên). Trường hợp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư không ghi rõ dự án được hưởng ưu đãi đầu tư theo tiêu chí sử dụng từ 500 đến 5000 lao động trở lên thì căn cứ vào Luật chứng kinh tế kỹ thuật và văn bản đề nghị hưởng ưu đãi đầu tư của doanh nghiệp gửi cơ quan có thẩm quyền trước ngày 1/10/2010.

Thời điểm để xác định dự án có sử dụng thường xuyên từ 500 lao động trở lên được tính từ khi doanh nghiệp chính thức đi vào hoạt động căn cứ vào tiến độ ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư (Khi doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa tạo tài sản cố định, nếu chưa có đủ từ 500 lao động trở lên thì vẫn giải quyết miễn thuế theo kê khai của doanh nghiệp. Nhưng khi dự án chính thức đi vào hoạt động thì phải có đủ từ 500 lao động trở lên). Nếu cơ quan hải quan kiểm tra, doanh nghiệp không sử dụng thường xuyên từ 500 lao động trở lên thì thực hiện truy thu thuế nhập khẩu (*CV số 11818/BTC-TCHQ ngày 05/08/2011*).

15. [Tăng thuế xuất khẩu một số mặt hàng vàng](#)

Ngày 02/8/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 111/2011/TT-BTC về việc sửa đổi quy định về thuế xuất khẩu một số mặt hàng vàng tại Biểu thuế xuất khẩu.

Theo đó, các mặt hàng vàng bao gồm: đồ kim hoàn và các bộ phận rời của đồ kim hoàn, bằng vàng; đồ kỹ nghệ và các bộ phận rời của đồ kỹ nghệ bằng vàng; các sản phẩm khác bằng vàng được điều chỉnh từ hàm lượng vàng trên 99% mới phải chịu thuế suất 10%, xuống còn từ 80% hàm lượng vàng phải chịu thuế suất 10%.

Như vậy, theo quy định cũ, chỉ có đồ kim hoàn và các bộ phận rời của đồ kim hoàn bằng vàng khối lượng trên 01 ounce troy (0,8294 lạng) có hàm lượng trên 99% mới phải chịu thuế 10%.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 6/8/2011.

16. [Danh mục dịch vụ xuất, nhập khẩu Việt Nam](#)

Ngày 01/8/2011, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 08/2011/TT-BKHĐT về quy định nội dung danh mục dịch vụ xuất, nhập khẩu Việt Nam.

Theo đó, Danh mục dịch vụ xuất, nhập khẩu Việt Nam là danh mục phân loại các sản phẩm dịch vụ được xuất khẩu, nhập khẩu giữa đơn vị thường trú của Việt Nam và đơn vị không thường trú. Khái niệm về đơn vị thường trú và không thường trú được quy định thống nhất trong Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và cán cân thanh toán quốc tế (BOP).

Danh mục Dịch vụ xuất, nhập khẩu Việt Nam gồm 12 nhóm ngành dịch vụ, mã hóa bằng bốn chữ số là: Dịch vụ vận tải (mã 2050); Dịch vụ du lịch (mã 2360); Dịch vụ bưu chính và viễn thông (mã 2450); Dịch vụ xây dựng (mã 2490); Dịch vụ bảo hiểm (mã 2530); Dịch vụ tài chính (mã 2600); Dịch vụ máy tính và thông tin (mã 2620); Phí mua, bán quyền sử dụng giấy phép, thương hiệu, bản quyền (mã 2660); Dịch vụ kinh doanh khác (mã 2680); Dịch vụ cá nhân, văn hóa và giải trí (mã 2870); Dịch vụ Chính phủ, chưa được phân loại ở nơi khác (mã 2910) và Dịch vụ Logistic (mã 9000).

Đối tượng thực hiện của Thông tư này là Tổng cục Thống kê và các đơn vị trực thuộc; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp; các doanh nghiệp, đơn vị khác thuộc đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2012

17. [Nâng mức thuế suất thuế xuất khẩu than lên 20%](#)

Ngày 28/7/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 108/2011/TT-BTC, sửa đổi, bổ sung quy định về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng trong Biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Theo đó, thuế suất thuế xuất khẩu than đá, than cốc, than quả bàng có thuế suất tăng từ 15% lên 20%; nhôm dạng thỏi, chì dạng thỏi có thuế suất tăng từ 5% lên 15%; kẽm dạng thỏi, thiếc dạng thỏi có thuế suất tăng từ 5% lên 10%.

Ngoài ra, các mặt hàng bột hoá thạch silic, quặng steatit tự nhiên, tà vẹt đường sắt hoặc đường xe điện, đồng tinh luyện và hợp kim đồng chưa gia công chịu thuế suất từ 15%-20%.

Thuế suất thuế nhập khẩu một số mặt hàng nhập khẩu cũng được điều chỉnh như sau: Các loại ống, ống dẫn, ống vôi và các phụ kiện dùng để ghép nối bằng polyme etylen có thuế suất giảm 17% xuống còn 12%; các bộ phận của giày, dép như mũi dày bằng kim loại, bằng gỗ có mức thuế suất giảm từ 20% xuống còn 15%...

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/9/2011.

18. Thuế nhập khẩu đối với hàng hóa là linh kiện, phụ tùng của dự án khuyến khích đầu tư: Trường hợp Công ty có dự án được ưu đãi đầu tư, nếu nhập khẩu hàng hóa là linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, đã được thiết kế, định hình theo tiêu chuẩn, tài liệu thiết kế kỹ thuật của nhà sản xuất để lắp ráp đồng bộ với thiết bị máy móc, phù hợp với nguyên tắc phân loại hàng hóa thì thuộc đối tượng được miễn thuế nhập khẩu. (CV số 3426/TCHQ-TXNK ngày 19/07/2011)

## KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH

1. Hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán

Ngày 24/11/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 169/2011/TT-BTC, hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 185/2004/NĐ-CP ngày 04/11/2004 và Nghị định số 39/2011/NĐ-CP ngày 26/05/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 185/2004/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán. Theo đó, Bộ Tài chính quy định cụ thể hình thức, mức phạt đối với một số hành vi vi phạm trong lĩnh vực kế toán khi không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ, và khi có một hoặc nhiều tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.

Cụ thể, đối với các hành vi vi phạm được quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định 185/2004/NĐ-CP, bao gồm: lập báo cáo tài chính không đúng theo quy định; hoặc nộp báo cáo tài chính chậm từ 1 đến 3 tháng; công khai báo cáo tài chính không đầy đủ nội dung hoặc công khai báo cáo tài chính chậm từ 1 đến 3 tháng, nếu không có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì mức phạt tiền cụ thể là 10 triệu đồng; trường hợp có một hoặc hai tình tiết giảm nhẹ, mức phạt tiền là 8 triệu đồng; trường hợp có từ ba tình tiết giảm nhẹ trở lên, mức phạt tiền là 5 triệu đồng; ngược lại nếu có 1 hoặc 2 tình tiết tăng nặng, mức phạt tiền là 12 triệu đồng, và có từ 3 tình tiết tăng nặng trở lên thì mức phạt tiền là 15 triệu đồng.

Đối với các hành vi vi phạm khác về báo cáo tài chính và công khai báo cáo tài chính quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định 185/2004/NĐ-CP, khi không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ thì mức phạt tiền cụ thể là 22.500.000 đồng; khi có các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng như trên thì các mức phạt tiền tương ứng là 20 triệu đồng, 15 triệu đồng, 25 triệu đồng và 30 triệu đồng.

Đối với các hành vi vi phạm về hành nghề kế toán (Khoản 1 Điều 15 Nghị định 185/2004/NĐ-CP), khi không có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì mức phạt tiền cụ thể là 25 triệu đồng; khi có các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng như trên thì các mức phạt tiền tương ứng là 23 triệu đồng, 20 triệu đồng, 27 triệu đồng và 30 triệu đồng.

Đối với các hành vi vi phạm bị xử phạt bổ sung là tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề trong thời gian 9 tháng khi không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ, thì khi có các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng như trên thì các thời hạn tước quyền chứng chỉ hành nghề tương ứng là 8 tháng, 6 tháng, 10 tháng và 12 tháng...

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2012 và thay thế Thông tư số 120/2004/TT-BTC ngày 15/12/2004

2. Quy định mới về phát hành trái phiếu DN: Ngày 14/10/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 90/2011/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Theo đó, việc phát hành trái phiếu để đầu tư cho các chương trình, dự án, doanh nghiệp phát hành phải đảm bảo duy trì tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu là 20% trong tổng mức đầu tư của chương trình, dự án.

Trái phiếu doanh nghiệp bao gồm 03 loại hình là: Trái phiếu không chuyển đổi; trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử. Trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn từ 01 năm trở lên; mệnh giá tối thiểu của trái phiếu vẫn giống như quy định trước đây là 100.000 đồng và các mệnh giá khác là bội số của 100.000 đồng.

Doanh nghiệp muốn phát hành trái phiếu trong nước phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: có thời gian hoạt động tối thiểu là 01 năm kể từ ngày doanh nghiệp chính thức đi vào hoạt động; kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của năm liền kề trước năm phát hành trái phiếu phải có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán; đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn và các hạn chế khác về đảm bảo an toàn trong hoạt động đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại pháp luật chuyên ngành và có phương án phát hành trái phiếu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp thuộc đối tượng được phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm theo chứng quyền, đảm bảo tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài trong doanh nghiệp, các đợt phát hành phải cách nhau ít nhất 06 tháng thì mới được phát hành loại trái phiếu này.

Chi phí phát hành, thanh toán do doanh nghiệp phát hành chi trả và được hạch toán vào giá trị dự án. Doanh nghiệp phát hành bố trí nguồn thanh toán gốc, lãi trái phiếu từ các nguồn vốn hợp pháp của doanh nghiệp.

Nghị định này có hiệu lực kể từ 01/12/2011

3. Thay đổi niên độ kế toán: Trường hợp Đơn vị kế toán có đặc thù riêng về tổ chức, hoạt động được quyền chọn kỳ kế toán năm là mười hai tháng tròn theo năm dương lịch, bắt đầu từ đầu ngày 01 tháng đầu quý này đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý trước năm sau và phải thông báo đến Cục Thuế địa phương. Cục thuế khi nhận được thông báo thay đổi kỳ kế toán của doanh nghiệp thì thực hiện thay đổi kỳ kế toán của doanh nghiệp vào hệ thống của ngành thuế để phục vụ công tác quản lý thuế. **(CV số 2550/TCT-KK ngày 25/07/2011)**

4. Quy định mới về cổ phần hoá doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

Ngày 18/7/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 59/2011/NĐ-CP về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Theo đó, có 3 đối tượng được cổ phần hóa gồm: 1- Công ty trách nhiệm hữu hạn (Công ty TNHH) một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế; Tổng công ty nhà nước (kể cả Ngân hàng Thương mại nhà nước); 2- Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là doanh nghiệp thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; 3- doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chưa chuyển thành Công ty TNHH một thành viên.

Các doanh nghiệp trên thực hiện cổ phần hóa khi đảm bảo đủ 2 điều kiện: Không thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn điều lệ (Danh mục doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ) và còn vốn Nhà nước sau khi đã được xử lý tài chính và đánh giá lại giá trị doanh nghiệp. Chỉ có tối đa 03 nhà đầu tư chiến lược được mua cổ phần tại các doanh nghiệp cổ phần hóa

Đối với các doanh nghiệp quy mô lớn có vốn nhà nước trên 500 tỷ đồng hoạt động kinh doanh trong những lĩnh vực, ngành nghề đặc thù (như: bảo hiểm, ngân hàng, bưu chính viễn thông, hàng không, khai thác than, dầu khí, khai thác mỏ quý hiếm khác) và các công ty mẹ thuộc các Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty nhà nước nếu nhất thiết phải chọn nhà đầu tư chiến lược trước thì cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, phương thức bán và số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược.

Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được xác định theo nguyên tắc sau: Đối với trường hợp bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sau khi đấu giá công khai thì giá bán do Ban chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận trực tiếp với các nhà đầu tư chiến lược nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai; Đối với trường hợp thỏa thuận trực tiếp hoặc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược có đủ tiêu chuẩn và đã thực hiện đăng ký mua trước khi thực hiện đấu giá công khai là giá thỏa thuận giữa các bên (trường hợp thỏa thuận) hoặc là giá đấu thành công (đối với trường hợp đấu giá) nhưng không thấp hơn giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/09/2011 và thay thế Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007.

5. Sửa đổi điểm c, khoản 2, Điều 1 Thông tư số 40/2011/TT-BTC

Ngày 20/7/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 107/2011/TT-BTC, sửa đổi điểm c, khoản 2, Điều 1 Thông tư số 40/2011/TT-BTC ngày 22/3/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 108/2007/TT-BTC ngày 7/9/2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

Theo đó, quyền chấp thuận và lựa chọn ngân hàng phục vụ trong các dự án ODA được trao cho cơ quan chủ trì đàm phán điều ước quốc tế cụ thể về ODA, thay vì thẩm quyền này thuộc Bộ Tài chính như quy định trước đây.

Cụ thể, căn cứ danh sách các ngân hàng đủ tiêu chuẩn là ngân hàng phục vụ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với Bộ Tài chính công bố và văn bản đề nghị của ngân hàng thương mại, cơ quan chủ trì đàm phán điều ước quốc tế cụ thể về ODA xem xét chấp thuận và lựa chọn ngân hàng phục vụ dự án ODA, và thông báo cho đối tác đàm phán biết, thực hiện.

Trong trường hợp có nhiều ngân hàng thương mại đủ điều kiện cùng có đề nghị phục vụ 01 dự án ODA, ưu tiên lựa chọn các ngân hàng sau: ngân hàng có kinh nghiệm trong phục vụ dự án ODA; ngân hàng thương mại nhà nước; ngân hàng thương mại cổ phần do nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2011.

## LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

1. Điều kiện lao động có hại và các công việc không được sử dụng lao động nữ, lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Ngày 28/12/2011 Bộ Lao động Thương binh Xã hội và Bộ Y tế đã ban hành Thông tư liên tịch số 40/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT, áp dụng đối với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có sử dụng lao động nữ, lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi

Theo đó, các điều kiện lao động có hại không được sử dụng lao động nữ bao gồm: Nơi làm việc có áp suất lớn hơn áp suất khí quyển; nơi làm việc cheo leo nguy hiểm; ngâm mình thường xuyên dưới nước (từ 04 giờ một ngày trở

lên, trên 3 ngày 1 tuần); nặng nhọc quá sức (mức tiêu hao năng lượng trung bình trên 5 Kcal/phút, nhịp tim trung bình trên 120/phút); tiếp xúc với nguồn phóng xạ hở.

Ngoài những điều kiện lao động có hại nói trên, các cơ quan, tổ chức không được sử dụng lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi vào các công việc trong các điều kiện sau:

Tiếp xúc với điện từ trường quá giới hạn cho phép; trực tiếp tiếp xúc với một số hoá chất mà sự tích lũy của nó trong cơ thể dễ gây biến đổi gen hoặc ảnh hưởng xấu đến chuyển hóa tế bào, dễ gây sảy thai, đẻ non, nhiễm trùng nhau thai, khuyết tật bẩm sinh, ảnh hưởng xấu tới nguồn sữa mẹ, viêm nhiễm đường hô hấp; ngâm mình dưới nước bẩn, dễ bị nhiễm trùng; nhiệt độ không khí trong nhà xưởng từ 40°C trở lên về mùa hè và từ 32°C trở lên về mùa đông hoặc chịu ảnh hưởng của bức xạ nhiệt cao; trong môi trường lao động có độ rung cao hơn tiêu chuẩn cho phép; sử dụng các loại máy, thiết bị có độ rung toàn thân và rung cục bộ cao hơn tiêu chuẩn cho phép; tư thế làm việc gò bó hoặc thiếu dưỡng khí.

Thông tư này cũng ban hành danh mục công việc không được sử dụng lao động nữ, lao động có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/02/2012, bãi bỏ thông tư Liên bộ số 03/TT-LB ngày 28/01/1994 của Liên Bộ Lao động Thương binh Xã hội và Bộ Y tế, quy định các điều kiện lao động có hại và các công việc không được sử dụng lao động nữ.

2. Tiền lương, thù lao trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu: Các thành viên không chuyên trách Hội đồng thành viên (trừ trường hợp Tổng giám đốc, Giám đốc là thành viên Hội đồng thành viên) hoặc Chủ tịch công ty không chuyên trách, Kiểm soát viên không chuyên trách trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu được hưởng chế độ thù lao theo công việc và thời gian làm việc. Mức thù lao do chủ sở hữu quyết định, nhưng không vượt quá 20% tiền lương của thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty chuyên trách, Kiểm soát viên chuyên trách. *(CV số 4338/LĐTBXH-LĐTL ngày 07/12/2011)*

3. Tuyển dụng người nước ngoài lao động tại Việt Nam

Ngày 03/11/2011, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 31/2011/TT-BLĐTBXH, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ và Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc Việt Nam.

Theo đó, trước khi tuyển người nước ngoài ít nhất 30 (ba mươi) ngày, người sử dụng lao động phải thông báo nhu cầu tuyển lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người nước ngoài trên ít nhất 01 (một) số báo Trung ương và ít nhất 01 (một) số báo địa phương bằng một trong các hình thức là báo viết, báo nói, báo hình hoặc báo điện tử về các nội dung: số lượng người cần tuyển, vị trí công việc, trình độ chuyên môn, mức lương và các khoản thu nhập khác, điều kiện làm việc và một số nội dung khác nếu người sử dụng lao động yêu cầu.

Trường hợp đã thông báo ít nhất 02 (hai) số báo Trung ương và 02 (hai) số báo địa phương về việc tuyển lao động Việt Nam theo quy định mà không tuyển được thì trong thời hạn 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ lần thông báo cuối cùng, người sử dụng lao động được tuyển người nước ngoài và không phải thông báo nhu cầu tuyển lao động trên báo Trung ương và báo địa phương.

Sau khi người nước ngoài được cấp giấy phép lao động, người sử dụng lao động và người nước ngoài phải giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam trước ngày dự kiến làm việc cho người sử dụng lao động. Trong thời hạn 05 (năm) ngày tính theo ngày làm việc kể từ ngày giao kết hợp đồng lao động người sử dụng lao động có trách nhiệm gửi bản sao hợp đồng lao động đã giao kết và bản chụp giấy phép lao động đã được cấp tới cơ quan đã cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài đó. Nội dung trong hợp đồng lao động không được trái với nội dung ghi trong giấy phép lao động đã được cấp.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/12/2011 và thay thế Thông tư số 08/2008/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2008.

4. Chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với CBCNV:

Ngày 20/10/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 141/2011/TT-BTC về việc quy định về chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Theo đó, phạm vi thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với các đối tượng trên theo quy định tại Thông tư này bao gồm: Tiền phương tiện đi lại, tiền phụ cấp đi đường khi đi nghỉ phép hàng năm; Thanh toán tiền lương hoặc tiền bồi dưỡng cho những ngày được nghỉ phép hàng năm theo pháp luật quy định nhưng chưa nghỉ hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm.

Đối tượng được thanh toán tiền lương, hoặc tiền bồi dưỡng cho những ngày được nghỉ phép hàng năm theo pháp luật quy định nhưng chưa nghỉ hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm gồm: Các trường hợp được thanh toán tiền lương theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 195/CP ngày 31/12/1994 của Chính phủ; Các trường hợp được thanh toán tiền bồi dưỡng do yêu cầu công việc, cơ quan, đơn vị không bố trí được thời gian cho cán bộ, công chức nghỉ phép.



Có hai nhóm đối tượng được thanh toán tiền phương tiện đi lại; tiền phụ cấp đi đường khi nghỉ phép hàng năm bao gồm: (1) Cán bộ, công chức đang công tác tại vùng sâu, vùng xa, núi cao, hải đảo có hệ số phụ cấp khu vực từ mức 0,5 trở lên có đủ điều kiện được nghỉ phép hàng năm theo pháp luật lao động quy định, được thủ trưởng cơ quan, đơn vị đồng ý cấp giấy cho đi nghỉ phép năm về thăm gia đình, cha mẹ, vợ hoặc chồng, con hoặc thăm quê quán; (2) Cán bộ, công chức công tác tại vùng còn lại có đủ điều kiện được nghỉ phép hàng năm theo pháp luật lao động quy định, được thủ trưởng cơ quan, đơn vị đồng ý cấp giấy cho đi nghỉ phép năm để thăm vợ hoặc chồng; con; cha, mẹ (cả bên chồng hoặc bên vợ) bị ốm đau, bị chết.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2012

5. **Trợ cấp thôi việc:** Người lao động giữ chức vụ Phó giám đốc trong Công ty cổ phần thuộc đối tượng giao kết hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động. Khi chấm dứt hợp đồng lao động với công ty cổ phần, theo quy định thì công ty cổ phần có trách nhiệm trả trợ cấp cho người lao động theo quy định.

Trường hợp người lao động giữ chức Phó giám đốc ở công ty cổ phần, vừa là người lao động làm việc theo hợp đồng lao động cho công ty mẹ và được công ty mẹ cử làm đại diện phần vốn góp của công ty mẹ ở công ty cổ phần thì khi chấm dứt hợp đồng lao động với công ty nào, công ty đó có trách nhiệm giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc theo quy định ***(CV số 3375/LĐTBXH-LĐTL ngày 10/10/2011)***.

6. **Tăng cường quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam:**

a) Đối với nhà thầu nước ngoài:

Phải có phương án sử dụng lao động Việt Nam và người nước ngoài trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của chủ đầu tư.

Khi thực hiện hợp đồng, nhà thầu nước ngoài phải thực hiện đúng nội dung đã nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất về việc sử dụng lao động Việt Nam và người nước ngoài.

Báo cáo và đề nghị bằng văn bản với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi nhà thầu nước ngoài thực hiện gói thầu hoặc dự án đã trúng thầu về việc tuyển lao động Việt Nam bao gồm: vị trí công việc, số lượng, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, thời gian thực hiện công việc.

Thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo quy định của pháp luật trước khi người nước ngoài đến làm việc tại Việt Nam và thực hiện các quy định tại Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ và Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ nêu trên.

b) Đối với chủ đầu tư phía Việt Nam:

Phải quy định nội dung về việc sử dụng lao động Việt Nam và lao động nước ngoài theo quy định của pháp luật trong quá trình lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, trong đó phải ưu tiên sử dụng lao động Việt Nam thực hiện các công việc mà lao động Việt Nam có khả năng thực hiện. Trường hợp gói thầu cần sử dụng người nước ngoài có chuyên môn phù hợp với yêu cầu của gói thầu thì trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải quy định nhà thầu nước ngoài có phương án sử dụng người nước ngoài bao gồm: vị trí công việc, số lượng, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, thời gian thực hiện công việc.

Có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra nhà thầu nước ngoài thực hiện các quy định về tuyển dụng, sử dụng người nước ngoài làm việc cho nhà thầu theo quy định của pháp luật Việt Nam; theo dõi và quản lý người nước ngoài trong việc thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam tại nhà thầu nước ngoài; báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định của pháp luật về tình hình tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc cho các nhà thầu thuộc quyền quản lý

***(CV số 3178/LĐTBXH-VL ngày 23/9/2011)***.

7. **Trợ cấp thôi việc, mất việc làm cho người lao động:** Đối với người lao động làm việc ở công ty nhà nước, sau đó công ty nhà nước này cổ phần hóa thành công ty cổ phần mà người lao động vẫn tiếp tục làm việc và bị mất việc làm ở công ty cổ phần thì chế độ trợ cấp thôi việc, mất việc làm đối với người lao động như sau:

+ Thời gian người lao động làm việc tại các công ty nhà nước mà chưa được nhận trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp mất việc làm thì được tính trả trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Lao động, cứ mỗi năm làm việc là nửa tháng lương, cộng với phụ cấp lương, nếu có.

+ Thời gian người lao động làm việc tại công ty cổ phần cho đến khi bị mất việc làm được tính trả trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Lao động, cứ mỗi năm làm việc trả một tháng lương, nhưng thấp nhất cũng bằng hai tháng lương

***(CV số 3170/LĐTBXH-LĐTL ngày 22/9/2011)***.

8. **Hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu vùng:** Ngày 16/9/2011, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 23/2011/TT-BLĐTBXH, hướng dẫn hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động.

Theo đó, mức lương tối thiểu vùng áp dụng từ ngày 01/10/2011 đến hết ngày 31/12/2012 như sau:

Mức 2.000.000 đồng/người/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng I; mức 1.780.000 đồng/người/tháng áp dụng trên địa bàn thuộc vùng II; mức 1.550.000 đồng/người/tháng áp dụng trên địa bàn thuộc vùng III; mức 1.400.000 đồng/người/tháng áp dụng trên các địa bàn thuộc vùng IV.

Địa bàn có sự thay đổi tên hoặc chia tách thì tạm thời thực hiện theo mức lương tối thiểu vùng đối với địa bàn trước khi thay đổi tên hoặc chia tách; trường hợp địa bàn được thành lập mới từ các địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì thực hiện mức lương tối thiểu vùng theo địa bàn có mức lương tối thiểu vùng cao nhất; trường hợp thành lập thành phố trực thuộc tỉnh thì một địa bàn hoặc nhiều địa bàn thuộc vùng IV thì thực hiện mức lương tối thiểu vùng áp dụng đối với địa bàn thuộc vùng III.

Doanh nghiệp hoạt động trên các địa bàn liền nhau có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì thực hiện mức lương tối thiểu vùng theo địa bàn có mức lương tối thiểu vùng cao nhất; doanh nghiệp có đơn vị, chi nhánh hoạt động trên các địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì đơn vị, chi nhánh hoạt động ở địa bàn nào, thực hiện mức lương tối thiểu vùng theo địa bàn đó. Khu công nghiệp, khu chế xuất nằm trên các địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất đó thực hiện mức lương tối thiểu vùng theo địa bàn có mức lương tối thiểu vùng cao nhất; trường hợp khu công nghiệp, khu chế xuất có các phân khu nằm trên các địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì doanh nghiệp hoạt động trong phân khu nằm trên địa bàn nào, thực hiện mức lương tối thiểu vùng theo địa bàn đó.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/10/2011, thay thế Thông tư số 36/2010/TT-BLĐTBXH ngày 18/11/2010.

#### 9. Tăng lương tối thiểu vùng

Ngày 22/8/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 70/2011/NĐ-CP, quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động.

Theo đó, mức lương tối thiểu vùng áp dụng từ ngày 01/10/2011 đến hết ngày 31/12/2012 như sau: Mức lương tối thiểu vùng là 2 triệu đồng/tháng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng I; mức 1,78 triệu đồng/tháng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng II; mức 1,55 triệu đồng/tháng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng III; mức 1,4 triệu đồng/tháng đối với doanh nghiệp hoạt động trên các địa bàn thuộc vùng IV.

Mức lương tối thiểu vùng này là mức lương thấp nhất làm cơ sở để doanh nghiệp thỏa thuận tiền lương trả cho người lao động và được làm căn cứ để xây dựng các mức lương trong thang lương, bảng lương, phụ cấp lương, tính các mức lương ghi trong hợp đồng lao động và thực hiện các chế độ khác do doanh nghiệp xây dựng và ban hành theo thẩm quyền do pháp luật lao động quy định.

Nghị định cũng quy định mức tiền lương thấp nhất trả cho người lao động đã qua học nghề (kể cả lao động do doanh nghiệp tự dạy nghề) phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng. Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp trả lương cho người lao động cao hơn mức lương tối thiểu vùng được quy định trong Nghị định.

Nhà nước khuyến khích DN tổ chức ăn giữa ca cho người lao động. Mức tiền ăn giữa ca do DN, Ban Chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban Chấp hành công đoàn lâm thời và người lao động thỏa thuận, để bảo đảm chất lượng bữa ăn giữa ca cho người lao động.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/10/2011, bãi bỏ Nghị định số 107/2010/NĐ-CP ngày 29/10/2010, Nghị định số 108/2010/NĐ-CP ngày 29/10/2010, khoản 3 Điều 7 Nghị định số 22/2011/NĐ-CP ngày 04/4/2011

#### 10. Quy định bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu

Ngày 01/8/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 66/2011/NĐ-CP, quy định việc áp dụng Luật Cán bộ, công chức đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và người được cử làm đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước.

Theo đó, tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp gồm: Đạt tiêu chuẩn, điều kiện của chức vụ, chức danh được bổ nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và của cơ quan có thẩm quyền; có đầy đủ hồ sơ cá nhân được cơ quan có thẩm quyền xác minh rõ ràng, có bản kê khai tài sản theo quy định; trong độ tuổi bổ nhiệm; có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao; không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ, chức danh theo quy định của pháp luật.

Ngoài các điều kiện nêu trên, việc bổ nhiệm kiểm soát viên còn phải tuân theo quy định tại Điều 122 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

Thời hạn bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp không quá 5 năm; đối với chức danh kiểm soát viên, thời hạn bổ nhiệm không quá 3 năm.

Người quản lý doanh nghiệp khi hết thời hạn giữ chức vụ, chức danh phải được cấp có thẩm quyền xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại.

Thời hạn bổ nhiệm lại được thực hiện như quy định thời hạn bổ nhiệm nêu trên. Trường hợp tính đến thời điểm nghỉ hưu, người quản lý doanh nghiệp còn dưới 5 năm công tác, kiểm soát viên còn dưới 3 năm công tác thì thời hạn bổ nhiệm lại được tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định.

Trường hợp tính đến thời điểm nghỉ hưu, người quản lý doanh nghiệp còn dưới 2 năm công tác, nếu đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm lại thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo cho đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 25/9/2011.

11. **Vướng mắc trong thực hiện Luật BHXH:** Đối với người lao động có thời gian thử việc ghi trong hợp đồng lao động mà hợp đồng lao động đó thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, thì người sử dụng lao động và người lao động phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho cả thời gian thử việc. Mức tiền lương, tiền công làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian thử việc là mức tiền lương, tiền công ghi trong hợp đồng lao động.

Người lao động nếu ký hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên và hợp đồng lao động không xác định thời hạn theo quy định của pháp luật về lao động với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của nhà nước thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định. Mức tiền lương, tiền công làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội phụ thuộc vào chế độ tiền lương mà cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của nhà nước thực hiện đối với người lao động được thể hiện trong hợp đồng lao động. **(CV số 2447/LĐTBH-LĐTL ngày 26/07/2011)**

12. **Trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động:** Luật pháp lao động hiện hành không quy định người lao động chấm dứt hợp đồng lao động đúng pháp luật và hưởng chế độ trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần (theo quy định tại khoản 3, Điều 145 của Bộ luật Lao động) thì không được hưởng trợ cấp thôi việc. Vì vậy, đối với trường hợp này người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động theo quy định. Cách tính trả trợ cấp thôi việc cụ thể thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2003/NĐ-CP và Thông tư số 17/2009/TT-BLĐTBXH ngày 26/5/2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. **(CV số 2152/LĐTBH-LĐTL ngày 05/07/2011)**

## NGÂN HÀNG

1. **Quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng**

Ngày 30/12/2011 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 45/2011/TT-NHNN, quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng. Theo đó, tổ chức tín dụng chỉ thực hiện cho vay đối với bên vay nước ngoài là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại nước ngoài có vốn góp của doanh nghiệp Việt Nam dưới hình thức đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Các trường hợp khác chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước.

Tổ chức tín dụng khi thực hiện cho vay ra nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện sau: được Ngân hàng Nhà nước cho phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường quốc tế bao gồm hoạt động cho vay trên thị trường quốc tế; tuân thủ quy định về tỷ lệ tăng trưởng tín dụng, các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng; có quy trình xét duyệt cho vay ra nước ngoài theo nguyên tắc đảm bảo tính độc lập và phân định rõ ràng trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cho vay ra nước ngoài; thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện thẩm định dự án cho vay, đánh giá rủi ro quốc gia và khả năng thu hồi vốn gốc, lãi của khoản cho vay ra nước ngoài đầy đủ và đúng hạn; có phương án huy động và cho vay ngoại tệ đảm bảo nguyên tắc phù hợp về cơ cấu đồng tiền, cơ cấu kỳ hạn giữa huy động và cho vay, tránh rủi ro kỳ hạn và rủi ro thanh khoản có thể phát sinh do thực hiện khoản cho vay ra nước ngoài; chỉ thực hiện cho vay ra nước ngoài cho các dự án, phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với phạm vi hoạt động hợp pháp của bên vay nước ngoài và đảm bảo nội dung của thỏa thuận cho vay và các thỏa thuận liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài không trái với quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Ngân hàng Nhà nước xử lý hồ sơ đăng ký khoản cho vay, đăng ký thay đổi khoản cho vay của tổ chức tín dụng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Mỗi khoản cho vay ra nước ngoài được tổ chức tín dụng thực hiện thông qua 01 (một) tài khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài mở tại chính tổ chức tín dụng hoặc tại một tổ chức tín dụng khác. Tổ chức tín dụng phải thực hiện mọi giao dịch giải ngân vốn cho vay, thu hồi nợ nước ngoài (nợ gốc, lãi và các loại phí ...) thông qua tài khoản này. Việc tổ chức tín dụng sử dụng tài khoản ngoại tệ mở tại nước ngoài để cho vay, thu hồi nợ nước ngoài được thực hiện theo quy định hiện hành về mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của tổ chức tín dụng.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 13/02/2012.

2. **Hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng; chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

Ngày 29/12/2011 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 44/2011/TT-NHNN.

Theo đó, hệ thống kiểm soát nội bộ được thiết kế, cài đặt, tổ chức thực hiện ngay trong mọi quy trình nghiệp vụ tại tất cả các đơn vị, bộ phận của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài dưới nhiều hình thức như:

Phân cấp ủy quyền rõ ràng, minh bạch, bảo đảm tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận trong tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Quy định về hạn mức rủi ro cụ thể đối với từng cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện giao dịch; Quy trình thẩm định, chấp thuận và duyệt cho phép thực hiện giao dịch bảo đảm mỗi quy trình nghiệp vụ phải có ít nhất 02 cán bộ tham gia, một người thực hiện giao dịch và một người kiểm soát giao dịch, không có cá nhân nào có thể một mình thực hiện và quyết định một quy trình nghiệp vụ, một giao dịch cụ thể, ngoại trừ những giao dịch trong hạn mức được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho phép phù hợp với quy định của pháp luật...

Cũng theo Thông tư này, kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc hoặc tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ tại hội sở chính tùy theo quy mô, mức độ, phạm vi và đặc thù hoạt động của tổ chức tín dụng. Kiểm toán nội bộ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có thể do kiểm toán nội bộ của hội sở chính hoặc hội sở khu vực đảm nhiệm. Theo đó, phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ là phương pháp kiểm toán "định hướng theo rủi ro", ưu tiên tập trung nguồn lực để kiểm toán các đơn vị, bộ phận, quy trình được đánh giá có mức độ rủi ro cao...

Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tự rà soát, điều chỉnh, đảm bảo thực hiện đúng các nguyên tắc, yêu cầu, quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ tại Thông tư này và gửi quy chế nội bộ về kiểm toán nội bộ cho Ngân hàng Nhà nước. Chậm nhất đến ngày 31/12/2012, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải hoàn tất việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức kiểm toán nội bộ theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định tại Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/02/2012, bãi bỏ Quyết định số 36/2006/QĐ-NHNN ngày 01/8/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng và Quyết định số 37/2006/QĐ-NHNN ngày 01/8/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng.

### 3. Cấp tín dụng hợp vốn của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng

Ngày 15/12/2011 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có Thông tư số 42/2011/TT-NHNN, quy định việc cấp tín dụng hợp vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng có dự án, phương án sản xuất kinh doanh tại Việt Nam.

Theo đó, việc cấp tín dụng hợp vốn: Là việc có từ hai (02) tổ chức tín dụng trở lên cùng thực hiện cấp tín dụng đối với khách hàng, thông qua các nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác. Việc cấp tín dụng hợp vốn được thực hiện trên cơ sở tham gia tự nguyện của các thành viên; theo nguyên tắc cùng thẩm định, cùng quyết định cấp tín dụng cho khách hàng và cùng tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động cấp tín dụng của mình.

Việc cấp tín dụng hợp vốn được thực hiện khi nhu cầu xin cấp tín dụng để thực hiện dự án của khách hàng vượt giới hạn cấp tín dụng của tổ chức tín dụng theo quy định; hoặc khả năng tài chính và nguồn vốn của một tổ chức tín dụng không đáp ứng được nhu cầu cấp tín dụng của dự án; hoặc do nhu cầu phân tán rủi ro của tổ chức tín dụng; hoặc khách hàng có nhu cầu được cấp tín dụng từ nhiều tổ chức tín dụng khác nhau để thực hiện dự án; hoặc các tổ chức tín dụng cấp tín dụng hợp vốn đối với các dự án quan trọng theo chỉ đạo của Chính phủ.

Các hình thức cấp tín dụng hợp vốn bao gồm: Cho vay hợp vốn; hợp vốn để bảo lãnh; hợp vốn để chiết khấu; cho thuê tài chính hợp vốn; hợp vốn để thực hiện bao thanh toán; hợp vốn để thực hiện việc kết hợp các hình thức cấp tín dụng nêu trên và hợp vốn để cấp tín dụng theo các hình thức khác.

Các tổ chức tín dụng khi tham gia cấp tín dụng hợp vốn cần đáp ứng các điều kiện là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng; tuân thủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn sau khi ký kết hợp đồng hợp vốn, hợp đồng tín dụng và không vi phạm các giới hạn về cấp tín dụng được quy định trong luật các tổ chức tín dụng. Đối với tổ chức tín dụng nước ngoài, cần đáp ứng các điều kiện là tổ chức tín dụng được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài và tuân thủ các quy định về cấp tín dụng hợp vốn theo Thông tư này và các quy định về đầu tư, cho vay và quản lý ngoại hối... Trường hợp cấp tín dụng hợp vốn có sự tham gia của các tổ chức tín dụng nước ngoài, khách hàng phải đáp ứng các quy định về đăng ký khoản vay nước ngoài; mở và sử dụng tài khoản vay vốn, trả nợ nước ngoài và các quy định của pháp luật có liên quan về vay, trả nợ nước ngoài.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/12/2011 và thay thế Quyết định số 286/2002/QĐ-NHNN ngày 03/04/2002; Quyết định số 886/2003/QĐ-NHNN ngày 11/8/2003; Thông tư 08/2006/TT-NHNN ngày 12/10/2006 của Ngân hàng Nhà nước.

### 4. Quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc nhà nước

Ngày 17/11/2011, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 164/2011/TT-BTC, quy định việc quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước, áp dụng đối với các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, đơn vị giao dịch với Kho bạc Nhà nước, các xã, phường, thị trấn có hoạt động thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước.

Theo đó, việc quản lý tiền mặt trong nội bộ hệ thống Kho bạc Nhà nước được thực hiện theo định mức tồn quỹ tiền mặt để đảm bảo các nhu cầu thanh toán, chi trả bằng tiền mặt trong một khoảng thời gian nhất định tại mỗi đơn vị Kho bạc Nhà nước.

Việc chi tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước, đối với Kho bạc nhà nước, được thực hiện theo nguyên tắc thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản của đơn vị giao dịch mở tại Kho bạc Nhà nước tới tài khoản của người cung cấp hàng hóa dịch vụ, người hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại ngân hàng, trừ những trường hợp được phép chi bằng tiền mặt quy định tại Thông tư này. Đối với các đơn vị giao dịch, khi thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thì phải thanh toán bằng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, trừ trường hợp khoản chi có giá trị không vượt quá 5 triệu đồng trên một khoản chi.

Các đơn vị giao dịch được phép chi bằng tiền mặt những khoản chi cá nhân như tiền lương, tiền công, phụ cấp lương...; các khoản chi xây dựng cơ bản như chi giải phóng mặt bằng, chi mua sắm vật tư...; chi một số nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ban Cơ yếu chính phủ; chi trả nợ dân; chi mua lương thực dự trữ và các khoản chi có giá trị dưới 5 triệu đồng.

Các đơn vị giao dịch với Kho bạc Nhà nước có nhu cầu rút tiền mặt tại Kho bạc Nhà nước trong một ngày (một hoặc nhiều giao dịch) vượt mức quy định phải đăng ký với Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản trước một ngày làm việc về số lượng và thời điểm rút tiền để Kho bạc Nhà nước có kế hoạch chuẩn bị và cung ứng tiền mặt đầy đủ, kịp thời. Mức quy định cụ thể là từ 200 triệu trở lên đối với các đơn vị giao dịch với KBNN tỉnh và từ 100 triệu trở lên đối với các đơn vị giao dịch với KBNN huyện.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012, thay thế Thông tư số 33/2006/TT-BTC ngày 17/04/2006.

#### 5. Hướng dẫn hoán đổi trái phiếu Chính phủ

Ngày 09/11/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 150/2011/TT-BTC, về việc hướng dẫn hoán đổi trái phiếu Chính phủ

Theo đó, việc hoán đổi trái phiếu đảm bảo thực hiện theo Phương án hoán đổi trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo nguyên tắc ngang giá trị theo giá thị trường, công khai, minh bạch trong việc hoán đổi; tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định cụ thể tại Thông tư này.

Trong thời gian hoán đổi trái phiếu (kể từ thời điểm đăng ký hoán đổi trái phiếu đến khi kết thúc việc hoán đổi trái phiếu), các trái phiếu đang lưu hành được đăng ký hoán đổi sẽ được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam phong tỏa trên tài khoản lưu ký của chủ sở hữu trái phiếu.

Trái phiếu bị hoán đổi phải đảm bảo các điều kiện: Là loại trái phiếu đang được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và có kỳ hạn còn lại từ 01 năm trở lên; không bị ràng buộc trong các quan hệ về giao dịch đảm bảo tại thời điểm hoán đổi.

Trái phiếu được hoán đổi phát hành lần đầu phải đảm bảo kỳ hạn trái phiếu phát hành từ 01 năm trở lên. Trái phiếu được hoán đổi bổ sung phải đảm bảo điều kiện là loại trái phiếu đang được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và điều kiện, điều khoản của trái phiếu như điều kiện, điều khoản của trái phiếu đang lưu hành...

Thông tư này có hiệu lực thi hành 45 ngày kể từ ngày ký.

#### 6. Thủ tục thu hồi giấy phép và thanh lý tài sản đối với tổ chức tín dụng

Ngày 28/10/2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 34/2011/TT-NHNN về hướng dẫn về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

Theo đó, Thống đốc NHNN có thẩm quyền quyết định thu hồi Giấy phép đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện; giám sát quá trình thanh lý tài sản. Thông tư cũng quy định hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt và gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới NHNN.

Kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định việc thu hồi Giấy phép hoặc Thống đốc NHNN có văn bản yêu cầu TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chấm dứt hoạt động, nghiêm cấm TCTD cất giấu, tẩu tán tài sản; thanh toán nợ không có bảo đảm; từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ; chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm bằng tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tặng, cho, cầm cố, thế chấp và cho thuê tài sản; Ký kết hợp đồng mới không phải là hợp đồng nhằm thực hiện chấm dứt hoạt động; chuyển tiền, tài sản ra nước ngoài. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 11-12-2011.

Việc thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được áp dụng như sau: Trường hợp TCTD bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép thực hiện theo quy định của pháp luật về chia, tách, sáp nhập, hợp nhất TCTD; Trường hợp TCTD phá sản, NHNN thu hồi Giấy phép ngay sau khi NHNN có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà TCTD vẫn lâm vào tình trạng phá sản. Việc thanh lý tài sản của TCTD được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản; Các trường hợp khác, trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tctd, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.



7. Tăng mức phạt tiền đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngoại hối:

Ngày 20/10/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 95/2011/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 202/2004/NĐ-CP ngày 10/12/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

Theo đó, mức phạt cao nhất đối với vi phạm quy định về quản lý ngoại hối và quản lý kinh doanh vàng sẽ tăng từ 70 lên đến 500 triệu đồng.

Hoạt động ngoại hối mà không được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc giấy phép hoạt động ngoại hối đã hết thời hạn hoặc bị đình chỉ; Thực hiện dịch vụ kiều hối mà không được cấp có thẩm quyền cấp phép; Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ, vàng mà không có giấy phép của Ngân hàng Nhà nước sẽ bị phạt tiền từ 300 đến 500 triệu đồng.

Mức phạt cao nhất đối với vi phạm quy định về quản lý ngoại hối và quản lý kinh doanh vàng sẽ tăng từ 70 lên đến 500 triệu đồng.

Hoạt động ngoại hối mà không được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc giấy phép hoạt động ngoại hối đã hết thời hạn hoặc bị đình chỉ; Thực hiện dịch vụ kiều hối mà không được cấp có thẩm quyền cấp phép; Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ, vàng mà không có giấy phép của Ngân hàng Nhà nước sẽ bị phạt tiền từ 300 đến 500 triệu đồng.

Ngoài ra, Nghị định này cũng bổ sung các hành vi niêm yết giá, quảng cáo hàng hóa, dịch vụ, quyền sử dụng đất bằng ngoại tệ, vàng không đúng quy định của pháp luật với mức phạt tiền như trên.

Thay vì phạt tiền từ 5-12 triệu đồng với một trong các hành vi: Cho vay, cho thuê tài chính hoặc trả nợ trong nước bằng ngoại tệ không đúng quy định của pháp luật; chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài và vào Việt Nam không đúng quy định của pháp luật (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định 202/2004/NĐ-CP); thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ bằng ngoại tệ với người nước ngoài không đúng quy định của pháp luật; mua bán, thanh toán ngoại tệ không đúng quy định của pháp luật thì nay tăng mức phạt lên 50 đến 100 triệu đồng.

Các hành vi mua, bán, thanh toán ngoại tệ không đúng quy định của pháp luật, ngoài bị phạt tiền còn có thể bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký Đại lý đối ngoại tệ trong thời hạn 12 tháng khi vi phạm lần đầu và tước không thời hạn khi tái phạm đối với các Đại lý đối ngoại tệ.

Ngoài phạt tiền, các tổ chức kinh doanh vàng có hành vi kinh doanh, mua bán vàng không đúng quy định của pháp luật còn có thể bị tước Giấy phép hoạt động kinh doanh vàng thời hạn 12 tháng khi vi phạm lần đầu và tước không thời hạn khi tái phạm.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

8. Các khoản vay được bảo đảm bằng vàng có hệ số rủi ro là 250%:

Ngày 08/10/2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 33/2011/TT-NHNN, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2010/TT-NHNN ngày 20/05/2010 quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng và quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Theo đó, thông tư này bổ sung quy định hệ số rủi ro là 250% đối với các khoản cho vay được bảo đảm bằng vàng.

Đồng thời, bổ sung vào Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, quy định các nhu cầu vốn không được cho vay bao gồm nhu cầu vay vốn để mua vàng; trừ trường hợp được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho phép vay vốn mua vàng để sản xuất vàng miếng, sản xuất, gia công vàng trang sức mỹ nghệ và cho vay để nhập khẩu vàng nguyên liệu theo giấy phép của Ngân hàng Nhà nước.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/10/2011.

9. NHTM được phép mở tài khoản vàng ở nước ngoài: Ngày 06/10/2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 32/2011/TT-NHNN, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của tổ chức tín dụng.

Theo đó, các NHTM sẽ được phép chuyển đổi lượng vàng huy động và giữ hộ tồn quỹ và mở tài khoản vàng ở nước ngoài để bảo hiểm rủi ro biến động giá vàng nếu đáp ứng đủ 04 điều kiện sau: (1) Có kinh nghiệm hoạt động từ 05 năm trở lên trong hoạt động kinh doanh vàng, huy động và cho vay vàng; (2) Có hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả; có quy định về quản lý rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh vàng; (3) Có địa bàn hoạt động chính tại các thành phố trực thuộc trung ương; (4) Không vi phạm các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng.

Các NHTM đáp ứng điều kiện trên chỉ được mở tối đa 02 tài khoản vàng ở nước ngoài và được phép chuyển đổi tối đa 40% lượng vàng tồn quỹ thành tiền tại thời điểm nộp hồ sơ xin chuyển đổi với lượng vàng tồn quỹ và mở tài khoản vàng ở nước ngoài.

NHTM chỉ được mua vàng trên tài khoản nước ngoài khi đã chuyển đổi vàng tồn quỹ thành tiền và với khối lượng không vượt quá lượng vàng tồn quỹ đã chuyển đổi ở trong nước; chỉ được bán vàng trên tài khoản nước ngoài khi

đã mua vàng vật chất trong nước hoặc nhập khẩu vàng theo giấy phép của NHNN để bù đắp lượng vàng tồn quỹ đã chuyển đổi thành tiền và với khối lượng không quá lượng vàng vật chất đã mua trong nước hoặc nhập khẩu.

Các NHTM phải tự chịu trách nhiệm về hiệu quả và tính an toàn trong hoạt động chuyển đổi vàng tồn quỹ thành tiền và kinh doanh vàng trên tài khoản nước ngoài; hàng ngày phải gửi báo cáo bằng văn bản cho NHNN về lượng vàng tồn quỹ đã chuyển đổi thành tiền, lượng vàng mua tại thị trường trong nước và các giao dịch trên tài khoản vàng nước ngoài từ 7h sáng hôm trước đến 7h sáng ngày báo cáo.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/10/2011.

10. **Vay vốn tín dụng đầu tư phải có tối thiểu 20% vốn chủ sở hữu:** Ngày 30/8/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 75/2011/NĐ-CP, về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

Theo đó, đối tượng cho vay là chủ đầu tư có dự án đầu tư thuộc Danh mục các dự án vay vốn tín dụng đầu tư (ban hành kèm theo Nghị định này). Để được vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước, chủ đầu tư phải có tối thiểu 20% vốn chủ sở hữu tham gia dự án và phải bảo đảm đủ nguồn vốn để thực hiện dự án, các điều kiện tài chính cụ thể của phần vốn đầu tư ngoài phần vốn vay tín dụng đầu tư của Nhà nước. Đây là quy định mới được bổ sung nhằm nâng cao trách nhiệm huy động vốn của doanh nghiệp thực hiện dự án thông qua các hình thức phát hành trái phiếu, huy động khác, thông qua đó giảm bớt rủi ro cho các bên.

Đồng thời, chủ đầu tư nói trên phải có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, có hiệu quả, bảo đảm trả được nợ; được Ngân hàng Phát triển Việt Nam thẩm định phương án tài chính, phương án trả nợ và chấp thuận cho vay; thực hiện bảo đảm tiền vay và phải mua bảo hiểm tài sản tại một công ty bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc trong suốt thời hạn vay vốn...

Mức vốn cho vay tối đa đối với mỗi dự án là bằng 70% tổng mức vốn đầu tư của dự án (không bao gồm vốn lưu động) và mức vốn cho vay tối đa đối với mỗi chủ đầu tư không được vượt quá 15% vốn điều lệ thực có của Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Lãi suất cho vay đầu tư không thấp hơn lãi suất bình quân các nguồn vốn cộng với phí hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/10/2011 và thay thế Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20/12/2006 và Nghị định số 106/2008/NĐ-CP ngày 19/9/2008

11. **Ngân hàng được phép cho vay trên 80% vốn huy động:** Ngày 30/8/2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 22/2011/TT-NHNN, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2010/TT-NHNN ngày 20/5/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

Theo đó, các ngân hàng sẽ được phép cho vay trên 80% vốn huy động; đối với các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tỷ lệ này cũng không còn bị giới hạn ở mức 85% như quy định trước đây.

Hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng bị giới hạn bởi 04 tỷ lệ đảm bảo an toàn là Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; giới hạn tín dụng; tỷ lệ khả năng chi trả và giới hạn góp vốn, mua cổ phần.

Tổ chức tín dụng, trừ chi nhánh ngân hàng nước ngoài, phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 9% giữa vốn tự có so với tổng tài sản "Có" rủi ro của tổ chức tín dụng (tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ) đồng thời duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 9% trên cơ sở hợp nhất vốn, tài sản của tổ chức tín dụng và công ty trực thuộc (tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất).

Hệ số rủi ro được nâng lên từ mức 20% lên mức 50% đối với tài sản "Có" là các khoản phải đòi bằng ngoại tệ được bảo đảm bằng giấy tờ có giá do chính tổ chức tín dụng phát hành; các khoản phải đòi được bảo đảm bằng giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng khác thành lập tại Việt Nam phát hành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2011.

12. **Cá nhân ra nước ngoài được mua tối đa 1.000 USD:** Ngày 29/8/2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 20/2011/TT-NHNN, quy định việc mua, bán ngoại tệ tiền mặt của cá nhân đối với tổ chức tín dụng được phép.

Theo đó, cá nhân là công dân Việt Nam được quyền mua ngoại tệ tiền mặt tại tổ chức tín dụng được phép để đáp ứng các nhu cầu ngoại tệ đối với việc đi học, chữa bệnh, đi công tác, du lịch, thăm viếng ở nước ngoài. Hạn mức tối đa là 100USD/1 người/1 ngày hoặc các loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương trong khoảng thời gian lưu trú ở nước ngoài là 10 ngày. Hạn mức ngoại tệ trên cũng được áp dụng đối với trẻ em chung hộ chiếu với cha hoặc mẹ.

Loại ngoại tệ cá nhân được mua thực hiện theo nguyên tắc là đồng tiền của nước nơi công dân Việt Nam đến. Trường hợp không có đồng tiền của nước nơi công dân Việt Nam đến, tổ chức tín dụng được phép thực hiện bán ngoại tệ tự do chuyển đổi khác.

Tổ chức tín dụng được phép có nghĩa vụ bán ngoại tệ tiền mặt cho cá nhân trên cơ sở hồ sơ, chứng từ xuất trình.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/10/2011.

**13. Cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá**

Ngày 18/8/2011, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ký ban hành Thông tư số 17/2011/TT-NHNN, quy định về việc cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của ngân hàng nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng.

Theo đó, tiêu chuẩn giấy tờ có giá được cầm cố bao gồm: Được phép chuyển nhượng; Thuộc sở hữu hợp pháp của tổ chức tín dụng đề nghị vay; Có thời hạn còn lại tối thiểu bằng thời gian vay; Không phải là giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng đề nghị vay phát hành.

Thời hạn cho vay cầm cố là dưới 12 tháng và không vượt quá thời hạn còn lại của giấy tờ có giá được cầm cố. Thời hạn cho vay cầm cố bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ. Trường hợp ngày trả nợ trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ thì thời hạn cho vay được kéo dài đến ngày làm việc tiếp theo.

Lãi suất cho vay cầm cố đối với các tổ chức tín dụng là lãi suất tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước áp dụng khi cho vay cầm cố đối với các tổ chức tín dụng tại thời điểm giải ngân khoản vay và duy trì trong suốt thời hạn cho vay.

Trường hợp dư nợ vay cầm cố bị chuyển sang nợ quá hạn thì tổ chức tín dụng phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ghi trên hợp đồng tín dụng.

Việc cho vay cầm cố đối với các tổ chức tín dụng được thực hiện tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước. Trong trường hợp cần thiết, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thể ủy quyền cho Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện cho vay cầm cố đối với tổ chức tín dụng có trụ sở chính trên địa bàn. Quy trình thực hiện cho vay cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố như thực hiện tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

Trường hợp đến kỳ hạn trả nợ gốc và lãi mà tổ chức tín dụng không trả nợ và không được Ngân hàng Nhà nước gia hạn nợ thì Ngân hàng Nhà nước sẽ thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ gốc và lãi bắt buộc như trích tài khoản tiền gửi của tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước để thu nợ; thu nợ gốc và lãi từ các nguồn khác (nếu có) của tổ chức tín dụng;

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2011 và thay thế Thông tư số 03/2009/TT-NHNN ngày 02/3/2009 và Thông tư số 11/2009/TT-NHNN ngày 27/5/2009.

**14. Xuất, nhập cảnh mang trên 5.000USD phải khai báo**

Ngày 12/8/2011, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 15/2011/TT- NHNN, quy định việc mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt của cá nhân khi xuất cảnh, nhập cảnh.

Theo đó, cá nhân khi xuất cảnh, nhập cảnh qua các cửa khẩu quốc tế của Việt Nam mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt trên mức 5.000 USD hoặc các loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương (trước đây là 7.000 USD), hoặc trên mức 15.000.000 VNĐ, thì phải khai báo Hải quan cửa khẩu.

Trường hợp cá nhân nhập cảnh mang theo ngoại tệ tiền mặt bằng hoặc thấp hơn mức 5.000 USD, và có nhu cầu gửi số ngoại tệ tiền mặt này vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của cá nhân mở tại tổ chức tín dụng được phép, cũng phải khai báo Hải quan cửa khẩu.

Không áp dụng thủ tục khai báo Hải quan cửa khẩu này đối với những cá nhân mang theo các loại phương tiện thanh toán như séc du lịch, thẻ ngân hàng, sổ tiết kiệm, các loại chứng khoán và các loại giấy tờ có giá khác.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/09/2011.

**QUY ĐỊNH KHÁC**

**1. Hướng dẫn thực hiện Luật kinh doanh bảo hiểm**

Ngày 28/12/2011 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2011/NĐ-CP, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27/03/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm. Nghị định này áp dụng đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm (bao gồm hoạt động kinh doanh bảo hiểm và dịch vụ môi giới bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam), hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm và đại lý bảo hiểm.

Theo đó, về hoạt động cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, ngoài các điều kiện chung về giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thực hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đối tượng cung cấp dịch vụ cần đảm bảo các điều kiện về năng lực tài chính và khả năng xử lý tổn thất. Theo đó, đối tượng cung cấp dịch vụ phải có tổng tài sản tối thiểu tương ứng 2 tỷ USD đối với doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài và 100 triệu USD đối với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài vào năm tài chính trước năm cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam; hoạt động kinh doanh có lãi trong 3 năm tài chính liên tiếp; được xếp hạng tối thiểu "BBB+" theo Standard & Poor's hoặc Fitch, .... Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài phải ký quỹ tối thiểu 100 tỷ đồng VN tại ngân hàng được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam và có thư bảo lãnh thanh toán của ngân hàng đó; phải có quy trình giải quyết bồi thường nêu rõ trình tự, thủ tục xử lý tổn thất... Doanh nghiệp môi

giới bảo hiểm nước ngoài phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp môi giới bảo hiểm cho trách nhiệm cung cấp dịch vụ môi giới bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam.

Về chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện sau: có trụ sở chính tại quốc gia mà Việt Nam và quốc gia đó đã ký điều ước quốc tế về thương mại trong đó có thỏa thuận về thành lập chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ; đang hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ hợp pháp ít nhất 10 năm tại nước nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính; có tổng tài sản tối thiểu tương đương 2 tỷ USD vào năm tài chính trước năm nộp hồ sơ xin cấp phép; hoạt động kinh doanh có lãi trong 3 năm tài chính liên tiếp; không vi phạm nghiêm trọng các quy định về kinh doanh bảo hiểm....

Về hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm, mức vốn pháp định được quy định là 400 tỷ đồng VN đối với kinh doanh tái bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm sức khỏe hoặc cả hai loại hình; 700 tỷ đồng VN đối với kinh doanh tái bảo hiểm nhân thọ; 1.100 tỷ đồng đối với kinh doanh cả ba loại hình trên. Mức vốn pháp định đối với doanh nghiệp chỉ kinh doanh bảo hiểm sức khỏe là 300 tỷ đồng VN...

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2012. Nghị định này không áp dụng đối với bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tiền gửi và các loại bảo hiểm khác do nhà nước thực hiện không mang tính kinh doanh.

## 2. Quy định về giá bán điện và hướng dẫn thực hiện

Ngày 19/12/2011 Bộ Công thương đã có Thông tư số 42/2011/TT-BCT, quy định về giá bán điện chi tiết cho các nhóm đối tượng khách hàng sử dụng điện căn cứ trên giá bán điện bình quân, áp dụng cho các tổ chức, cá nhân mua bán điện từ hệ thống điện quốc gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Giá bán điện bình quân, theo quy định mới, là 1.304 đồng/kwh (chưa bao gồm VAT).

Theo thông tư này, giá bán điện theo cấp điện áp áp dụng đối với khách hàng sử dụng điện cho mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, bơm nước tưới tiêu, hành chính sự nghiệp và cho khu công nghiệp, cho mục đích khác tại các chung cư cao tầng tại thành phố và khu đô thị mới. Theo đó, giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất, với cấp điện áp từ 110 kV trở lên, là 1.970 đồng/kwh trong giờ cao điểm, giờ thấp điểm là 683 đ/kwh và giờ bình thường là 1.102 đ/ kwh. Giá bán lẻ điện cho kinh doanh đối với cấp điện áp từ 22 kV trở lên tại giờ cao điểm là 3.117 đ/kwh, giờ thấp điểm là 1.022 đ/kwh, giờ bình thường là 1.808 đ/kwh; đối với cấp điện áp từ 6 kV đến 22 kV, các mức giá tương ứng là 3.226 đ/kwh, 1.153 đ/kwh và 1.939 đ/kwh; đối với cấp điện áp dưới 6 kV, các mức giá tương ứng là 3.369 đ/kwh, 1.205 đ/kwh và 1.965 đ/kwh.

Giá bán lẻ điện sinh hoạt được quy định cụ thể là 993đ/kwh, áp dụng cho hộ nghèo và thu nhập thấp, thường xuyên có mức sử dụng điện không quá 50 kwh/tháng; đối với hộ thông thường, giá bán lẻ là 1.242 đồng/kwh cho 100kwh đầu tiên, 1.369 đ cho kwh thứ 101 đến 150, 1.734 đ cho kwh từ 151 đến 200, 1.877 đ cho kwh từ 201 đến 300, 2.008đ cho kwh từ 301 đến 400 và 2.060 đ cho kwh từ 401 trở lên.

Giá bán lẻ điện cho mục đích sinh hoạt cho các đối tượng mua điện tạm thời và mua điện ngắn hạn theo hình thức sử dụng thẻ trả trước là 1.721 đồng/ kwh (chưa bao gồm VAT). Giá bán lẻ điện sinh hoạt tại khu vực nông thôn, miền núi, hải đảo, nơi chưa có lưới điện quốc gia do UBND cấp tỉnh phê duyệt nhưng không được ngoài mức giá sàn và giá trần được quy định là 1.956 đồng/kwh và 3.260 đồng/kwh.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/12/2011, thay thế thông tư số 05/2011/TT-BCT ngày 25/02/2011.

## 3. Chứng nhận lãnh sự; hợp pháp hóa lãnh sự

Ngày 05/12/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 111/2011/NĐ-CP, quy định về chứng nhận lãnh sự; hợp pháp hóa lãnh sự.

Theo đó, Chứng nhận lãnh sự là việc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chứng nhận con dấu, chữ ký, chức danh trên giấy tờ, tài liệu của Việt Nam để giấy tờ, tài liệu đó được công nhận và sử dụng ở nước ngoài. Hợp pháp hóa lãnh sự là việc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chứng nhận con dấu, chữ ký, chức danh trên giấy tờ, tài liệu của nước ngoài để giấy tờ, tài liệu đó được công nhận và sử dụng ở Việt Nam. Việc chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự không bao hàm chứng nhận về nội dung và hình thức của giấy tờ, tài liệu.

Cơ quan, tổ chức và cá nhân có thể đề nghị chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu của mình hoặc của người khác mà không cần giấy ủy quyền. Ngôn ngữ sử dụng để chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự là tiếng Việt và tiếng chính thức của nơi giấy tờ đó được sử dụng hoặc tiếng Anh, tiếng Pháp.

Các giấy tờ, tài liệu không được chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự khi bị tẩy xóa, sửa chữa nhưng không được đính chính theo quy định của pháp luật; khi có các chi tiết mâu thuẫn nhau; là giấy tờ, tài liệu giả mạo hoặc được cấp, chứng nhận sai thẩm quyền; có chữ ký, con dấu không phải là chữ ký, con dấu gốc; có nội dung xâm phạm lợi ích của Nhà nước Việt Nam.

Hồ sơ đề nghị chứng nhận lãnh sự gồm 01 tờ khai theo mẫu; xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân; giấy tờ, tài liệu đề nghị chứng nhận lãnh sự. Hồ sơ đề nghị hợp pháp hóa lãnh sự, ngoài các giấy tờ trên, cần có thêm 01 bản dịch giấy tờ, tài liệu đề nghị hợp pháp hóa lãnh sự sang tiếng Việt hoặc tiếng Anh và 01 bản chụp các giấy tờ, tài liệu đề nghị hợp pháp hóa lãnh sự. Thời hạn giải quyết là 01 ngày làm việc và không quá 05 ngày làm việc tùy vào khối lượng giấy tờ đề nghị chứng nhận có số lượng từ 10 trở lên.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2011.

4. [Định giá hàng hóa vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan để xác định khung tiền phạt tương ứng](#)

Ngày 02/12/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 109/2011/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2009/NĐ-CP ngày 13/05/2009 quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả và quyền liên quan.

Theo đó, sau khi tạm giữ hàng hóa vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt tiến hành định giá làm căn cứ cho việc xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt đối với vi phạm hành chính theo quy định. Giá trị hàng hóa vi phạm phát hiện được và các tài liệu, căn cứ xác định giá trị hàng hóa vi phạm phải được ghi rõ trong biên bản vi phạm hành chính và lưu giữ trong hồ sơ vụ việc.

Ngoài ra, Nghị định này còn sửa đổi, bổ sung các điều 20; 23; 31; 33; 34; 35; 37; 39 và 41, theo đó, bổ sung quy định về trường hợp không xác định được giá trị hàng hóa vi phạm thì phạt tiền với mức cố định. Cụ thể, đối với hành vi xâm phạm quyền phân phối dưới hình thức bán tác phẩm, khi không xác định được giá trị hàng hóa vi phạm, thì phạt tiền từ 10 đến 90 triệu đồng. Mức phạt này cũng áp dụng đối với hành vi xâm phạm quyền sao chép tác phẩm. Cũng theo quy định này, mức phạt tiền từ 20 triệu đến 80 triệu đồng được áp dụng đối với các hành vi vi phạm sau, khi không xác định được giá trị hàng hóa vi phạm: Hành vi xâm phạm quyền sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp cuộc biểu diễn; Hành vi xâm phạm quyền phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao cuộc biểu diễn; Hành vi xâm phạm quyền sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp bản ghi âm, ghi hình; Hành vi xâm phạm quyền phân phối đến công chúng bản gốc hoặc bản sao bản ghi âm, ghi hình; Hành vi xâm phạm quyền phân phối đến công chúng chương trình phát sóng; Hành vi xâm phạm quyền sao chép chương trình phát sóng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20/01/2012.

5. [Đăng ký thể chấp quyền sử dụng đất; tài sản gắn liền với đất](#)

Về nội dung trên, ngày 18/11/2011, Liên tịch Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên Môi trường đã có Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT, hướng dẫn chi tiết về thẩm quyền, hồ sơ, thủ tục đăng ký thể chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; áp dụng đối với cá nhân, hộ gia đình, tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài, tổ chức nước ngoài thực hiện đăng ký thể chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật; các cơ quan có thẩm quyền đăng ký thể chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc đăng ký thể chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

Thời hạn đăng ký thể chấp tùy thuộc vào các loại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/sở hữu nhà đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp có trong bộ hồ sơ hợp lệ, nhanh nhất là 15 giờ sau khi nhận hồ sơ (hoàn thành ngay trong ngày làm việc tiếp theo) và không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Các loại giấy tờ cần có cho bộ hồ sơ hợp lệ được quy định cụ thể tại Thông tư này.

Hồ sơ đăng ký thể chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, theo quy định chung, cần có: Đơn yêu cầu đăng ký thể chấp; Hợp đồng thế chấp; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký thể chấp là người được ủy quyền. Trường hợp đăng ký thể chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, hoặc chỉ đăng ký thể chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, bộ hồ sơ hợp lệ cần có thêm Giấy phép xây dựng đối với các tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật phải xin phép xây dựng hoặc dự án đầu tư đã được phê duyệt trong trường hợp thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, trừ trường hợp hợp đồng thế chấp tài sản đó có công chứng, chứng thực hoặc có xác nhận hoặc tài sản đó không thuộc diện phải xin cấp phép xây dựng, không phải lập dự án đầu tư.

Trường hợp đăng ký thể chấp tài sản gắn liền với đất mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thì cần có thêm Hồ sơ đề nghị chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Nghị định số 88/2009/NĐ-CP.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2012.

6. [Khai báo hóa chất sản xuất và khai báo hóa chất nhập khẩu](#)

Ngày 14/11/2011, Bộ Công thương đã ban hành Thông tư số 40/2011/TT-BCT, quy định về biểu mẫu khai báo hóa chất, khai báo hóa chất nhập khẩu trực tiếp và khai báo hóa chất qua mạng internet, áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hóa chất (kể cả nhập khẩu hóa chất vào khu chế xuất) thuộc Danh mục hóa chất phải khai báo.

Khai báo hóa chất gồm khai báo hóa chất sản xuất và khai báo hóa chất nhập khẩu. Khai báo hóa chất nhập khẩu có hai hình thức là khai báo trực tiếp hoặc khai báo qua mạng internet. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy xác nhận có thể lựa chọn một trong hai hình thức khai báo hóa chất này.

Theo quy định, hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận khai báo hóa chất nhập khẩu trực tiếp cần có hóa đơn mua bán hóa chất, trường hợp chưa có hóa đơn mua bán hóa chất thì trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận có thể nộp hợp đồng mua bán hóa chất và hóa đơn dự kiến. Đối với hợp đồng mua bán hóa chất sử dụng cho nhiều lần nhập khẩu, từ lần nhập khẩu lô hàng tiếp theo của hợp đồng, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp hóa đơn mua bán



hóa chất chính thức có đóng dấu, ký tên của lãnh đạo doanh nghiệp và bản photo Giấy xác nhận của lô hàng lần đầu có cùng hợp đồng. Đối với hóa chất nguy hiểm theo quy định, phải lập Phiếu an toàn hóa chất.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/12/2011.

**7. Xử phạt vi phạm hành chính về thuốc, mỹ phẩm và trang thiết bị y tế**

Về nội dung trên, ngày 18/10/2011, Chính Phủ đã ban hành Nghị định số 93/2011/NĐ-CP, theo đó, mức phạt tiền tối đa trong xử phạt vi phạm hành chính về thuốc, mỹ phẩm và trang thiết bị y tế là 40 triệu đồng.

Đối với hành vi bán lẻ các loại thuốc phải kê đơn mà không có đơn của bác sỹ; bán lẻ dược liệu đã qua sơ chế không bảo đảm chất lượng; Người bán thuốc hoặc tham gia bán thuốc không có hồ sơ lý lịch hoặc có nhưng không đầy đủ theo quy định sẽ bị cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng.

Việc không kê khai hoặc kê khai không đầy đủ giá thuốc theo quy định; không điều chỉnh lại giá đã kê khai sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về giá thuốc; bán thuốc cao hơn giá thuốc kê khai và không thông báo cho khách hàng giá thuốc đã kê khai sẽ bị phạt tiền từ 5 đến 10 triệu.

Đối với hoạt động kinh doanh mỹ phẩm, các hành vi sau sẽ bị phạt từ 1 đến 10 triệu: Kinh doanh mỹ phẩm không còn nguyên vẹn bao bì, mỹ phẩm nhập lậu, không rõ nguồn gốc, xuất xứ; Kinh doanh mỹ phẩm quá hạn dùng, mỹ phẩm chưa thực hiện công bố sản phẩm mỹ phẩm; Kinh doanh mỹ phẩm có thành phần chất cấm sử dụng trong mỹ phẩm hoặc vượt quá giới hạn cho phép đối với các chất có quy định giới hạn nồng độ, hàm lượng sử dụng theo quy định hiện hành của pháp luật; Kinh doanh mỹ phẩm không đảm bảo chất lượng, không an toàn cho người sử dụng; Kinh doanh mỹ phẩm đã bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thông báo thu hồi do vi phạm các quy định của pháp luật.

Việc nhập khẩu mỹ phẩm không còn nguyên vẹn bao bì, xuất xứ bị phạt tiền từ 10 đến 20 triệu đồng. Mức phạt lên đến 30 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau: Nhập khẩu mỹ phẩm có thành phần chất cấm sử dụng trong mỹ phẩm hoặc vượt quá giới hạn cho phép đối với các chất có quy định giới hạn nồng độ, hàm lượng sử dụng theo quy định hiện hành của pháp luật; Nhập khẩu mỹ phẩm đã bị nước sản xuất công bố cấm lưu hành trên thị trường.

Về hoạt động kinh doanh trang thiết bị y tế, các cơ sở kinh doanh không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; hoặc không đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự cho việc sản xuất và kinh doanh trang thiết bị y tế theo đúng quy định; hoặc không niêm yết giá hoặc bán cao hơn giá niêm yết sẽ bị phạt tiền từ 5 đến 10 triệu đồng. Mức phạt lên đến 20 triệu đồng đối với cơ sở kinh doanh trang thiết bị y tế không có sổ đăng ký lưu hành, không có giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế hoặc không có giấy tờ chứng minh rõ nguồn gốc xuất xứ; hoặc kinh doanh quá phạm vi đăng ký kinh doanh...

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2011.

**8. Cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

Về nội dung trên, ngày 14/11/2011, Bộ Y tế đã ra Thông tư số 41/2011/TT-BYT, áp dụng đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi toàn quốc, trừ người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

Theo đó, một người hành nghề chỉ được đăng ký chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; chỉ được đăng ký làm lãnh đạo của một khoa hoặc phòng hoặc phụ trách bộ phận chuyên môn của một cơ sở khám bệnh chữa bệnh. Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật có thể kiêm nhiệm làm lãnh đạo của một khoa hoặc phòng hoặc phụ trách bộ phận chuyên môn trong cùng một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với bằng cấp chuyên môn được đào tạo của người đó. Người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được đăng ký làm người đứng đầu, người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài giờ. Riêng đối với người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước không được đăng ký làm người đứng đầu của bệnh viện tư nhân hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Luật hợp tác xã, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử tham gia quản lý, điều hành tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có phần vốn của Nhà nước.

Người hành nghề đã đăng ký làm người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được đăng ký làm việc ngoài giờ tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhưng tổng thời gian làm ngoài giờ không quá 200 giờ trong một năm theo quy định của Bộ luật Lao động. Người hành nghề đã đăng ký hành nghề tại một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì không được đăng ký làm người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh khác với nơi mình đang hành nghề để bảo đảm tính liên tục, ổn định trong cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Người hành nghề đã đăng ký hành nghề ở một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh theo chế độ luân phiên cán bộ từ tuyến trên xuống tuyến dưới, khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo hoặc thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo hợp đồng giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì không phải đăng ký hành nghề.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012, bãi bỏ Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/05/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn hành nghề y, y học cổ truyền và thiết bị y tế tư nhân.

9. [Xử phạt vi phạm hành chính trong kinh doanh xăng dầu](#)

Ngày 16/11/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 104/2011/NĐ-CP về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính về kinh doanh xăng dầu.

Theo đó, mức phạt tiền cao nhất từ 60 - 70 triệu đồng đối với hành vi thương nhân đầu mỗi chuyển tải, sang mạn xăng dầu không đúng vị trí quy định, nhập khẩu xăng dầu thấp hơn mức tối thiểu về số lượng, chủng loại được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao hàng năm; duy trì mức dự trữ lưu thông xăng dầu thấp hơn mức tối thiểu theo quy định;...

Phạt tiền từ 10- 20 triệu đồng đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu có một trong các hành vi vi phạm sau: Không niêm yết thời gian bán hàng tại nơi bán hàng; niêm yết thời gian bán hàng không rõ ràng, dễ thấy.

Đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu có một trong các hành vi như: Cắt giảm thời gian bán hàng so với thời gian niêm yết hoặc thời gian bán hàng trước đó mà không có lý do chính đáng; không bán hàng hoặc ngừng bán hàng mà không tùy lý do chính đáng; giảm lượng bán hàng ra so với thời gian trước đó mà không có lý do chính đáng; không bán hàng hoặc ngừng bán hàng mà không có lý do chính đáng; giảm lượng bán hàng ra so với thời gian trước đó mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tiền từ 20-30 triệu đồng.

Phạt tiền từ 40-50 triệu đồng đối với tổng đại lý, thương nhân đầu mỗi có hành vi cắt giảm lượng hàng bán ra so với thời gian trước đó mà không có lý do chính đáng.

Các hành vi vận chuyển, buôn bán, trao đổi xăng dầu qua biên giới không đúng quy định sẽ bị phạt từ 5-70 triệu đồng tùy theo trị giá xăng dầu. Cụ thể, phạt 5 triệu đồng nếu trị giá xăng dầu đến 10 triệu đồng; mức phạt cao nhất đến 70 triệu đồng nếu trị giá xăng dầu từ 100 triệu đồng trở lên và không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2012, bãi bỏ điều 10 Nghị định số 107/2008/NĐ-CP ngày 22/9/2008.

10. [Xử phạt vi phạm hành chính về kinh doanh LPG](#)

Ngày 16/11/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 105/2011/NĐ-CP, quy định xử phạt vi phạm hành chính về kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng.

Theo đó, hành vi vi phạm làm thay đổi hình dạng, kết cấu, trọng lượng ban đầu của chai LPG trái phép (như thay chân đế, cắt quai xách; mài lô gô, thay đổi nhãn hiệu, seri; hàn gắn thêm kim loại; tháo đổi van đầu chai...) sẽ bị phạt nặng với mức phạt từ 40 - 50 triệu đồng.

Bên cạnh đó, hành vi cho mượn hoặc thuê, mượn hay giả mạo Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai cũng bị phạt với mức phạt này.

Các hành vi vi phạm về hoạt động sản xuất, chế biến LPG sẽ bị xử phạt từ 5 - 30 triệu đồng. Cụ thể, phạt tiền từ 5 - 10 triệu đồng đối với một trong các hành vi như: Không có biển "Cấm lửa", "Cấm hút thuốc", "Nội quy phòng cháy chữa cháy"... treo tại khu vực sản xuất, chế biến LPG theo quy định; không đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên làm việc tại cơ sở sản xuất, chế biến LPG theo quy định. Hành vi đưa sản phẩm LPG lần đầu vào lưu thông không được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận bảo đảm an toàn, tiêu chuẩn chất lượng theo quy định bị phạt từ 10 - 20 triệu đồng.

Mức phạt 20 - 30 triệu đồng sẽ được áp dụng đối với các hành vi: Không có hệ thống phân phối quy định khi tổ chức bán lẻ LPG và LPG chai trên thị trường; bán buôn LPG cho thương nhân kinh doanh LPG khác không đảm bảo điều kiện theo quy định...

Phạt tiền từ 5 - 10 triệu đồng đối với các hành vi: Không cung cấp cho khách hàng bản hướng dẫn an toàn sử dụng LPG, trong đó có ghi số điện thoại của trạm cấp LPG, nhân viên trực tiếp quản lý trạm cấp LPG để tiện liên hệ khi cần thiết.

Nếu san chiết, nạp LPG, sửa chữa chai LPG không đúng nơi quy định; bán LPG cho khách hàng không tuân thủ quy định về an toàn sử dụng LPG, phòng chống cháy, nổ bị phạt từ 10 - 20 triệu đồng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2012.

11. [Bảo hiểm trách nhiệm trong khám bệnh, chữa bệnh](#)

Ngày 14/11/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 102/2011/NĐ-CP, về bảo hiểm trách nhiệm trong khám bệnh, chữa bệnh.

Theo đó, phạm vi bảo hiểm được quy định cụ thể là: bảo hiểm đối với tai biến trong khám bệnh, chữa bệnh do sai sót chuyên môn kỹ thuật gây ra bởi lỗi sơ suất, bất cẩn của người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gây ra cho người bệnh. Các trường hợp khác do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và doanh nghiệp bảo hiểm tự thỏa thuận.

Mức trách nhiệm bảo hiểm cho mỗi vụ khiếu nại thuộc phạm vi bảo hiểm là số tiền tối đa doanh nghiệp bảo hiểm phải trả nhưng không vượt quá tổng mức trách nhiệm bảo hiểm đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm. Mức trách nhiệm bảo hiểm bao gồm cả chi phí pháp lý trong trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải chi trả theo quy định của pháp luật.

Doanh nghiệp bảo hiểm và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được chủ động thỏa thuận phí bảo hiểm và mức trách nhiệm bảo hiểm trên cơ sở đánh giá rủi ro của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và những yếu tố liên quan.

Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên cơ sở: Đơn khiếu nại của người bệnh hoặc đại diện hợp pháp của người bệnh gửi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Tai biến trong khám bệnh, chữa bệnh xảy ra đối với người bệnh trong phạm vi bảo hiểm và mức trách nhiệm bảo hiểm; tai biến trong khám bệnh, chữa bệnh xảy ra trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

Theo lộ trình, chậm nhất đến 31/12/2015 tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoạt động theo hình thức tổ chức là bệnh viện bao gồm bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện y học cổ truyền mua bảo hiểm trách nhiệm trong khám bệnh, chữa bệnh.

Đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoạt động theo hình thức tổ chức khác thì chậm nhất đến ngày 31/12/2017 phải mua bảo hiểm trách nhiệm trong khám bệnh, chữa bệnh.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ 01/01/2012.

#### 12. Hướng dẫn thanh toán BHYT đối với người bị tai nạn giao thông

Ngày 11/11/2011, Liên tịch Bộ Y tế, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư liên tịch số 39/2011/TTLT-BYT-BTC về việc hướng dẫn thủ tục thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với người tham gia bảo hiểm y tế bị tai nạn giao thông.

Theo đó, Người tham gia bảo hiểm y tế bị tai nạn giao thông, trong khi chưa có đủ căn cứ để xác định nguyên nhân xảy ra tai nạn giao thông là do hành vi vi phạm pháp luật về giao thông của người đó gây ra, khi đi khám bệnh, chữa bệnh được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định.

Khi có đủ căn cứ xác định nguyên nhân xảy ra tai nạn giao thông là do hành vi vi phạm pháp luật về giao thông của người bị tai nạn gây ra hoặc trường hợp bị tai nạn giao thông nhưng không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế, người bị tai nạn không được hưởng chế độ bảo hiểm y tế và có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ các khoản chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho quỹ bảo hiểm y tế.

Trường hợp người bị tai nạn giao thông là trẻ em dưới 14 tuổi, người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên được hưởng chế độ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định mà không phải thực hiện xác định hành vi vi phạm pháp luật về giao thông.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/12/2011, bãi bỏ khoản 3 Điều 8 Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-BTC ngày 14/8/2009.

#### 13. Một số quy định mới về tổ chức trường đại học tư thục

Ngày 10/11/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 63/2011/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục ban hành kèm theo Quyết định số 61/2009/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ không hạn chế số lượng trường mà mỗi thành viên được tham gia góp vốn điều lệ, thay cho quy định hiện hành là mỗi thành viên chỉ được tham gia góp vốn điều lệ ở không quá 2 trường đại học, cao đẳng tư thục.

Việc đầu tư thành lập trường đại học tư thục phải có ít nhất 3 thành viên (tổ chức hoặc cá nhân) tham gia góp vốn điều lệ, trong đó mức góp vốn của mỗi thành viên tối đa là 51% so với vốn điều lệ của trường đó.

Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng trường đại học tư thục phải là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục và Điều lệ trường đại học; không là công chức, viên chức trong biên chế nhà nước; không quá 70 tuổi tính đến ngày ban hành quyết định công nhận Hiệu trưởng của cấp có thẩm quyền (đối với Hiệu trưởng) hoặc khi được bổ nhiệm (đối với Phó Hiệu trưởng). Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo và nghiên cứu khoa học phải có tiêu chuẩn như đối với Hiệu trưởng.

Việc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường đại học tư thục thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/12/2011.

#### 14. Thành lập và hoạt động văn phòng đại diện

Ngày 28/10/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 100/2011/NĐ-CP, quy định về thành lập và hoạt động văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.

Theo đó, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tiến hành các hoạt động liên quan đến xúc tiến thương mại tại Việt Nam phải thành lập Văn phòng đại diện theo quy định.

Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài. Không được thành lập Văn phòng đại diện trực thuộc Văn phòng đại diện.

Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài được xét cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam khi đáp ứng 2 điều kiện sau đây: 1- Là tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài; 2- Có điều lệ, tôn chỉ mục đích hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với luật pháp Việt Nam.

Văn phòng đại diện được thực hiện các hoạt động liên quan đến xúc tiến thương mại bao gồm: Thực hiện chức năng văn phòng liên lạc; thực hiện các hoạt động nhằm thúc đẩy các hoạt động xúc tiến thương mại từ nước ngoài vào Việt Nam và ngược lại; hỗ trợ các doanh nghiệp của nước ngoài tiếp cận và hoạt động tại thị trường Việt Nam; nghiên cứu và cung cấp các thông tin kinh tế; thương mại, thị trường cho các tổ chức doanh nghiệp nước ngoài; thúc đẩy các hoạt động ngoại thương/thương mại qua biên giới với Việt Nam; các hoạt động nhằm kết nối giao thương giữa các doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp tại Việt Nam.

Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động trong 5 trường hợp: 1- Theo đề nghị của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài và được cơ quan cấp giấy phép chấp thuận; 2- Khi tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của nước nơi tổ chức xúc tiến thương mại đó thành lập; 3- Hết thời hạn hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài không đề nghị gia hạn; 4- Hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà không được cơ quan cấp giấy phép chấp thuận gia hạn; 5- Bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2011.

15. Hướng dẫn Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: Ngày 27/10/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 99/2011/NĐ-CP về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Theo đó, Cơ quan bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cấp huyện có trách nhiệm lập và công khai danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm quyền lợi người tiêu dùng. Trường hợp vụ việc vi phạm liên quan từ 2 huyện trở lên thì sở công thương có trách nhiệm công bố danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh vi phạm. Trường hợp vụ việc liên quan đến 2 tỉnh trở lên, Bộ Công thương có trách nhiệm công bố danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh vi phạm.

Danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh vi phạm được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Thời hạn công bố tổ chức, cá nhân kinh doanh vi phạm là 30 ngày kể từ ngày công bố.

Ban quản lý chợ, thương nhân kinh doanh chợ, trung tâm thương mại công bố công khai danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh trong phạm vi chợ, trung tâm thương mại vi phạm quyền lợi người tiêu dùng tại chợ, trung tâm thương mại do mình quản lý.

Yêu cầu bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng phải có: Thông tin về tổ chức, cá nhân kinh doanh vi phạm; thông tin về tổ chức xã hội hoặc người tiêu dùng yêu cầu; nội dung vụ việc và yêu cầu cụ thể của người tiêu dùng, tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời theo quy định tại Điều 26 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Trường hợp vụ việc phức tạp, thời hạn trả lời có thể được gia hạn nhưng không quá 15 ngày làm việc.

Trong quá trình giải quyết yêu cầu bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, nếu cơ quan có thẩm quyền xác định vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác thì chuyển hồ sơ vụ việc cho cơ quan đó giải quyết và nêu rõ trong văn bản trả lời người tiêu dùng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2011.

16. Không đóng BHYT cho người lao động bị phạt đến 30 triệu đồng: Ngày 17/10/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 92/2011/NĐ-CP về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế.

Theo đó, Người sử dụng lao động sẽ bị phạt tiền từ 0,5 đến 30 triệu đồng sẽ bị phạt cho hành vi không đóng BHYT cho toàn bộ số người lao động có trách nhiệm tham gia BHYT.

Cụ thể, khi vi phạm không đóng BHYT cho từ 1 đến 10 người lao động, người sử dụng lao động bị phạt từ 0,5 đến 1 triệu đồng.

Mức từ 20 đến 30 triệu đồng áp dụng với hành vi không đóng BHYT cho từ 1.001 người lao động trở lên.

Trường hợp đóng không đủ số người có trách nhiệm tham gia BHYT, người sử dụng lao động cũng sẽ bị phạt tiền từ 0,3 đến 1 triệu đồng/1 người lao động.

Còn nếu đóng BHYT không đủ số tiền phải đóng thì mức phạt sẽ từ 0,3 - 32 triệu đồng tùy theo giá trị vi phạm.

Nếu tẩy xóa, sửa chữa thẻ BHYT để sử dụng trong khám bệnh, chữa bệnh BHYT sẽ bị phạt từ 0,5 - 1 triệu đồng đối với trường hợp vi phạm nhưng chưa làm thiệt hại đến quỹ BHYT; phạt từ 1 - 2 triệu đồng đối với trường hợp vi phạm gây thiệt hại đến quỹ BHYT.

Hành vi cho người khác mượn thẻ BHYT hoặc sử dụng thẻ BHYT của người khác trong khám bệnh, chữa bệnh cũng sẽ bị phạt từ 0,5 - 2 triệu đồng. Ngoài ra, còn bị tạm giữ thẻ BHYT trong thời hạn 30 ngày.

Hành vi lập hồ sơ bệnh án, kê đơn thuốc mà thực tế không có người bệnh nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự bị cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 0,5 đến 24 triệu đồng tùy mức độ vi phạm.

Mức phạt cao tới 40 triệu đồng sẽ áp dụng đối với hành vi kê tăng số lượng hoặc thêm loại thuốc, vật tư y tế dịch vụ kỹ thuật, chi phí giường bệnh và các chi phí khác mà thực tế không có người sử dụng; lạm dụng dịch vụ y tế trong khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2011.

**17. Bổ sung một số quy định xử lý tang vật vi phạm là hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng:**

Ngày 10/10/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 139/2011/TT-BTC về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2010/TT-BTC ngày 20/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xử lý tang vật vi phạm hành chính là hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng và quản lý số tiền thu được từ xử lý tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính.

Theo đó, hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng bao gồm: Hàng hóa tươi sống, dễ bị ôi thiu, khó bảo quản; Hàng hoá dễ cháy, nổ (xăng, dầu, ga, khí hoá lỏng và các chất dễ cháy, nổ khác); Hàng thực phẩm đã qua chế biến, thuốc chữa bệnh, thuốc thú y mà hạn sử dụng còn dưới 30 ngày theo hạn ghi trên bao bì, nhãn hàng; Các loại hàng hoá, vật phẩm khác nếu không xử lý ngay sau khi bị bắt giữ sẽ bị hư hỏng hoặc hết thời hạn sử dụng.

Đối với hàng hoá dễ cháy, nổ chỉ được bán cho các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào nội dung chi, mức chi và thực tế xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tại địa phương, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân cấp tỉnh quy định tỷ lệ (%) chi phí khoán cho Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản và cơ quan của người ra quyết định tịch thu trên giá trị của tài sản, hàng hoá bán được. Mức khoán không vượt quá mức phí bán đấu giá do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và được áp dụng chung cho tất cả các cuộc bán đấu giá. Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, cơ quan của người ra quyết định tịch thu được chủ động sử dụng chi phí được khoán để chi cho các nội dung theo quy định tại Thông tư 137/2010/TT-BTC và không vượt quá mức khoán quy định. Trường hợp cần thiết, Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, cơ quan của người ra quyết định tịch thu được cơ quan tài chính tạm ứng để có nguồn chi cho công tác bán đấu giá tài sản nhưng không vượt quá mức khoán được giao. Cuối năm ngân sách, Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, cơ quan của người ra quyết định tịch thu thực hiện quyết toán chi phí thực tế cho việc bán đấu giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong năm theo quy định hiện hành. Trường hợp số chi theo quyết toán thực tế nhỏ hơn so với chi phí khoán thì số chênh lệch thừa được xử lý như sau: Đối với Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện, cơ quan của người ra quyết định tịch thu thực hiện nộp ngân sách nhà nước; đối với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản được xử lý theo cơ chế tài chính hiện hành áp dụng với đơn vị sự nghiệp công lập.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2011.

**18. Quy định mới về vận tải đa phương thức quốc tế:** Ngày 10/10/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 89/2011/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về vận tải đa phương thức.

Theo đó, trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Giao thông Vận tải cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế cho doanh nghiệp (Giấy phép này sẽ có giá trị 5 năm kể từ ngày cấp).

Nghị định còn quy định số bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế là một bộ. Các doanh nghiệp, hợp tác xã nộp một bộ hồ sơ đề nghị này trực tiếp tại Văn phòng Bộ Giao thông Vận tải hoặc qua đường bưu chính.

Hồ sơ bao gồm đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế; hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp vận tải đa phương thức hoặc có bảo lãnh tương đương.

Ngoài ra, Nghị định cũng quy định trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Bộ Giao thông Vận tải phải có văn bản trả lời doanh nghiệp và nêu rõ lý do...

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/11/2011.

**19. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá phát đến 40 triệu đồng:** Ngày 20/9/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2011/NĐ-CP, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá.

Theo đó, mức phạt cao nhất 40 triệu đồng được áp dụng đối với hành vi bán hàng hóa thấp hơn giá sàn, mức giá tối thiểu hoặc cao hơn giá tối đa do cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc quy định.



Đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các biện pháp bình ổn giá do cơ quan có thẩm quyền quy định sẽ bị phạt tiền 15 triệu đồng (mức phạt hiện hành là 5 - 10 triệu đồng). Nghị định cũng bổ sung quy định phạt 30 triệu đồng đối với hành vi vi phạm quy định về trích lập và sử dụng Quỹ bình ổn giá.

Bên cạnh đó, hành vi không niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ tại siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng, quầy hàng, điểm giao dịch mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ hoặc niêm yết giá không đúng quy định, gây nhầm lẫn cho khách hàng; bán hàng hóa, thu tiền dịch vụ cao hơn giá niêm yết có thể bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 10 triệu đồng.

Các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức có liên quan có hành vi bịa đặt, loan tin, đưa thông tin không đúng sự thật về tình hình thị trường, giá cả hàng hóa, dịch vụ trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử... gây hoang mang trong xã hội và bất ổn thị trường sẽ bị phạt tiền từ 10 - 20 triệu đồng. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng đối với cá nhân có hành vi bịa đặt, loan tin không đúng sự thật về tình hình thị trường, giá cả hàng hóa, dịch vụ gây tâm lý hoang mang trong xã hội và bất ổn thị trường. Nếu hộ kinh doanh vi phạm, sẽ phạt tiền từ 1 - 5 triệu đồng; doanh nghiệp vi phạm bị phạt 5 - 10 triệu đồng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2011, bãi bỏ Nghị định số 169/2004/NĐ-CP ngày 22/9/2004; các điều 6,7,8,9 của Nghị định số 107/2008/NĐ-CP ngày 22/9/2008.

20. Bổ sung quy định về quyền tác giả và quyền liên quan: Ngày 20/9/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 85/2011/NĐ-CP, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan.

Theo Nghị định này, Chính phủ bổ sung quy định quyền tác giả đối với chương trình máy tính. Cụ thể, tác giả chương trình máy tính quy định tại điểm m khoản 1 Điều 14, Điều 22 của Luật Sở hữu trí tuệ được hưởng các quyền nhân thân quy định tại các khoản 1,2 và 4 Điều 19 của Luật Sở hữu trí tuệ.

Ngoài ra, tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sáng tạo chương trình máy tính và tác giả chương trình máy tính có thể thỏa thuận khi ký hợp đồng sáng tạo về quyền đặt tên chương trình máy tính theo quy định.

Tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng hợp pháp bản sao chương trình máy tính có thể làm không quá một bản sao dự phòng, để thay thế khi bản sao đó bị mất, bị hư hỏng hoặc không thể sử dụng được.

Đối với nhuận bút, thù lao và quyền lợi vật chất quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ được xác định theo nguyên tắc việc trả nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất phải bảo đảm lợi ích của người sáng tạo, nhà sử dụng và công chúng hưởng thụ, phù hợp với thực tiễn của đất nước.

Việc sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan và trả nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất phải có hợp đồng bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/11/2011

21. Một số quy định mới về xử phạt VPHC trong lĩnh vực bưu chính

Ngày 08/7/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 58/2011/NĐ-CP, về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính.

Theo đó, hành vi không công bố hoặc công bố không đúng chất lượng dịch vụ bưu chính theo quy định sẽ bị phạt từ 3 - 5 triệu đồng; không cung cấp công khai hoặc cung cấp không đúng bằng chất lượng dịch vụ đã công bố tại điểm phục vụ sẽ bị phạt từ 5 - 10 triệu đồng; mức phạt sẽ là từ 10 - 15 triệu đồng khi doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính có chất lượng thấp hơn chất lượng đã công bố.

Các vi phạm về giá cước dịch vụ bưu chính cũng được quy định tăng mức tiền phạt, cụ thể, phạt tiền từ 10 - 20 triệu đồng đối với hành vi vi phạm quy định giá cước dịch vụ bưu chính không đúng thẩm quyền; mức phạt có thể lên tới 30 triệu đồng đối với hành vi không xây dựng, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phương án giá cước dịch vụ bưu chính theo quy định.

Bên cạnh đó, hành vi không thực hiện kiểm kê, lập biên bản và gói, bọc lại trong trường hợp vỏ bọc bưu gửi bị rách, hư hại có thể bị phạt tiền từ 3 - 5 triệu đồng; hành vi bóc mở, tráo đổi nội dung bưu gửi, chiếm đoạt bưu gửi, hủy bưu gửi trái luật, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, bưu gửi và mạng bưu chính trong kinh doanh dịch vụ sẽ bị phạt từ 10 - 15 triệu đồng.

Các hành vi gửi hoặc chấp nhận hoặc vận chuyển hoặc phát hành những vật phẩm, hàng hóa có nội dung đe dọa, quấy rối, xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự người khác bị phạt từ 3 - 5 triệu đồng; riêng hành vi gửi hoặc chấp nhận hoặc vận chuyển hoặc phát hành những ấn phẩm, hàng hóa có nội dung kích động, gây mất an ninh, phá hoại đoàn kết dân tộc, chống phá nhà nước sẽ bị phạt đến 70 triệu đồng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/09/2011 và thay thế Mục 1, Chương II, Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 08/07/2004; Nghị định số 55/2010/NĐ-CP ngày 24/05/2010.

### PHẦN III. TỶ GIÁ THAM KHẢO TRONG HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

#### 1. Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD từ tháng 07/2011 đến tháng 12/2011

Tháng 07/2011				Tháng 08/2011			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
01/07	20.618	18/07	20.608	01/08	20.608	24/08	20.628
02/07	20.613	25/07	20.608	10/08	20.618	31/08	20.628
09/07	20.608	30/07	20.608	12/02	20.713	23/02	20.683
11/07	20.608	31/07	20.608	15/02	20.703	24/02	20.688
Tháng 09/2011				Tháng 10/2011			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
01/09	20.628	18/09	20.628	01/10	20.628	18/10	20.723
02/09	20.628	25/09	20.628	05/10	20.638	19/10	20.733
09/09	20.628	28/09	20.628	06/10	20.648	20/10	20.738
11/09	20.628	30/09	20.628	07/10	20.653	25/10	20.748
				11/10	20.668	26/10	20.768
				13/10	20.678	27/10	20.788
				14/10	20.688	28/10	20.803
				15/10	20.708	31/10	20.803
Tháng 11/2011				Tháng 12/2011			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
01/11	20.803	19/11	20.803	01/12	20.803	24/12	20.828
05/11	20.803	21/11	20.803	14/12	20.813	31/12	20.828
07/11	20.803	26/11	20.803	24/12	20.828		
12/11	20.803	28/11	20.803				
14/11	20.803	30/11	20.803				

## 2. Tỷ giá tính chéo giữa Đồng VN với một số ngoại tệ tại ngày 31/12/2011

STT	Ngoại tệ	Tên ngoại tệ	Tỷ giá
1	EUR	Đồng Euro	27.044,41
2	JPY	Yên Nhật	266,76
3	GBP	Bảng Anh	32.276,80
4	CHF	Pho rãng Thụy Sĩ	22.207,64
5	AUD	Đô la Úc	20.646,50
6	CAD	Đô la Canada	20.066,53
7	SEK	Curon Thụy Điển	3.003,97
8	NOK	Curon Nauy	3.500,63
9	DKK	Curon Đan Mạch	3.640,48
10	RUB	Rúp Nga	648,22
11	NZD	Đô la Newzealand	15.790,82
12	HKD	Đô la Hồng Công	2.674,33
13	SGD	Đô la Singapore	15.927,91
14	MYR	Ringít Malaysia	6.534,69
15	THB	Bath Thái	665,38
16	IDR	Rupiah Indônêsia	2,29
17	INR	Rupee Ấn độ	395,38
18	TWD	Đô la Đài Loan	685,25
19	CNY	Nhân dân tệ TQuốc	3.285,40
20	KHR	Riêl Cămpuchia	5,17
21	LAK	Kíp Lào	2,61
22	MOP	Pataca Macao	2.598,05
23	KRW	Won Hàn Quốc	17,80